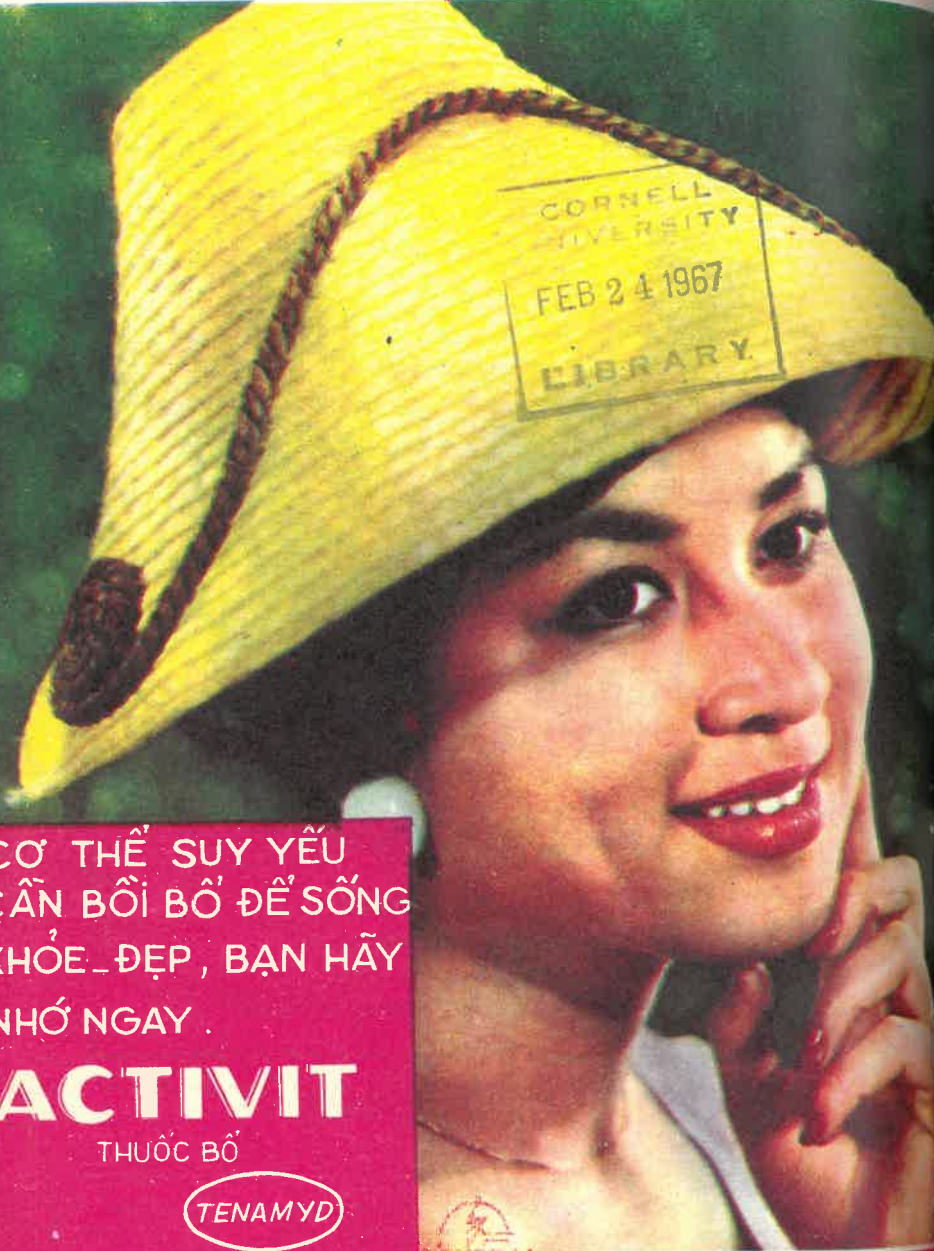


Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM MỚI !
Quà Xuân không gì bằng thuốc ACTIVIT



CƠ THỂ SUY YẾU
CẦN BỒI BỔ ĐỂ SỐNG
KHỎE ĐẸP, BẠN HÃY
NHỚ NGAY.

ACTIVIT

THUỐC BỔ

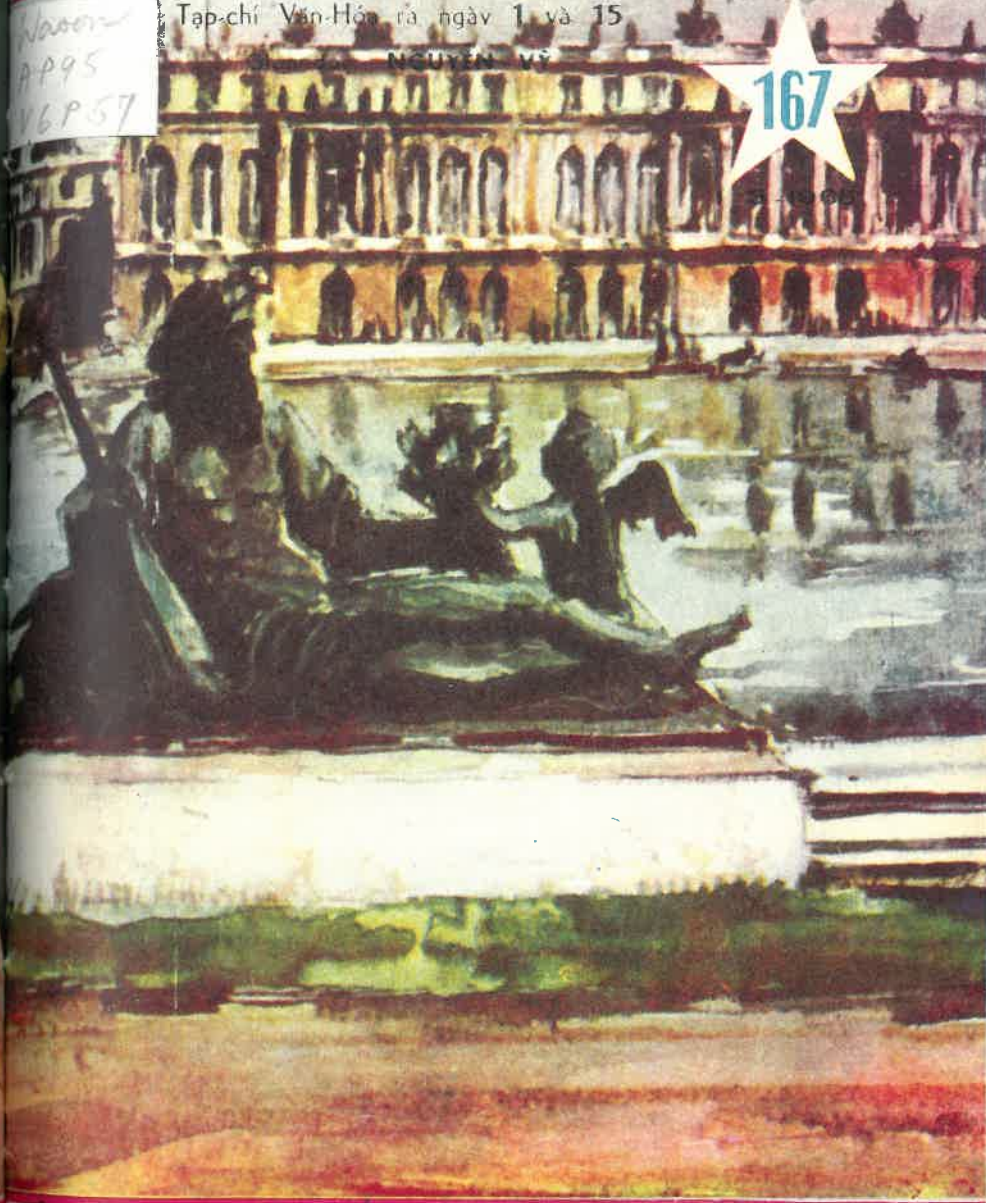
TENAMYD

PHỐ THÔNG

Tạp chí Văn-Hiến ra ngày 1 và 15

NGUYỄN VỸ

167



Cung điện VERSAILLES - PHÁP



Cảm tạ

Chúng tôi có nhận được tất cả các thiệp
Năm Mới do quý bạn xa gần ở trong Nước
và Ngoại quốc đã có mỹ-ý gửi về chúng tôi.
Xin thành thật cảm tạ quý Bạn.

NGUYỄN-VŨ

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÂY
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU, YÊU ĐỜI



Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.869



NĂM THỨ VIII ★ số 167 ★ 1-3-1966

- | | | |
|---|---------------------|---------|
| 1.— Huyền Trân Công Chúa và
hai Châu Ô-Lý . . . | Lê-Tràng-Kiều | 7 — 9 |
| 2.— Chế độ quân-dịch qua các thời đại | Trịnh-văn-Tiến | 10 — 17 |
| 3.— Bí quyết hồi xuân của
mấy ông già Âu-châu | Té-Xuyên | 18 — 23 |
| 4.— Bước lên 1 bậc thang (truyện) | Thanh-Thương-Hoàng | 24 — 28 |
| 5.— Dưới bầu trời máu lệ (thơ) | Sagan-Liên | 29 |
| 6.— Nghệ thuật và sáng tạo
trong hội họa | Nguyễn-Khoi | 30 — 32 |
| 7.— Ghen (truyện của Maugham) | Nhã-Điền | 33 — 42 |
| 8.— Hồn ta (thơ) | Lê-ngọc-Tuân | 43 |
| 9.— Thần thoại Hy-Lạp La-Mã | Đàm-quang-Thiện | 44 — 51 |
| 10.— Hiện hữu (thơ) | Hoàng thị Thủy-Tiên | 52 |
| 11.— Linh hồn dân tộc Chăm
qua thi ca Chế-Lan-Viên | Trần-tuấn-Kiệt | 53 — 59 |

12.— Alfred Hitchcock nhà đạo diễn trứ danh	Phạm-danh-Quang	60 — 64
13.— Sog (thơ)	Thủy-dương-Tử	65
14.— Vô nghĩa (truyện)	Kim-Liên	66 — 72
15.— Cuối ngày (thơ)	Trần-minh-Phú	73
16.— Khi người gèn trở lại (thơ)	Hoàng-Thắng	74
17.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	75 — 78
18.— Hồi chuông sám hối (tùy bút)	Dạ.Thủy	79 — 81
19.— Thành phố (thơ)	Nguyễn-vưong	82
20.— Nhà cách mạng bị giam kín trọng tâm đại sứ	Tân-Phong	83 — 87
21.— Đưa người (thơ)	Tống-minh-Phụng	88
22.— Cay cúe (thơ)	Tướng — Đào	89
23.— Minh ơi! Tuổi phiến là gì?	Điệu-Huyền	90 — 96
24.— Huyền Trân Công Chúa (tiếp tr. 9)	Lê-tràng-Kiều	97 — 99
25.— Thu dạ tử hoài (thơ)	Vô-Danh	100 — 103
26.— Sách báo mới	P.T.	104 — 105
27.— Một kiếp phù du	Tín-Khanh	106 — 109
28.— Ngón ngời Châm	Jaya Panrang	110 — 116
29.— Chín khúc (thơ)	Nguyễn-vạn-Hồng	117
30.— Vui buồn trong làng văn	Cầm-Sương	118 — 121
31.— Lửa tình	Trần-Đuẩn-Khai	122 — 125
32.— Thư bạn đọc	P.T.	126 — 130

• Tổng phát hành PHỔ THÔNG toàn quốc :
ĐÔNG NAI, 270, Đa-Thám — Saigon

• Tổng-phát-hành PHỔ THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa

LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS 7^e
(vente — abonnements — Publicité)

Huyền-Trân công chúa và châu Ô, châu Lý

CÙNG CÂU CHUYỆN ★
GỐC TÍCH

THÀNH LỜI
Ở HUẾ

suu khảo

• LÊ-TRĂNG-KIỆU

CÂU chuyện Huyền-Trân Công-Chúa đời nhà Trần nước ta thường là một số người nông dân không chịu suy nghĩ đến số phận với chuyện Chiêu-Quân đời Hán.

Sự thực thì câu chuyện khác nhau xa, nhưng nếu đem so-sánh quả là một điều kỳ thú. Một đằng là vua Hán Nguyên-Đế nước Trung-Hoa là một ông Vua hiền yếu, ngưỡng mộ sức đẹp của nàng Chiêu-Quân vô cùng, cũng ái, mà không sao nắm giữ được. Ngay khi Vua nước Hung-Nô, được Mao-Điền-Tho cho biết nàng đẹp tuyệt vời, liền mang quân uy-lấp Trung-Hoa, đòi vua Hán phải mang nàng sang cống hiến, thì Hán Nguyên-Đế đành một lẽ, theo lời yêu sách của vua Hồ mà đưa nàng Chiêu-Quân sang cống. Chiêu-Quân ở vào tình thế ấy, đành nhịn nhục làm con vật hy sinh để cho xứ sở khỏi bị đánh chiếm, nhưng ngay trong ngày bị đưa đi cống, nàng làm lễ bái vọng về quê hương, rồi nhảy xuống sông tự vẫn để giữ trọn tình chung-thủy đối với vua Hán. Câu chuyện thực là buồn, và cũng thực là bức. Càng cảm động, buồn thương Chiêu-Quân bao nhiêu, ta càng giận Hán-đế bấy nhiêu.

HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHÚA

Còn ở ta, khác hẳn ! Câu chuyện thực là đẹp đẽ, và cũng thực là hiển hậu ! Đời nhà Hán, vua Trung-Hoa nhu nhược bao nhiêu thì đời nhà Trần, Vua ta anh hùng bấy nhiêu.

Đời Trần bấy giờ là đời rực rỡ võ công, huy hoàng văn trị. Những võ tướng của nhà Trần phần nhiều cũng là những tay tài giỏi văn chương. Đến võ công của đại tướng Trần-Quốc-Tuấn thì thật là một võ công hiển hách trong lịch sử.

Đành rằng những chiến-thắng hồi ấy, được thành công là do tài điều khiển của những tướng lãnh kiệt liệt đời nhà Trần, tuy nhiên một phần lớn cũng do sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà cái tinh-thần tự lập cuộn cuộn khơi nguồn ở thành Thăng-Long — như lời tác giả « Lịch sử Hà-nội », ông Nguyễn-Quang-Lực đã chú ý đến vậy.

Trong đời Trần, còn có một đặc biệt của thời thế là đối với quân Nguyên miền Bắc, ta hùng dũng giải-quyết quốc-vận bằng binh đao, thì đối với Chiêm-thành miền Nam, sau khi biểu dương võ-công với họ vào năm Nhâm-Tý (1252) ta đã lợi dụng thời cơ bằng tình cảm. Vì cuộc vu quy của HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHÚA nhà Trần mà ta lấy về được hai Châu Ô, Lý (tức là Huế bây giờ).

Nhưng đến đây ta phải nhận định rõ : cuộc lợi dụng thời cơ bằng tình cảm đây cốt là để gây tình hòa-hiếu giữa hai dân tộc sát vách nhau cần phải sống chung tốt đẹp bên cạnh nhau, và sự ta lấy về được hai châu Ô, Lý, nhân cuộc gả Huyền-Trần Công-Chúa, cũng là do sự tình cờ, chứ ta không hề có ý cầu cạnh trong việc này.

✱

HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHÚA

Lịch sử kể lại : « Vào năm Tân-Sửu (1301) Nhân-Tông Thượng-hoàng nhà Trần sang ngoạn cảnh Chiêm-Thành, có ước gả Huyền-Trần Công-Chúa cho Vua Chiêm là Chế-Mân. Về sau Chế-Mân cứ vin lấy lời ước ấy mà xin cưới. Nhưng ông Vua phiên-thần ấy (đấy không phải là Vua Hung nô, và trường hợp bang giao Chiêm quốc với nước ta bây giờ đang hồi cực thịnh, vẻ vang qua những vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông..., nó không giống chút nào trường hợp bang giao như Hung-nô với Trung-quốc, trong thời vua Hán Nguyên-Đế)... ông vua phiên-thần ấy hẳn cũng hiểu rõ rằng một kẻ man rợ phương Nam, dẫu ở ngai vàng điện bái, muốn cầu hôn một nàng công-chúa Thăng-Long không phải là chuyện dễ. Cho nên, ngoài những món sinh lễ bằng vàng, bạc, châu báu rất hậu, vua Chiêm-thành đã đem món sinh lễ bằng đất đai để đổi lấy người đẹp. Món sinh lễ ấy là Châu Ô và Châu Lý, đất Huế bây giờ.

Sách « Hoàng Việt Địa dư chí » chép việc này như sau : « Năm Hưng-Long thứ 14, vua Trần Anh Tông gả Huyền-Trần Công-Chúa cho Vua Chiêm là Chế-Mân. Nước Chiêm lấy Châu Ô, Châu Lý làm sinh vật bèn cải làm châu Thuận Hóa. (Trần Anh Tông, Hưng Long thập tứ niên, giá Huyền-Trần công chúa vu Chiêm chúa Chế-Mân. Chiêm dĩ Ô, Lý vi sinh vật, nãi cải vi Thuận Hóa châu).

Về việc này, lời thơ vịnh-sử của Hoàng-Cao-Khải có cái giọng ngạo nghễ như sau :

« Hai châu Ô, Lý vương ngăn dậm
• Một gái Huyền Trần của mấy mươi l»

(xem tiếp trang 97)

chế độ

QUÂN DỊCH

QUA CÁC
THỜI ĐẠI

ĐÌNH - LÊ
LÝ - TRẦN
LÊ - NGUYỄN



Đi quân dịch thời
nhà Đinh

TRƯỚC thế kỷ thứ 10, Việt Nam bị Bắc thuộc liên miên, tất nhiên chưa thể nào có quân đội riêng. « Riêng » với nghĩa độc lập, cá biệt, dân tộc tính. Như vậy, nếu muốn truy nguyên ra lịch trình tổ chức của quân đội VN. thì người ta cũng phải bắt đầu từ nhà Đinh trở đi.

Đinh tiên Hoàng dấy binh năm 968, nhưng đến mãi 6 năm sau, khi nhà vua đã cùng cổ xong để nghiệp ở Hoa Lư, Người mới nghĩ đến việc chỉnh bị quân đội, vào năm 974.

Nhà Đinh chia binh lực ra thành 10 Đạo. Rồi cứ lấy số 10 làm đơn vị phân phối chung, mỗi Đạo gồm 10 Quân, mỗi Quân gồm 10 Lữ, mỗi Lữ gồm 10 Tốt, mỗi Tốt gồm 10 Ngũ, và mỗi Ngũ gồm 10 người.

Trên lý thuyết, so sánh sự sắp đặt này với quân đội ngày nay người ta sẽ rút ra được những

CHẾ ĐỘ QUÂN DỊCH

thành phần tương đương, (tôi nói tương đương) :

Ngũ 10 người hay Tiểu đội.

Tốt (100 người) hay Đại đội.

Lữ (1000 người) hay Tiểu đoàn.

Quân (10.000 người) hay Liên đoàn. Đạo.

(100.000 người) hay 2 quân đoàn.

10 Đạo (1 triệu người) hay...

Đối chiếu như trên, để tìm gặp những chỗ gần đúng (Đạo với quân đoàn) và những chỗ sai biệt (chỉ sai biệt về cấp số).

Nhưng sở dĩ giữa cổ với kim đã chênh lệch nhau về cấp số. chỉ vì, thời xưa lấy số 10 làm đơn vị phân phối, còn ngày nay chỉ lấy số 4 để qui định :

1 Tiểu đội gồm 4 Tiểu tổ (3 x 4) là 12 người. 4 Tiểu đội (48 người) hợp thành 1 Trung đội, gọi chẵn là 50 người. 4 trung đội hợp thành 1 Đại đội 200 người, 4 Đại đội là một Tiểu đoàn, 800 người (theo nhu cầu của Binh chủng, có thể co giãn từ 800 đến 1000 người).

Cứ thế, mỗi Trung đoàn gồm 3200 người (gọi chẵn là 4000

người), mỗi sư đoàn gồm 12800 (gọi chẵn là 16000 người), và mỗi quân đoàn gồm 51200 (gọi chẵn là 50000 người.)

Hiện ta có 4 quân đoàn, tức 204800 gọi chẵn là 200.000 người. Vẫn trên lý thuyết.

Trên thực tế, quân số của ta còn có thể xê xích hơn hoặc kém chút đỉnh, đối với con số 200.000 vì hai động tác bù trừ, hoặc tăng cường hoặc giảm thiểu, tùy thuộc ở nhịp điệu diễn biến của chiến sự hiện nay.

Nhưng cứ trong bài này, tính bỏ đồng để lấy số chẵn, thì chúng ta đã phải cộng thêm ở các cấp Tiểu đoàn (+ 200), Trung đoàn (+ 800) và sư đoàn (+ 3200). Tổng số « dương » là 4200 người. Không kể 2 người ở cấp Trung đội (48 = 50).

Sau đó, ngược lại, chúng ta đã phải trừ bớt ở các cấp Quân đoàn (- 1200) và Quân lực (- 4800). Tổng số « âm » là 6000 người.

Giữa hai độ thêm (4200) bớt (6000), qua - phương trình (- 6000) - (+ 4.200) = - 1.800, bớt đã nhiều hơn, nó chứng minh cách nói tóm vừa

rồi chẳng hề vấp phải lỗi lầm khuếch đại chút nào.

Bởi đó, tới đây, người ta đã có thể tin chắc rằng, cứ lý ra quân số của quân lực VNCH, trong hiện thời, phải có đủ vào khoảng 200.000 người. Hơn kém chỉ là những quăng xê xích, co rãn tùy theo nhu cầu cấp số của từng binh chủng khác nhau. Chẳng hạn, 1 Đại-đội Bộ-binh phải đông người hơn 1 Đại-đội Truyền-tin.

Nhưng Quân-lực của Đinh-tiên-Hoàng hầu như (tức chưa hẳn là thế) chỉ có một Quân-chủng Lục-quân, và một Binh-chủng Bộ-binh. Những thuyền bè, xe ngựa, vào thời đó, dù sao cũng chưa đáng kể.

Có điều, con số 1 triệu quân (10 Đạo) đã đành không thể thực-hiện nổi ở một triều đại xa xưa đó, đất hẹp, người thưa. Cho nên, nhà Đinh đã cho ứng-dụng «*thề-thức luân phiên*», một số tổng quân, một số cứ việc ở nhà làm ruộng, chờ đến lượt, sẽ thay thế.

Như vậy, rõ ràng, ngay từ thời nhà Đinh, người Việt-nam

đã có chế-độ quân dịch rồi, chế-độ «*nông-quân*».

● 3000 người nhất nước

Sang đời Lê, từ thế kỷ thứ 15 trở đi, chế-độ nông quân vẫn tồn-tại, nhưng đã có sự cải tiến, tạm gọi là *thề thức «ngũ phân»*, hay «*ngũ phiên*». Tổng số trai tráng trong nước được chia đều thành 5 nhóm, trong khi nhóm thứ nhất tòng quân, thì 4 nhóm kia ở nhà làm ruộng, và lần lượt thay phiên cho nhau.

Bạn cạnh chế độ nông quân, *thề thức ngũ phiên* đó, vào năm 1000, vua Lê Đại Hành lại chọn thêm một nhóm nữa, nhóm thứ 6 gồm 3.000 người nhất định. Con số lớn đối với đương thời. 3000 người vạn võ nhất, can trường nhất, nhất nước, được tuyển lựa đề xung vào đạo binh túc trực, một lực lượng quốc phòng gọi là «*Thiên tử quân*».

Từ chế độ nông quân đã bước sang chế độ «*hiện quân*». Nói khác đi, *mới đến thời Tiền Lê, nước ta đã có quân đội hiện dịch rồi, và cũng coi trọng hai yếu tố thể chất và tinh thần.*

28 năm sau, năm 1028, tới

triều vua Lý thái Tôn, đạo binh hiện dịch đó vẫn được duy trì, chỉ khác là quân số đã rút bớt còn có 2.000 người, chia thành 10 Vệ, mỗi Vệ, 200 người, coi như 1 đại đội bây giờ.

10 Vệ (coi như 10 Đại đội) hợp thành 1 Thiên tử quân ngày xưa, thì cũng có tầm quan trọng bằng 1 Liên đoàn An ninh Phòng vệ Phủ, ngày nay.

Ngoài ra còn 9 Quân khác (trừ-bị) ở thành phần ngũ phiên. Họ, trong khi ở nhà làm ăn chờ tãi ngũ, từ quan xuống lính, đều đi trình diện để thụ huấn, *mỗi tháng một lần*. Họ, ngày nay, là những quân nhân trừ bị tậ gia.

Tổ chức lãnh thổ thời Hậu Lê

Tự trung, mỗi triều vua, mỗi giòng vua, lại chấn chỉnh quân đội theo nhu cầu của thời cuộc, nhưng chỉ khác nhau trên ba phương diện thứ yếu: danh hiệu, cấp số và phân quyền. Chẳng hạn mỗi Quân của nhà Đinh gồm 100.000 người, thì đến nhà Trần, đã rút xuống 2.400 người.

Nhưng cũng vì tình hình đòi

hỏi, năm 1279, vua Trần-nhân-Tôn đã cho thành lập một thứ «*Lực lượng Đặt-biệt*» *đông tới 200.000 người* gọi là quân biển phòng. 4 năm sau (1285), vào triều vua Trần - thái - Tôn dưới quyền thống lĩnh của Tướng Trần-quốc-Tuấn, chính đạo binh này, đã đánh bại quân Mông-Cồ.

Đến thời hậu Lê, quân đội mới có sự cách mạng to tát. Năm 1466, vua Lê-thánh-Tôn đã chia quân lực thành 5 *Phu* (như cấp quân đoàn ngày nay). *4 Phu phòng vệ 4 vùng lãnh thổ* (như 4 Vùng chiến - thuật ngày nay) và *1 Phu đặc trách tại kinh đô* (Như Biệt khu Thủ đô ngày nay).

Trong hệ thống chỉ huy, cao nhất là Trung quân (Phu đóng tại kinh đô).

Phu này thật hùng hậu, theo giáo sĩ A. de Rhodes, đông tới 50.000 người. Mỗi lần vua xuất cung, lực lượng hộ giá gồm từ 10 đến 12.000 người, với 300 voi.

Rồi đến 4 *Phu* tại 4 vùng lãnh thổ, dưới quyền các Tướng Hữu quân, Tả quân, Tiền quân

CHẾ ĐỘ QUÂN DỊCH

và Hậu quân.

Cũng vào thời hậu Lê, ngay từ triều đại Lê thái Tổ (1428) quân lực đã chia thành 3 loại như 3 binh chủng: lính Vệ (bảo vệ nhà vua) lính Cơ (biên phòng) và lính Lê (lính của các quan văn, chạy giấy). Riêng lính Lê còn có lính Trạm, để chuyên việc đưa thư.

Theo giáo sĩ Tissanier, cách thức tuyển mộ binh sĩ thời đó (thế kỷ thứ 17, hậu Lê) cũng đã có hai hạng cưỡng bách và tình nguyện đầu quân. Những người Bắc (?) cứ đến tuổi mười tám, đôi mươi, đều phải đi làm nghĩa vụ với vua quan. Cứ sáu năm, vua lại tuyển những ai muốn tái đăng. Ngoài ra còn có nhiều người tình nguyện đi lính (1).

Sang thế kỷ thứ 19, nhà Nguyễn, tổ chức quân đội chẳng có gì thay đổi mấy. Nhất là về cấp số, vẫn giống in thời hậu Lê. Theo giáo sĩ A. de Rhodes, thì lực lượng đó chỉ co răn từ 80.000 (thời bình) đến 200.000 người (thời chiến).

Hệ thống quân giai

Một đặc điểm chung là, từ

thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ thứ 19, tổ chức quân đội vẫn dựa khuôn Ngũ quân (Trung, Hữu, Tả, Tiền, Hậu) với 5 viên Tướng nhất phẩm đứng đầu 4 vùng lãnh thổ và kinh đô.

Thứ đến, ở cấp tỉnh (như Tiểu khu ngày nay) có chức Đề Đốc (Tướng), được phụ tá bởi hai viên Chánh, Phó lãnh binh (Đại tá, Trung tá).

Mỗi Chánh lãnh binh chỉ huy 7 cơ. Mỗi cơ gồm 500 người, thuộc quyền Chánh Phó quân cơ. Dưới nữa là các chức Chánh Phó suất đội, (Đại úy, Trung úy)

Mỗi đội có 5 Thập. Viên Cai (Trung sĩ) chỉ huy một Thập. Ngũ trưởng (nạ sĩ) chỉ huy một Ngũ. 5 người.

Và mặt tốt nghiệp, trường

(1) Nguyên văn : «Les Tunquinois, à l'âge de dix huit, ou de vingt ans selon le style de diverses provinces, sont enrôlés pour le service du Roi ou des Mandarins, et de six ans en six ans le Roi choisit ceux qu'il veut ou pour la garde ou pour l'envoyer à l'armée ; encore bien que quelques-uns aient la coutume de se garantir de cette servitude à force d'argent».

CHẾ ĐỘ QUÂN DỊCH

Một viên cai (như một Trung sĩ ngày nay), mặc quân-phục dạ chiến, đi soát gác. Mỗi cai chỉ huy 1 đội, gồm 5 thập, 25 người (trái)

Một Chánh Lãnh Binh (như 1 Đại-tá ngày nay) Mỗi Chánh Lãnh-binh chỉ huy 7 Cơ, 3.500 người (phải)



Sinh viên Sĩ quan V.N. ở thế kỷ 19 : 2 võ-sinh trường Giáo dục, học tập 6 năm, tốt nghiệp Suất đội (cấp úy ngày nay)

quân sự có 2 hạng, hạng cao đẳng, gọi là Anh danh, cấp dành riêng cho con em các quan võ ở cấp Quân trở lên, thụ huấn 3 năm, và hạng thường, gọi là Giáo dương (con em từ cấp Suất đội trở xuống), học lâu tới sáu năm. Nhưng cả hai đều ra trường với cấp Suất đội (cấp úy).

Ôn Cổ Tri Tân.

Bây giờ, nhìn lại, mới thấy cổ kim chưa xa cách nhau mấy chút và chỉ là một chuỗi dài kế tục. Chế độ nông quân (nhà Đinh) được điều hành bằng thể thức ngũ phiên (tiền Lê). Đạo binh « Thiên-tử-quân » có từ năm 1000 cho đến ngày nay vẫn tồn tại, quân đội hiện dịch.

Quân số tối-đa ở đời nhà Trần, thời chiến, gồm 200.000 người, hiện nay cũng chỉ vào khoảng đó. Bởi vì, ngày xưa, kể cả những công việc « lấp biển vá trời » cũng phải trông vào nhân lực, còn ngày nay, tuy chiến tranh to lớn hơn, nhưng đã có cơ giới để thay bớt sức người.

4 Phụ (Tiền, Hậu, Tả, Hữu), trấn thủ 4 vùng lãnh thổ, từ

triều vua Lê-thánh-Tôn, bây giờ đã sống lại dưới tổ chức Quân đoàn, và Vùng chiến thuật.

Xưa nay, tuổi quân dịch vẫn là tuổi hai mươi.

Khác chăng, thời trước, quân nhân trừ bị tại gia mỗi tháng đi tập một lần, và sinh-viên sĩ-quan bị phân hạng vì vấn đề giai cấp.

Nhưng có một sự kiện xem chừng đáng suy ngẫm nhất là xưa kia, cũng đã có những người tòng quân chỉ vì sinh kế.

Tôi muốn nói hiện vẫn có một quan niệm cho rằng những người bị cưỡng bách tòng quân (quân dịch, động viên) thường kém tinh thần chiến đấu. Chưa hẳn đúng. Chưa hẳn đúng mà còn phủ nhận công lao của quân nhân trừ bị.

Nếu có người xin nhập ngũ vì đồng tiền, thì cũng có người biết nhập ngũ vì bản phận. Đã nhận lấy bản phận, thì trước đó, đã có ý thức tốt đẹp rồi.

Nhưng bên cạnh bản phận đối với nước, còn có bản phận đối với nhà. Đã đánh nước mất thì nhà tan, nhưng ngược lại gia đình vẫn là nền tảng của quốc gia.

Trên thực tế đã có những quân nhân trừ bị xin cải ngạch sang hiện dịch, vì họ nhận thấy cuộc đời quân ngũ thích hợp với mình. Ngược lại, cũng có những quân nhân hiện-dịch mà vẫn xin giải ngũ, vào lúc nào họ nhận thấy cần phải trở về cuộc đời dân giả, để sống cho mình.

Hình như, từ triều-dại Lê-dại-Hành, người ta đã biết rằng, trong đám người tự-ý xin vào đạo binh « Thiên-tử-quân », chưa chắc đều có tinh-thần, cho nên, sau điều kiện « vạm vỡ nhất nước », còn điều kiện « can trường nhất nước » nữa mới đủ.

Tinh thần, bởi thế, là một cái gì chưa hẳn có sẵn, hoặc

chưa hẳn ai cũng có, nhưng đã có thì không mua bán được, chỉ dựa tự hiến, vào lúc nào người ta còn thỏa thuận được với lòng mình. Trong kỳ-hẹn đó, những quân-nhân trừ-bị vẫn tươi cười xung trận.

Cũng như giáo-sĩ A-de-Rhodes đã ghi nhận rằng, thời xưa, binh sĩ của nước ta thì cũng mọi người như nhau, và khi chiến đấu, họ đều đánh chết thôi (2). « Họ » ở đây không thấy phân biệt ai hiện dịch, ai trừ bị.

(2) Nguyên văn : Ce que je puis dire avec vérité, c'est que nonobstant qu'ils soient ordinairement ensemble, et que dans les guerres ils se battent fort bien contre l'ennemy sans esparguer leur vie...



* LỜI HAY Ý ĐẸP

Thế gian cũng như một tờ báo. Đức Chúa Trời là ông chủ sắp xếp mọi vấn đề, con người là người thợ làm « mi ».

(Victor Hugo)

BÍ QUYẾT HỒI XUÂN

NHÔNG LÃNH TỰ GIÀ NHẤT THẾ-GIỚI :

Tướng Giới Thạch,	78 tuổi
Salazar (Bồ đào nha),	76 tuổi
De Gaulle (Pháp),	75 tuổi
Tito (Nam-Tur),	73 tuổi
Hailé Sélassié,	73 tuổi
(Hoàng-đế Éthiopie)	
Mao-trạch-Đông,	72 tuổi
Franco (Tây-ban-nha)	72 tuổi
Jomo Kenyatta,	70 tuổi
(Tổng thống xứ Kenya)	

của mấy cụ già Âu - Châu

* TẾ-XUYẾN

*« Chơi xuân kẻo hết xuân đi!
Cái già xồng-xộc nó thì theo sau ! »*

Không đâu, các bạn ạ. Cái già không đến nổi theo bết gót con người quá như thế. Nhất lại là « cái già » đáng lo sợ, đáng ghét, theo quan-niệm của các thế hệ trước vẫn từng thốt ra lời nói thất vọng thông-thường: « già kè miệng lỗ ».

Nếu như tác-giả hai câu thơ lục bát trên đây sống vào thời đại này, chắc là ông ta không vội thúc-giục chúng ta « chơi Xuân » và sẽ phải tin rằng những năm già cũng còn có thể là những

BÍ QUYẾT HỒI XUÂN

năm Xuân, tuổi già vẫn còn đầy nhựa sống và sinh-lực.

Cũng bởi cái quan-niệm lo sợ cái già xồng-xộc nó theo sau, — cái « già kè miệng lỗ » — mà dân Việt Nam ta ai mới ngũ tuần đã ăn khao đề mừng thượng thọ... Và ông vua Khải-Định mới bốn mươi tuổi đã tổ chức « Tứ tuần Đại-Khánh » trọng-thê, đề cho nhân-dân miền Trung, Bắc « được » tăng thuế hầu có đủ công-quỹ chi-tiêu trong cuộc « Đại-Khánh » này.

Thế-hệ ngày nay nhờ những tiến-bộ của khoa-học, — không cần nói đến những thuốc trường-sinh hay cải-lão hoàn-đồng chưa được giới khoa-học minh-xác, — chỉ nhờ những phương-pháp ngừa bệnh và trị bệnh mà có thể sống lâu đến cái tuổi sáu mươi, bảy mươi; điều đáng quý hơn nữa là cái tuổi thượng-thọ ấy không phải là tuổi chờ chui vào 4 tấm ván, mà lại là tuổi còn hăng-hái làm việc: một tuổi hồi xuân là khác.

Một bác-sĩ Hoa-Kỳ, bác-sĩ Martin Gumpert, đã du-lich qua Âu-Châu để nghiên-cứu trường-hợp của nhiều cụ già « thượng thọ » vừa nhận thấy các cụ còn

hoạt-dộng, chẳng thua gì những người bốn mươi, năm mươi. Cái quan-niệm « tuổi già là tuổi hết xài » mà các người chủ-trương « đề chỗ cho thanh niên » từng thốt ra cửa miệng, cái quan-niệm ấy đã bị thực-tế đánh đổ. Không có đường ranh giới phân chia già trẻ bằng tuổi tác, họa chăng chỉ có sức hoạt-dộng mới phân-biệt được già với trẻ: mới ba bốn chục tuổi mà đã mỏi mệt thì đáng gọi là già rồi; còn sáu bảy chục tuổi còn hăng hái làm việc cũng đáng gọi là trẻ.

Như vài trường-hợp « già mà trẻ » dưới đây :

Tại Ý-Đại-Lợi, cụ già Vittorio Emanuele Orlando hồi năm 92 tuổi (1952) còn là một nghị-sĩ hăng-hái chiến-đấu cho chánh-biến tại Thượng Nghị-viện. Cụ là một trong các vị Thủ-tướng đã ký tên vào Hòa-uớc Versailles sau Âu-châu Đại-chiến (1914-1918). Người hơi nhỏ bé, xương xẩu, đầu tóc bạc phơ, cụ bước vào phòng nhóm của nghị-viên với những bước đi khoan-thai, lanh lợi. Người ta coi cụ như một con sư-tử « thu-hẹp » lại vì trong nghị-trường cụ từng đương đầu

tranh đấu với nhiều chánh-khách trẻ tuổi.

Ngoài việc chánh-trị, cụ Orlando còn chỉ-huy một phòng tư-vấn pháp-luật thịnh-vượng, đông khách. Ấy là chưa kể ghế giáo sư mà cụ vẫn giữ ở trường Đại-học La-Mã. Ai cũng kính nể cụ, cho đến cả những kẻ thù chánh-trị nữa. Người ta gọi cụ là « người già nhất nước Ý ».

Cụ Orlando thường ăn no, ngủ kỹ, đi bộ giải-trí trên những quãng đường dài. Trong bữa ăn, cụ cũng dùng một ly rượu chất nữa. Thú vui của cụ là nô đùa với đứa cháu nội nhỏ nhất, hoặc dắt cháu đi chơi.

Tại Ý còn một người già nữa cũng được kính trọng, là bác-sĩ Raffaele Bastianelli, một nhà giải phẫu nổi danh trên thế giới. Tuy già 88 tuổi, bác-sĩ còn cầm lái lấy xe hơi, mỗi tuần mở ba buổi cho các bệnh-nhân ở bệnh-viện; hàng ngày cụ vẫn khám bệnh tại phòng bệnh riêng. Ngoài ra bác sĩ còn tìm tòi nghiên-cứu trong phòng thí-nghiệm, mong giúp ích cho nhân-loại bằng những phát-minh mới.

Hồi 83 tuổi, cụ Bastianelli

cầm lái chiếc phi-cơ riêng để đi từ tỉnh này tới tỉnh khác. Tuy bị đau bao tử từ năm 50 tuổi, cụ vẫn sống lâu và đi đứng thẳng thắn, lưng không còng, không có một triệu chứng gì là người bệnh. Tay cụ không run, cầm bút viết như lúc trẻ trung; dù 88 tuổi cụ vẫn không mang kiếng khi đọc sách.

Một cụ « già gân » thứ ba nữa ở nước Ý: triết-gia Benedetto Croce — 86 tuổi — sống tại trung tâm thành phố Naples. Già đến tuổi ấy cụ vẫn còn làm giáo sư ở Viện Nghiên-cứu Lịch-sử. Sáng thức dậy vào lúc 8 giờ, cụ làm việc 10 giờ một ngày, ăn uống thanh-dạm, củ thịt, ăn rau đậu và nét mặt luôn luôn hồng hào, sức khỏe phong-phú.

Cụ Croce không hề bị nặng tai. Cụ nghe rõ, nói lớn tiếng, viết chữ rõ ràng, không run-rẩy.

Ngoài nghề dạy học, cụ còn viết nhiều sách và giữ một ghế trong Thượng Nghị-viện.

Chưa hết đâu, nước Ý còn hai cụ « già trẻ » nữa :

— Cụ Bernard Berenson — 87 tuổi — một chuyên viên nổi tiếng về lịch-sử mỹ-thuật, sống tại thành-phố Florence. Nhà cụ treo đầy

những tác-phẩm hội-họa của Ý và Ai-cập; thêm một tủ-sách phong phú gồm 50.000 cuốn do tay cụ tự xếp sắp thứ tự. Cụ rất giéc thì giờ : « Nếu có thể được, thì tôi đứng ở ngã ba, chờ cái nón ra mà ăn mấy những giờ do thiên hạ lãng phí, chắc là số giờ ấy dùng được vào biết bao việc hữu ích ». Cụ đã tuyên bố như vậy.

— Sau chót, triết gia George Santayana — 89 tuổi — sống tại thành phố La-Mã, ham mê đọc những tác giả la-tinh và thích thú thường thức thơ hiện-dại. Mắt hơi kém, cụ vẫn viết sách để truyền lại cho hậu lai.

Tại Pháp, người già được quý trọng nhất là cố Thủ-tướng Edouard Herriot. Năm cụ 80 tuổi (1952) cụ còn làm Chủ-tịch Quốc-hội, lãnh-tụ đảng Quốc-Xã. Mỗi sáng thức dậy vào khoảng 8 giờ, ăn lót lòng ngay tại giường ngủ rồi làm việc đến 10 hay 11 giờ. Đều đều mỗi tuần 3 lần, cụ đến chủ-tọa phiên nhóm Quốc-hội và sáng thứ bảy nào cũng đi xe hơi về thành phố Lyon vì cụ làm Đốc-lý thành-phố này. Chủ-nhật cụ nghỉ-ngơi

trong một tòa lâu đài cổ, với cụ bà. Thứ hai, cụ chủ-tọa phiên nhóm của Hội-đồng Thành-phố, thứ ba lại đi Bar-lê.

Mỗi tháng cụ viết hai bài đăng trong một tạp chí có giá-trị. Ngoài ra cụ còn trước-tác những sách về chánh-trị, nghệ thuật nữa.

Ham kịch-nghe và âm-nhạc, cụ Herriot mỗi tháng 2 lần đi xem kịch ở rạp Comédie Française. Cụ còn thích dắt bảy cháu đi xem hát xiếc nữa.

Đó là sự hoạt động của Edouard Herriot trong những năm sống với tuổi già, mặc dù cụ bị phong thấp ở chân trái và bị chứng ho thường bộc phát trong mùa lạnh.

Nước Anh có Thủ-tướng Churchill mà nhiều bạn đã từng nghe danh với sức hoạt động trẻ trung hăng-hái trên trường chánh-trị, những năm sáu mươi tuổi, bảy mươi tuổi. Cụ mới từ trần năm ngoái.

Ngoài ra, còn có vị tử-tước Samuel, nguyên Cao-ủy Anh ở Palestino, năm 82 tuổi còn viết một cuốn sách khảo-cứu về những tương-quan giữa khoa-học, triết-học và tôn-giáo. Cụ cho biết rằng

cụ càng già, tư-tưởng càng phong phú, xuất-phát càng dễ dàng ».

Nhà khoa-học Anh Bertrand Roussel hồi 80 tuổi còn viết sách và còn đi bộ 8 cây số.

Lord Horder, y-sĩ của Hoàng-gia Anh, có mở phòng khám bệnh ở Luân-dôn, năm 80 tuổi, làm việc 12 giờ mỗi ngày; lúc rảnh làm thơ hoặc làm vườn.

Trong y-giới nước Anh, có một phụ nữ già mà làm việc mãnh-liệt hơn cả tuổi trẻ: đó là nữ bác-sĩ A. Helen Boyle ở tỉnh Brighton Bà là phụ-nữ đầu tiên lên ghế Chủ-tịch Hội Hoàng-gia Nghiên-cứu Tâm-lý Y-học, hồi năm 82 tuổi. Bà là một nhà chuyên-môn về khoa thần-kinh-học. Tuy già mà bà còn vận động thành-lập một trung-tâm nghiên-cứu Y-khoa kích-lệ sự công-tác của hàng giáo-sĩ thông thái với các y-sĩ.

Bác-sĩ Boyle ăn uống không cần theo đúng một phương-pháp nào; bà thích gì ăn cái ấy. Bà uống trà đậm để thức đêm đến 2 giờ mà làm việc. Buổi trưa bà ngủ chừng một giờ.

Thỉnh-thoảng bà cũng thường-thức một ly « huyết-ky ».

Bác-sĩ Martin Gumpert (Hoa-Kỳ) đã từng gặp nhiều vị già cả trong số có những vị nói trên đây, để tìm bí-quyết trường xuân của các cụ.

Sau nhiều cuộc thăm hỏi, nghiên-cứu, ông nhận xét rằng những người già mà còn sinh-lực dồi dào, đều là những người biết « sống trẻ ». Sống trẻ không có nghĩa là cưới vợ trẻ, mua nàng hầu như các cụ ở Á-Đông trong những thế-hệ trước; sống trẻ đây là lãng-quên tuổi già của mình, không ôm-áp cái tư-tưởng « gần đất xa trời » và xua đuổi cái thành kiến « hưu-trí, nghỉ ngơi dưỡng già ». Các cụ già nói trên tiếp tục làm việc tùy theo khả-năng, các cụ tìm tòi, học hỏi thêm như hồi còn trẻ. Điều cốt yếu và có lẽ cũng là một bí-quyết trường xuân, là các cụ nhất định không ôm-áp cảm-nghĩ « cay cú » trở đời, oán hờn số phận hay hoàn cảnh như hầu hết các người già khác. Các cụ sống vui với thế-hệ trẻ, tràn đầy lòng nhân-ái, loại trừ tính ích-kỷ.

Các cụ không bao giờ có óc hẹp hòi và tin tưởng ở năng lực của mình còn có thể phát-triển và tiến bộ thêm nữa.

Trong buổi đầu xuân, chúng tôi kể những chuyện trường xuân trên đây với hy-vọng rằng bạn đọc sẽ suy-ngẫm để có cam-dảm sống vui, sống trẻ, sống mạnh, bất cứ ở tuổi

nào. Như vậy, ta có thể nói chắc rằng « tuổi xuân là ở trong tay ta »

Xin mạn phép sửa lại hai câu thơ đã nêu lên ở đầu bài này:

Đừng lo Xuân tốt, Xuân đi,
Cái già thất bại, nó thì lánh xa.



★ LÀM ĐIỀU LỖI TÂY PHƯƠNG

Một bà mệnh phụ nói với bác-sĩ riêng:

— Tôi cảm thấy trong người không được khỏe, bác-sĩ

— Thưa bà, để tôi xem mạch coi bệnh gì.

Bà ta lật đật hỏi:

— Nay, ông cho tôi biết hiện giờ đang có cái « mốt » về bệnh gì ?

★ LỜI HAY Ý ĐẸP

Nã Phá Luân rất thích dùng dao cũng như những chiếc nón đã cũ... Tôi rất đồng ý với ông ta. Đối với những bộ óc ưa thích làm việc, một cái nón mới là cái rất phiền phức.

(Victor Hugo)



Bước lên một hũ: thang

Truyện ngắn : THANH-THƯƠNG-HOÀNG

CHIẾC xe hàng ì-ạch leo lên dốc. Tiếng máy nổ tồng tọc, tồng tọc, như muốn báo hiệu các bộ phận trong đầu máy sắp bửa tung ra, và tiếng ga rú như con lợn bị chọc tiết trước khi chết hẳn rống lên. Hơi nước sôi tỏa ra từ đầu máy, theo gió, hắt cả vào mặt hành khách. Dốc mỗi lúc một dựng đứng, chiếc xe cổ trườn mình lên. Hành khách ngồi trên xe nhón nháo, hoang mang. Kề sợ chết máy giữa dốc thì phải đây, người thì kêu trời về sự chậm chạp của xe. Vài người nóng tính quát tháo tài xế ầm ĩ. Mấy cô gái ngồi phía sau

xe lại sợ xe chết máy lần xuống dốc thì chết cả. Một phút sau thì xe dừng hẳn lại, trong khi máy vẫn nổ rầm rầm và ống khói sau xe tuôn ra từng khối khói xanh đặc, khét lẹt.

Anh tài xế lấy khăn mặt quàng ở cổ lau mồ hôi trán, xong, quay về phía hành khách nói :

— Xin cô bác chịu phiền vui lòng xuống đi bộ một quãng. Xe chờ nặng quá không lên dốc nổi.

Tức thì bao nhiêu cái miệng nhao nhao :

— Ai bảo tham chở cho nhiều vào !

— Trả tiền lại, tôi đi xe khác !

BƯỚC LÊN

Trước những lời công kích, phản đối; anh tài xế chỉ nhe hai hàm răng nham nhở đen cườí xí xỏ.

Tôi và một số người khỏe mạnh bước xuống khỏi xe.

— Ê, còn các cô sao không xuống ? « Gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu » mà ! Tại các cô mà xe không lên dốc được đó.

Đề đáp lại lời người thanh niên, các cô rúi vào nhau mà cười rúc rích và nhất định không chịu xuống. Anh tài xế khần khoản nhờ chúng tôi dây giúp « chút xíu để xe có đà ». Chiếc xe lắc lư lắc lư, máy gầm gừ rồi từ từ chuyển bánh. Nhìn chiếc xe leo dốc tôi có cảm tưởng như con cóc đương đưa cả bốn chân leo lên một cái cây trơn.

Anh lơ xe lùn tẹt, bé choắt đứng bám phía sau thành xe cất tiếng cười hô hố, giơ tay vẫy vẫy chúng tôi :

— Thôi, mấy thầy ở lại nghe !

Đi bên cạnh tôi là một gã đàn ông dáng người vạm vỡ. Đầu anh ta húi « cua » ; cái trán thấp, đôi mắt nhỏ và sắc, đôi lông mày đậm dứu vào nhau. Cái môi dưới dày trề ra, tương phản với cái

mũi ngắn, thấp. Trông mặt anh ta thì vào khoảng ngoài ba mươi tuổi. Tôi nhận ngay ra anh ta là người đã nói chuyện nhiều và nói to nhất khi ngồi trên xe. Anh bước lên ngang hàng với tôi và cất tiếng nói :

— Cách đây một tuần lễ, cũng tại cái dốc này một anh sếp phơ bị thằng cha Sú-vay-ăng cho mấy cái tát tại.

— Sao vậy ? Tôi hỏi.

— Sì, nó làm tàng mà !

Tôi đương phân vân không biết người « Sú-vay-ăng » làm tàng hay anh tài-xế thì anh ta tiếp :

— Cũng xe lên lưng chừng dốc thì chết máy. Sợ muộn giờ làm vì xe chờ thợ đi làm « mủ » mà ! Anh sếp phơ cuống lên loay hoay sửa máy mãi mà không được. Thằng cha thầy « Sú » đến. Không biết hai bên nói gì với nhau trở thành to tiếng. Nó liền sấn lại tát anh tài mấy cái, lại còn dọa nói với chủ đuổi anh ta. Tôi nóng mắt nhẩy tới can thiệp, nếu không có mấy người giữ lại, tôi đã cho thằng cha thầy « Sú » một trận rồi ra sao sẽ hay. Ông nghĩ coi, chúng nó cậy là dân thầy,

xin lỗi, nếu ông có là dân thầy cũng đừng giận nghe ! Tôi nói là nói tội dân thầy sớ tôi, được chủ cung, về hòa với chủ bắt nạt bọn dân thợ tôi. Hơi một chút xú là chúng hoạnh học, hạch sách ; bề hành bề tôi...

— Thế rồi vụ ấy ra sao ?

— Tôi mới bảo anh em thợ nhất định không chịu đi làm buổi ấy nữa bao giờ thắng cha « Su » phải xin lỗi anh tài, mới đi.

— Thế có xin lỗi không ?

— Sì, đời nào nó chịu xin lỗi. Nó còn dọa cả bọn.

Chiếc xe vượt qua khỏi dốc ngừng lại đợi chúng tôi. Anh lơ xe gỗ vào thành xe bình bình, quay về phía chúng tôi :

— Liệu có phải công mấy thầy lên dốc không, để tôi giúp !

Mấy cô gái ngoài cô ra ngoài xe nhìn lại cười rúc rích. Chúng tôi lên xe. Gã đàn ông nói chuyện với tôi khi này, lên ngồi cạnh tôi. Anh tài xé bật lửa châm thuốc hút và nhìn vào cái gương chiếu hậu, cất tiếng :

— Các cô cười vừa không xe lại tuột xuống dốc nghe !

— Bây giờ các người sắp được

đi mấy bay, ruột gan đưa tay giữ cho chặt không nó chạy ra ngoài mất. Anh lơ nhìn nhỏ cười nói. Xe lao xuống dốc. Có lẽ đề trả thù khi phải khổ nhọc leo dốc, anh tài cho sả ga, xe chạy vun vút.

— Từ từ cha nội ơi, nó quá cả ra xe đây nè !

— Chóng mặt quá, bác tài ơi !

Gã đàn ông, cạnh tôi, sau khi quay nhìn về phía mấy cô gái, rồi cười một mình. Hành khách đã trở lại vui vẻ chuyện trò.

— Con gái nó cũng không kiểng ông à ! Đứng ở nào cây xinh đẹp mà nó nề dẫu. Lơ lơ nó chữ tốt, mà toàn chữ cái lỗi tục tĩu đều giả chữ. Gã đàn ông nói với tôi.

— Ai, ai vậy ? Mấy người ngồi ghế sau cất tiếng hỏi.

— Mấy thằng cha đàn Thầy ở sớ tôi, chứ còn ai !

Thấy tôi vẫn im lặng không tỏ thái độ, gã hỏi :

— Ông về đâu ?

Tôi đáp :

— Về sớ cao su Đồng Tiến !

Gã nói như reo :

— A, sớ tôi đó. Tôi với ông

cùng đi một đường, may quá, tôi đừng lo không có bạn lại bộ một quãng khá xa. Chợt mắt gã hơi sa xuống, thoáng nhanh nét bắn khoắn. Giọng gã dò la :

— Thế ông về chơi hay là...

— Tôi tới thăm một người bà con.

— Dân thầy ?

— Không, người buôn bán.

Mặt gã đàn ông trở nên tươi tỉnh, gã như vừa trút được một vật gì nặng nề trong người.

— Hay quá ! Ông vào sớ tôi khắc biết. Bọn dân thầy chúng nó quá lắm. Nhưng tôi chúng biết gờm tôi rồi ! Bất cứ người dân nào trong sớ hỏi đến tôi : Tư Sang, họ biết ngay. Họ mền tôi lắm. Cứ việc gì tôi thôi xảy ra giữa thợ với thầy là họ tới nói với tôi. Bọn thầy ức tôi lắm. Bao nhiêu lần muốn tổng cô tôi ra khỏi sớ có được đâu. Thằng này mà, hồng có sợ ai hết. Cứ phải mà làm, mà bênh vực.

Tôi đã bắt đầu có cảm tình đối với gã đàn ông này.

Một tiếng khác nói :

— Bọn dân Thầy ở sớ tôi thì khỏi có chê ! Bà con ai cũng mền

hết. Lúc nào họ cũng vui vẻ cười đùa. Ai có lỗi nặng họ cũng nói nhỏ nhẹ.

Tư Sang quắc mắt nhìn người vừa nói :

— Sì, mật ngọt chết ruồi đó, từ tể chi !

Người kia cãi :

— Từ tể thật thì tôi mới nói. Từ bao năm nay từ dân thợ mới đến dân thợ cũ ai cũng nhận thấy vậy cả.

Tư Sang hậm hực im, lấy thuốc quinn hút.

Tôi chỏ rẽ vào Sớ Đồng Tiến, xe ngừng, tôi và tư Sang bước xuống.

— Thôi, chào ông Tư, anh Sáu, chị Banghe ! Chào anh Tài, buổi nào đi tôi lại đón xe anh. Chào mấy người xong, Tư Sang mới thông thả bước theo tôi.

Dọc đường anh ta còn nói nhiều về chuyện Thầy bắt nạt thợ và sự mạnh bạo lớn tiếng thiết tha bênh vực kẻ yếu thế của anh. Anh bảo tôi, anh thương anh em thợ cũng như thương vợ con anh, vì anh với họ cùng một kiếp như nhau cả.

Sáu tháng sau tôi lại trở lại sớ cao su Đồng Tiến. Sau khi giải

BƯỚC LÊN

quyết công việc xong xuôi, tôi hỏi thăm người bà con về Tư Sạng. Người này cười, nói:

— Giờ anh ta không còn là dân thợ nữa.

Tôi ngạc nhiên:

— Bị đuổi khỏi sở?

— Không phải, anh ta được chủ cho lên làm dân thầy.

Tôi có ý mừng.

— Thế thì máy cho anh em thợ nhĩ, có một người trông coi hiểu biết như Tư Sạng...

Người này cất tiếng cười lớn:

— Ừ may thật đấy! Rồi chốc nữa tới giờ đi làm, bác khác biết.

Tôi ngờ ngạc không hiểu, hỏi thêm thì người này không chịu nói, chỉ cười.

Một giờ rưỡi, tôi sửa soạn đi thì một hồi keng vang lên gọi thợ đi làm. Vì muốn hiểu rành rọt câu nói của người bà con, tôi nán lại ít phút xem sao, hơn

nửa tôi cũng muốn gặp Tư Sạng để mừng cho anh ta. Kia, Tư Sạng kia rồi! Anh ta đương đứng trước đám đông diêm dạnh. Tiếng Tư Sạng sang sảng:

— Thăng Tính đâu?

— Dạ, nó ốm! Một người đàn bà trả lời.

— Ốm gì nó! Đêm qua tao còn thấy nó chạy theo tán tỉnh mấy con ở bên nhà máy, mà hôm nay lại kêu ốm nghỉ làm.

— Nó ốm thiệt mà, anh Tư! Một thanh niên nói.

— Đứa nào vừa nói đó. Tao anh em gì với tụi bây. Đứa nào hỗn láo ông đánh ốm đòn nghe! Lơ mơ tử tế với tụi bay chi có thiệt.

Còn thằng Tính nó muốn nghỉ, tao cho nó nghỉ luôn ở nhà để đi ghẹo gái.

Tôi vút mạnh màu thuốc lá hút giờ xuống đất và cúi đầu bước vội về Tư Sạng khỏi nhìn thấy.

TU TƯƠNG ĐẸP

Người đàn bà sẽ rất buồn bực nếu họ không có chồng hay có nhân tình để làm cho họ khổ.

(Etienne Rey)

Dưới bầu trời MÁU LÊ

✱ SAGAN LIÊN
(Đà-nẵng)

Khi những cánh mai vàng đỏ xuống
Đánh dấu sự tàn-tạ của một ngày đầu xuân
Khi những màu xanh thế-hệ ngập-ngừng
Ôm từng nỗi tủi hờn đi vào lòng nhân-thế
Em có xót-xa dưới bầu trời máu lệ
Chứa những lắm than
Của cuộc đời đau bề

Khi những người con trai ngã xuống
Là bằng-hữu
Là tình-nhân
Là kẻ thù
Là người cùng-chúng-loại
Em nghĩ gì về họ
Đón đau tuyệt-vọng mãn-nguyên hay lên tiếng than dài
Và máu xương mình
Ai cất xé làm hai?...

Khi xác-thân của Đào-thị-Yến-Phi-dan-mình-trong-vòng-lửa-đỏ

Là muôn ngàn tiếng nức dâng cao
Vạn-vật đau thương gió chuyển mưa gào
Còn em?
Em có ghen-ngào cúi đầu thồn thức
Và em ơi
Có bao giờ em muốn dang tay ôm trời đất
Những vòng tay cô đơn
Kết hợp đau thương tang-tóc tủi hờn
Đề xir chút tình thừa trong biển loạn
Dấu vết hôm nay,
Thân cây này còn vết đạn
Hóc đá này còn mảnh bom
Ôi quê-hương ta đau xót vô-ngần
Đất mẹ đỏ sao chúng mình chẳng nghĩ

Viết bài thơ cho em
Với nỗi buồn vạn-kỷ
Trao về em tất-cả những nghĩ-vấn của đời
Bởi chúng mình là người của hai mươi
Và bởi chúng mình không là người ngoại-chúng

NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TRONG HỘI HỌA



★ NGUYỄN - KH

HOẠT-dộng nghệ-thuật là sự sáng-tạo, sự sản-xuất ra một tác-phẩm nghệ-thuật, mà tác-phẩm nghệ-thuật ấy không tìm thấy ở thiên-nhiên, nó không phụ-thuộc đến những cứu-cánh lợi-ích quan-trọng, nhưng nó chỉ mang ngay bản-chất một cứu-cánh của chính nó là cái đẹp.

Trong công việc sáng-tác nghệ-thuật trước tiên là nguồn cảm-hứng, nó làm cho người nghệ-sĩ tự-nhiên trở tài, nguồn cảm-hứng là một năng-khiếu gần như thần-bí và phi-lý, nó đến với ta như một ân-sủng xa lạ trời cho, nó làm cho tác-phẩm đẹp, một cách

bất ngờ, hiện ra rất độc-sáng như đã được hoàn thành từ trước trong vô-thức.

Sáng-tạo nghệ-thuật là một công việc gắng sức tới mực. Nghệ-thuật là một sự mô-phỏng tự-do về cái đẹp, cái năng-lực của con người để mô-phỏng cái đẹp ấy gọi là thiên-tài. Cái thiên-tài là một quyền-năng để sáng-tạo, tuy nhiên có thiên-tài cũng chưa đủ vì còn phải nhờ đến một nguyên-động-lực cốt yếu nữa là nhân-thức mới thì thổ được. Nhân-thức là một năng-lực, trong đó có sức tưởng-tượng, sức cảm-giác và trí-phán-đoán. Một người nghệ-sĩ cần phải có thiên-tài vì có thiên-tài tác-phẩm mới có sức sáng-tạo độc-đáo và đặc-biệt.

Một người nghệ-sĩ có thiên-tài không bao giờ đi chép chép thiên-nhiên. Thiên-nhiên làm ta rung-động đến nỗi ta muốn xem

NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO

tác-phẩm như là một sự phản-chiếu cái đẹp của thiên-nhiên và làm cho ta nghĩ rằng nghệ-thuật là sự mô-phỏng cái đẹp của thiên-nhiên. Thật ra nghệ-thuật không phải là một cái hình chụp thuần khiết của vật-thể mà là một sự kiến-tạo hẳn hoi, một sự chuyển thể. Tuy vậy nghệ-sĩ làm việc khởi công từ những yếu-tố thiên-nhiên, nhưng thiên-nhiên đâu có quan-trọng đến đâu nữa, khi làm việc người nghệ-sĩ phải biến-thái chúng đi và xếp đặt lại cho có lẽ-lối. Đó là cái quyền-năng gọi là sáng-tạo của người nghệ-sĩ và cũng là cái ma lực của nghệ-thuật mà các đồ vật ta tìm thấy sẽ không có trong thực-tế, chỉ có trí-óc mới sản-xuất được thôi. Những đồ-vật và tác-phẩm ấy gồm lại thành một thế-giới giả-tạo, tuy rằng rất nhân-bản. Nó khác với thế-giới thực-thể và nó được đặt chồng chất lên trên thế-giới thực-thể đó.

Cái thiên-tài của nghệ-sĩ là cái thái độ nhanh nhẹn và chắc chắn vừa là cái lý-tưởng, vừa là cái thiên-nhiên và vừa là cái tư-tưởng tất cả đều liên-kết với nhau. Cho nên trong nghệ-thuật lý-tưởng không cũng không đủ

mà cần phải có hiện-thực nhưng nếu ta hiện-thực một tác-phẩm nghệ-thuật mà không có lý-tưởng gì hết thì cái đẹp thực-sự không diễn tả ra được, có nếu theo một lý-tưởng không để thực-hiện một cách bướng-bỉnh theo ý riêng của mình như vậy sẽ bị rơi vào lý-tưởng tính vô-tư-cách.

Thực-hiện một tác-phẩm là sản-xuất, sáng-tạo ra một tác-phẩm tức nhiên phải dùng đến kỹ-thuật nhờ phát-minh kỹ-thuật khác. Chính hội họa thế kỷ 15 trở hẳn lại là nhờ sự phát-minh ra hội họa sơn dầu của VAN.EYCK. Nói đến nghệ-thuật tiến-bộ là phải nói đến kỹ-thuật, cho nên nghệ-thuật ảnh hưởng đến kỹ-thuật rất nhiều cái gì được chú ý đến chính là bút-pháp, cái xấu thâm mỹ là cái không thành tựu, thiếu bút-pháp hay cái gì không mang được một ý-niệm thành thực và chân-xác.

Muốn sáng-tạo tác-phẩm nghệ-thuật thì cần phải có các yếu-tố chính trên để liên-hợp với nhau, các yếu-tố chính là nguồn cảm-hứng, thiên-tài kèm theo nhân-thức như sức tưởng-tượng, sức cảm-giác, và trí-phán-đoán và cuối cùng là công

việc sáng-tác (kỹ-thuật và bút-pháp), để đi đến cái toàn thiện của nghệ-thuật, mà chỉ có sự toàn thiện ấy mới xuất-phát ra tác phẩm nghệ-thuật có giá-trị.

Sáng tạo nghệ-thuật là hiện sinh ra một thế-giới mà ta cảm thấy say-sưa khi trong thân ta có

một năng-lực sáng-tạo, đó là một năng-lực tinh-thần cao đẹp nhất.

Cái quyền-năng để tìm kiếm cái đẹp và cần để phát-huy cái năng-lực đó làm cho con người hóa ra nhà sáng-tạo và nhờ có sáng tạo mà tác-phẩm nghệ-thuật mới ra đời. ● ★



VÀNG, MỆT LẮM

Một bà sồn sồn, sau khi lên đến tầng thứ sáu của buyn đình họ, hỏi người gác thang máy rằng:

- Nghề của anh mệt lắm nhỉ?
- Dạ vâng, mệt lắm.
- Thế người lên làm anh mệt hả?
- Dạ, không.
- Hay người xuống hả?
- Thưa, không.
- Thế thì làm sao mà mệt kia chứ?
- Dạ, mệt vì những câu hỏi lời thối và liên miên của bà.

G H E N

● W. Somerset Maugham
★ NHẢ-ĐIỀN dịch



Cách đây vài năm, trong khi tôi viết một cuốn sách về xứ Tây-Ban-Nha vào thời hoàng kim, ở thành phố Séville tôi gặp một chuyện, đối với tôi là một trong những chuyện kỳ lạ nhất tôi đã gặp ở trong đời.

Lúc đó sắp tới mùa hè nhưng trời oi ả khó chịu. Trên những công trường và đường phố, ánh nắng mặt trời thật là gay gắt.

Chiều hôm đó tôi tới dinh Quận công Albé, hy vọng được xem một cái vườn tuyệt đẹp và xem cái trần nhà rất đẹp do những tù binh người Maures làm trước khi thành Grenade thất thủ.

Một sự thất vọng chờ đón tôi. Người gác cửa cho biết lâu đài đang được sửa chữa và không ai được viếng thăm, nếu không có giấy phép của đại diện quận công. Không

có việc gì làm khác, tôi thả bộ đi vào những khu phố cổ xưa, chật hẹp của thành Séville. Lang thang vào những nơi này thật là thích thú nhưng cũng rất dễ bị lạc. Đó là chuyện đã xảy đến với tôi. Tôi không còn hy vọng tìm thấy đường và thấy có người tiến lại phía tôi, tôi tới hồi thăm đường.

Ông ta nói :

— Chỉ cho ông rồi ông cũng không tìm ra. Để tôi dẫn ông đi một quãng cho ông khỏi lạc.

Ông ta đòi được dẫn đường và nhấn mạnh là điều đó không có gì phiền ông ta.

Tôi nói :

— Tôi từ lâu dài của quận công Albe trở về. Tôi muốn xem cái trần nhà do người Maure làm mà không được.

— Ông chú ý tới nghệ thuật Á Rập ?

— Vâng, và tôi nghe người ta nói cái trần đó là một trong những vật đẹp nhất ở Séville.

— Tôi nghĩ tôi có thể cho ông xem một thứ khác cũng đẹp. Nếu ông có rảnh mười phút, tôi sẽ đưa ông tới.

Tôi nồng nhiệt cảm ơn ông ta và chúng tôi quay trở lại. Chúng tôi trao đổi chuyện nọ chuyện kia cho tới khi chúng tôi tới một căn nhà sơn màu xanh nhạt.

Người dẫn đường của tôi gõ cửa.

— Nhà ai vậy ?

— Nhà tôi.

Cánh cửa sắt mở và chúng tôi bước vào sân nhà.

Chúng tôi đi ngang qua sân rồi tới một hành lang bé nhỏ. Tôi bỗng tới một khu vườn thần tiên. Ba mặt tường cao xây gạch đỏ đã nhuộm đen màu thời gian, trên la liệt những bóng hồng thơm phức. Phía thứ tư là một cái hành

lang và khi chúng tôi bước vào, tôi thấy một cái trần tuyệt đẹp, màu sắc thật tươi mát. Quả thật là một thứ trang sức quý báu.

Dưới bóng cây dừa ở sân, tôi thấy một người đàn bà ngồi trên một cái ghế bằng sứ như những loại ghế mà ta thấy trong những khu vườn ở Alcazar. Bà đó đang thêu.

— Tôi xin giới thiệu vợ tôi.

Bà ta thật đẹp, mắt, mũi và làn da thật mịn. Không một vết nhăn làm gọn khuôn mặt của bà. Bà ta chưa tới 30 tuổi. Nhưng thật là vô lý, mặc dầu đẹp và trẻ như vậy, tôi có cảm tưởng tâm hồn bà nặng trĩu một nỗi buồn phiền ghê gớm.

Bà hỏi chồng :

— Chắc anh muốn ngồi đây nói chuyện ?

— Vâng, anh sẽ ngồi trong vài phút.

Bà cầm lấy tất cả chỉ và vải rồi đứng dậy.

Chúng tôi ngồi xuống ghế sơn màu sắc sỡ. Tôi mời chủ nhà một điếu thuốc hút. Ông ta nhìn cuốn sách tôi cầm ở tay.

— Ông đọc sách gì vậy ?

— Cuốn người y sĩ và danh dự.

— Ông nghĩ sao về cuốn đó ?

— Tôi thấy bức mình. Trong đó dĩ nhiên có những tư tưởng hoàn toàn khác biệt với quan niệm hiện nay của chúng ta.

— Tư tưởng nào ?

— Điềm danh dự ! Người ta thấy điềm đó trong tất cả các bi kịch Tây Ban Nha. Đó là động lực đã thúc đẩy một người lịch sự thần nhiên giết vợ nếu vợ ngoại tình, hoặc là lối cư xử của vợ, mặc dầu không thể chê trách được, đã gây ra những tai tiếng.

Người chủ nhà của tôi trả lời :

— Điều đó nằm trong huyết quản người Tây Ban Nha dù người ngoại quốc chấp nhận hay không.

— Nay ông bạn, biết bao nhiêu nước đã chảy trong sông Guadalquivir kể từ thời Calderon. Chẳng lẽ bạn cho ngày nay người Tây Ban Nha cũng hành động như vậy chăng.

— Trái lại, tôi cho rằng ngay bây giờ, nếu người chồng ở trong tình trạng nhục nhã như vậy chỉ có thể lấy lại chút tư cách bằng cách giết đảm phụ.

Ông ta mỉm cười chế nhạo và hỏi lại tôi.

— Đã bao giờ ông nghe nói chuyện Don Pedro Aguria?

— Chưa.

— Tên này được rất nhiều người ở Tây Ban Nha biết tới. Trong gia đình ông ta có người là Đô Đốc dưới thời vua Philippe II, người là bạn thân của Philippe IV. Theo lệnh của nhà vua, họa sĩ Velasquez đã vẽ chân dung ông này.

« Dưới thời trị vì của năm vị vua mang danh hiệu Philippe, họ nhà Aguria rất giàu có, nhưng khi bạn tôi, don Pedro, thừa kế của cha thì của cải đã giảm đi rất nhiều. Vì vậy mà cả thành phố Séville đã ngạc nhiên thấy chàng ta tuyên bố làm lễ hỏi cô Soledad, con gái bá tước Acaba, lúc đó nợ như Chúa Chôm và mang nhiều tai tiếng. Nhưng nàng Soledad rất đẹp và don Pedro yêu nàng lắm. Họ lấy nhau. Chàng tôn thờ nàng với những cảm tình tàn bạo mà chỉ có người Tây Ban Nha mới hiểu nổi. Đau đớn thay, chẳng bao lâu chàng thất vọng nhận thấy nàng không yêu chàng. Sau một thời gian đau khổ, chàng cho rằng nàng có một tư chất cao quý, một tính tình thanh cao nên không có những đam mê tầm thường, và chàng chịu đựng như vậy.

Tôi bắt đầu cảm thấy hơi sốt ruột. Tôi tự nhủ người Tây Ban Nha này nói hơi nhiều.

« Ông biết là ở Séville, mùa kịch nghệ chỉ kéo dài trong 6 tuần sau lễ phục sinh. Cũng như mọi người, gia đình Aguria thuê riêng chỗ ngồi tại hi viện và họ tới dự buổi trình diễn đầu tiên. Trong lúc nghỉ xả hơi, bá tước Acaba cha của Soledad cùng đi với một viên sĩ quan pháo binh trẻ tuổi mà don Pedro chưa gặp bao giờ. Nhưng Soledad tỏ vẻ rất quen thuộc.

Bá tước nói :

— Đây là Pepe Alvarez. Ông ta mới từ Cu-ba trở về và ông nhờ cha đưa lại thăm các con.

Soledad mỉm cười, đưa tay ra và giới thiệu cho chồng người mới tới.

— Pepe là con ông Chưởng khế ở Carmona. Hồi nhỏ em với anh ta thường vui đùa với nhau.

Trong thời gian có những cuộc lễ ở Séville, Pepe Alvarez và gia đình Aguria thường gặp nhau và don Pedro thấy chàng ta nói chuyện dễ thương. Thăm kịch sẽ không xảy ra nếu em họ của don Pedro nữ quận công Santagador không vô tình nói ra. Một buổi tối trong khi hai người đang khiêu vũ, họ nhảy gần tới chỗ Soledad và Alvarez đứng.

Nữ quận công nhận xét :

— Chiều nay trông Soledad đẹp quá.

Don Pedro nói thêm :

— Và trông vợ tôi có vẻ rất sung sướng.

— Có thật trước kia nàng đã hứa hôn với Alvarez không?

— Dĩ nhiên là không.

« Nhưng câu hỏi đó đã làm Pedro xao xuyến. Khi về nhà, don Pedro kể cho vợ nghe câu chuyện đó.

Nàng nói :

— Thật vậy, trước em có hứa hôn với Pepe Alvarez.

— Sao em không nói cho anh biết ?

— Chuyện đã cũ quá. Anh ta sau đó đi Cuba. Em không nghĩ là sẽ gặp lại anh ta nữa. Nhưng chẳng lẽ anh không tin em.

— Không phải thế. Tuy nhiên, em phải ngưng gặp hẳn.

— Nếu em từ chối ?

— Anh sẽ giết hẳn.

Ngày hôm sau, Soledad viện cớ mệt và ở nhà.

Hôm sau cũng thế. Buổi sáng và buổi chiều, Don Pedro tới phòng thăm vợ và họ nói chuyện nọ chuyện kia. Nhưng ngày thứ ba, cô em họ Conchita mở cuộc khiêu vũ. Đây là buổi khiêu vũ cuối mùa và không người nào ở giai cấp họ lại vắng mặt. Soledad cho biết vì nàng hãy còn yếu nên nàng không đi.

Don Pedro hỏi :

— Em từ chối có phải vì câu chuyện hôm nọ không ?

— Em đã nghĩ tới điều anh nói. Em thấy lời yêu cầu của anh không hợp lý, nhưng em cũng chấp nhận. Cách duy nhất để em phá vỡ cảm tình của em với anh ta là em tránh không tới những nơi có thể gặp anh ta.

— Em vẫn còn yêu hẳn ?

— Phải.

— Thế tại sao em bằng lòng lấy anh ?

— Pepe ở Cuba. Không ai biết bao giờ chàng trở về. Có thể không bao giờ. Cha em bó buộc em phải lấy anh.

Tối đó, mình chàng đi khiêu vũ và chàng tới phòng

bên đánh bài. Chàng đó một cách lạ kỳ và được rất nhiều tiền. Một trong những người cùng chơi, hỏi đùa chàng là Soledad đâu ?

Don Pedro thấy người bên cạnh giật mình nghe câu hỏi đó nhưng chàng chỉ cười và cho biết nàng đau nên ở nhà ngủ. Lúc đó có một chuyện bất ngờ xảy ra. Vài người trẻ vào trong phòng và hỏi viên sĩ quan pháo binh ngồi chơi bài có thấy Pepe Alvarez đâu không ?

Viên sĩ quan nói :

— Thế hẳn không tới đây à ?

— Không ?

Một sự yên lặng nặng nề bao trùm nhóm người ngồi đó. Don Pedro không có đủ bình tĩnh để che dấu nỗi lo ngại của chàng. Chàng nghĩ Pepe hiện đang ở gần Soledad và tưởng rằng mọi người chung quanh đều nghĩ như chàng. Chàng cố bó buộc mình phải chơi bài thêm một giờ nữa và chàng vẫn tiếp tục thắng. Khi chơi xong, chàng trở về phòng khiêu vũ và lại gần cô em họ.

— Đồng khách quá nên từ này không nói được chuyện gì với anh. Chúng ta sang phòng bên để nói chuyện.

Khi vào phòng trang điểm của Conchita, chàng lấy giọng thân nhiên hỏi :

— Tối nay em thấy Alvarez đâu không ?

— Em không thấy.

— Có có tin hẳn không ?

— Dĩ nhiên là có.

— Conchita, tôi van cô nói thực cho tôi hay, có phải người ta nói hẳn là tình nhân của Soledad không ?

— Anh hỏi gì kỳ lạ vậy ?

Nhưng chàng đã nhận thấy vẻ lo ngại của cô em họ.

— Cô đã trả lời rồi đó!

Chàng đứng dậy và trở về nhà. Khi qua sân, chàng ngược mắt lên nhìn căn nhà của vợ: trong có ánh đèn chiếu ra. Chàng lên lầu tới gõ cửa phòng, không thấy trả lời, chàng mở cửa bước vào.

— Sao giờ này em hãy còn thêu?

— Em ngủ không được và cũng không xem được sách nên em nghĩ công việc này làm trí óc của em bận.

— Soledad, anh có điều này muốn nói với em và sẽ làm em phiền lòng. Vậy em phải can đảm. Pepe Alvarez tới nay không đến khiêu vũ ở nhà Conchita. Anh tiếc là em cũng không tới đó. Mọi người đều nghĩ là em với hắn đang gặp nhau.

— Kỳ cục.

— Anh biết thế. Nhưng chuyện đó chẳng dân xếp chi cả. Em cũng có thể tự mình ra đi mà không ai thấy. Và thật là lạ lùng không thấy Alvarez tới dự buổi khiêu vũ cuối mùa.

Nàng yên lặng trong giây lát.

— Ngày hôm sau buổi chúng ta nói chuyện với nhau về việc anh ta, em có viết cho anh ta một lá thư yêu cầu từ giờ trở về sau em và anh ta chỉ nên gặp nhau trong những trường hợp không thể dừng được. Có lẽ vì lý do đó mà em và anh ta không tới dự buổi khiêu vũ chiều nay.

Hai vợ chồng yên lặng trong giây lát. Chàng nhìn xuống đất và chàng cảm thấy vợ chàng chăm chú nhìn chàng.

Kể đến đây, người Tây Ban Nha ngừng lại bảo tôi:

— Tôi quên nói cho ông hay cái biệt tài bản sùng của Don Pedro, ông ta là người bản giỏi nhất miền Audalousie.

Soledad hỏi chồng:

— Anh định làm gì?

Chàng vừa đi ra vừa trả lời:

— Em biết là anh không được chọn lựa.

Ngày hôm sau chàng ra câu lạc bộ chơi và tới chỗ một đám đông đang đứng ở cửa sổ nhìn mọi người qua lại dưới phố. Pepe Alvarez cũng ở đó. Người ta nói chuyện về buổi khiêu vũ ngày hôm qua.

Có người hỏi Alvarez:

— Hôm qua anh đi đâu?

— Mẹ tôi bị đau, tôi phải đi Carmona. Tôi rất tiếc không đến dự được, nhưng như thế còn hơn.

Rồi quay lại phía Don Pedro chàng cười hỏi:

— Tôi được tin hôm qua anh đỏ lấm phải không, và anh được học suốt buổi.

Một người khác hỏi:

— Bao giờ anh cho tôi đánh phục thù?

Chàng trả lời:

— Ít lâu nữa. Tôi còn phải đi Cordone. Tôi mới nhận thấy là lão chường khế ăn cắp tiền của tôi. Tôi vẫn biết bọn chường khế là đồ ăn cắp, nhưng tôi lại ngây ngốc mà tin rằng lão này lương thiện.

Chàng nói với vẻ thần nhiên và cũng với vẻ thần nhiên, Alvarez can thiệp vào.

— Tôi cho rằng anh nói quá. Anh đừng quên là cha tôi cũng làm chường khế và ít nhất cha tôi lương thiện.

Don Pedro cười trả lời:

— Tôi không tin. Tôi chắc rằng cha anh cũng ăn cắp như những người khác vậy.

Câu chữ tôi bắt ngờ và dễ dàng đến nỗi Alvarez đứng lặng ra trong một lúc lâu.

— Đó là lời vu khống, và anh biết rõ như vậy. Tôi yêu cầu anh rút câu nói đó lại.

Don Pedro cười khềnh:

— Chắc chắn tôi không cải chính những điều gì tôi đã nói. Cha anh là một tên ăn cắp và là một tên khốn nạn.

Pepe đã làm việc phải làm. Chàng đứng dậy và tát don Pedro. Kết cục câu chuyện này không thể tránh được. Ngày hôm sau hai người gặp nhau ở biên giới Bồ Đào Nha để đấu súng. Pepe Alvarez, con ông chàng khế, chết như một người quân tử, một viên đạn bắn vào ngực.

Người Tây Ban Nha chấm dứt câu chuyện một cách tự nhiên, và giọng quá đều đều làm lúc đầu tôi không hiểu là chuyện đã kết thúc, nhưng ngay sau đó tôi tức giận nói:

— Thật là dã man, đúng là một vụ sát nhân.

Người chủ nhà của tôi đứng dậy:

— Bạn không hiểu gì cả. Trong trường hợp ấy, Don Pedro còn biết hành động theo cách nào khác?

Ngày hôm sau tôi rời Séville. Tôi không làm sao biết được tên người đã kể cho tôi câu chuyện lạ kỳ này. Tôi vẫn thường tự hỏi, không biết người đàn bà mà tôi thấy, người đàn bà có nước da xanh xao và mái tóc bạc, có phải là nàng Soledad đáng thương ấy không.



* DANH NGÔN

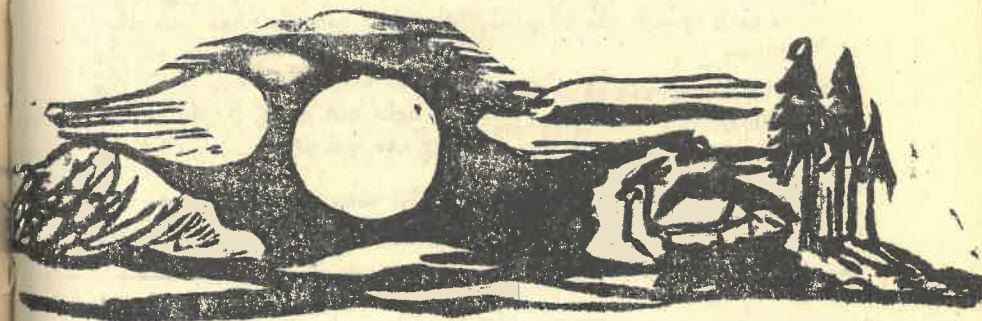
Phải đồng người nói ra không phải để diễn tả ý kiến mình mà để tìm ra ý kiến.

(Etienne Rey)

HỒN TA

* LÊ-NGỌC-TUÂN

Đồng quê lúa đỏ rung rinh
Người xa nổi dậm mắt nhìn mênh mông
Hồn ta chấp chới giữa dòng
Chìm sâu trong mắt dưới lòng biển xanh
Vội tay tìm trái mong manh
Đoạn giây neo bến lữ hành phương xa
Ta về neo vắng mình ta
Giữa vùng trời rộng đường xa muôn trùng
Hồn ta lạnh ướt mưa phùn
Phất phơ chiếc lá bên giòng buồm trôi
Núi rừng lạc cánh sao rơi
Tình ta như gió như trời xa mây
Đầu xuân gió thoảng qua đây
Men nồng rượu ấm biển đầy bóng đêm
Sương rơi đường quanh đi tìm
Hồn em thấp thoáng cõi miền giá băng
Màu xanh lá mạ đêm rằm
Gót chân viễn khách cùng hằng ngả im
Trăng soi đáy nước lặng chìm
Bước nhàn gian cũng ưu phiền đón đơm
Thăng trầm sớm trước chiều sau
Về đây muôn ngộ, em chào mái xuân



ULYSSE ở nhà
EUMÉE
và sự trở về

ITMAQUE

● ĐÀM-QUANG-THIỆN

BỘN thủy thủ lên tàu đi lâu rồi Ulysse mới tỉnh dậy. Sau hai mươi năm vắng mặt, chàng không nhận được quê hương nữa. Bà Athéna bèn hiện làm một gã mục đồng trẻ tuổi nhắc lại cho chàng nhớ mọi nơi. Đây là cửa bể Phœkyx và kia là cây ô liu xanh tươi ở cửa động các vị Nymphes.

Theo lời khuyên của bà Athéna sau khi hôn đất quê hương và cảm tạ các vị thần, Ulysse dấu các cửa cái trong một góc động thiêng liêng đó. Xong vị nữ thần hóa phép chàng

thành một ông già ăn xin rách rưới vai đeo bị. Dưới hình thù đó, chàng cũng chưa dám về nhà vì sợ bọn phản thần. Chàng đi về phía nhà Eumée, người cai quản các đàn lợn của chàng. Ông già này đang ngồi trước cửa nhà. Thấy Ulysse, đàn chó xô cả ra sủa ầm ỹ. Eumée vội chạy ra xua đuổi chúng rồi bảo Ulysse: "Hỡi ông già, xuýt nữa thì đàn chó của tôi đã cắn ông và làm cho tôi xấu hổ rồi. Mà có Trời làm chứng rằng tôi đã chịu biết bao nỗi nhọc nhằn đắng cay rồi! Ông hãy theo tôi vào đây ăn uống, xong ông sẽ kể cho tôi nghe quê quán ở đâu và đến đây làm gì?"

Nói xong ông dẫn Ulysse vào nhà mời ngồi nghỉ. Ông lại vào

THÂN THOẠI HY LẠP

chủ bắt hai con lợn non làm thịt quay vàng rồi đem dọn cho khách ăn. Ông đưa cho khách một chai rượu ngon và bảo: "Hỡi ông khách lạ, ông hãy ăn và uống đi. Tôi tuy nghèo nhưng rất quý hóa ông. Ô! Nếu tôi được tự do hay nếu chủ tôi còn ở đây! Nhưng chắc người đã chết rồi, vì đã từ lâu lắm tôi không được tin tức gì của người nữa. Tôi chỉ biết là người đi Ilion để đánh thành Troie mà thôi! Ulysse vừa nghe Eumée nói vừa ăn. Khi đã no bụng rồi, chàng hỏi: "Chẳng hay chủ của ông đi đánh trận ở Troie mà không về đó là ai? Ông hãy nói đi, có thể tôi đã gặp ông ta vì tôi đã đi du lịch nhiều nơi và đã qua rất nhiều xứ khác nhau". Eumée thở dài mà rằng: "Than ôi! Ông chủ đáng kính của tôi không bao giờ trở về nữa và tôi sẽ suốt đời nhớ tiếc ông. Và không phải chỉ một mình tôi thương khóc ông. Bà vợ của ông là Pénélope ngày đêm khóc lóc. Cha ông là Laerte chỉ ngày đêm khẩn Trời cho cụ chết đi vì cuộc đời đối với cụ không còn có nghĩa lý gì nữa. Con trai của ông là Télémaque đi sang Lykos và Sparte để hỏi Nestor và Ménélas

tin tức cha cậu. Trong khi đó, hàng trăm người đều ở nhà của chủ tôi để cầu hôn Pénélope. Họ phá tan của cải của ông. Không biết sợ hãi sự trừng phạt của thần thánh, họ chỉ nghĩ đến đánh cờ, tiệc tùng và đùa rôn. Pénélope bị họ thúc giục trả lời phải tìm mưu mẹo để hoãn lúc đó. Bà liền bắt đầu dệt một tấm vải nhỏ sợi và rất lớn mà bà nỉ sẽ dùng để khâu liệm ông. Laerte khi nào ông chết. Bà hẹn với bọn người cầu hôn là bao giờ dệt xong tấm vải đó bà sẽ cho họ biết sự quyết định của mình. Nhưng muốn cho tấm vải đó không bao giờ xong cứ đến đêm bà được tháo chỗ vải đã dệt ban ngày ra. Trong ba năm nhờ mưu mẹo đó mà bà được yên thân. Nhưng đến năm thứ tư, một tên thị tỳ khâm phá ra mưu mô đó và mách cho bọn kia biết. Tức giận họ bắt bà làm cho xong tấm vải đi và càng phá tán cái gia tài của chồng bà. Suốt ngày đêm họ giết những con bò, cừu và lợn béo nhất và uống hết rượu ngon trong kho."

Nghe Eumée nói, Ulysse tỉnh trong óc một sự trả thù ghê gớm. Tối đến Eumée dọn giường cho Ulysse ngủ. Tuy thương xót

Pénélope chàng một mỗi nên cũng ngủ một giấc say sưa.

Trong khi đó thì Télémaque rời Pylos trở về quê hương. Vì bà Athéna báo cho biết trước là bọn phản thần định sai người đón đường mà hại anh, nên Télémaque đi vòng lối khác. Anh đi ban đêm và theo một con đường hẻo lánh về nhà Eumée. Ông này thấy tiểu chủ về mừng rỡ chạy ra đón. Télémaque vào nhà ăn uống xong xuôi hỏi Eumée: « Hỡi Eumée, chàng hay ông già này ở đâu lại? » Eumée trả lời: « Ông ấy nói quê ở Crète. Ông ta đi lang thang khắp nơi sau bị thủy thủ phản trời để tra tiền. Lúc đến bờ Ithaque, nhân dịp họ lên bộ ăn uống ông bèn trốn đi và hành khất đến đây. Vậy cậu định cư xử thế nào tùy ý. » Télémaque nói: « Vì Trời đã dun dủi cho ông già này đến đây, ông muốn ở bao nhiêu lâu ở đây thì ở. Tôi sẽ cho đem quần áo và gạo lại cho ông. Còn ông, hỡi ông Eumée, ông hãy đến ngay nhà bà Pénélope. Ông hãy báo cho bà biết là tôi đã về đây được vô sự, và ông chỉ nên nói cho một mình bà biết thôi ». Eumée

vâng lời vừa đi khỏi nhà thì bà Athéna hiện đến. Bà làm phép chỉ một mình Ulysse trông thấy. Bà ra hiệu cho chàng đến một góc sân và bảo: « Chàng hãy nói hết cho Télémaque biết. Hai cha con chàng hãy bàn định kế trừ những tên loạn thần đó và trở về nhà đi ». Nói xong bà cầm dũa gỗ vào người Ulysse, tức thì chàng hiện nguyên hình. Lúc chàng trở vào, Télémaque kinh ngạc hỏi chàng bằng một giọng run run: « Hỡi ông khách lạ, ông thật khác ông già bao này nhiều. Hay ông là một vị thần trên Olympe? » Ulysse trả lời: « Con ơi, cha không phải là một vị thần mà là người con hằng mong ước bấy lâu nay, là người cha đã hai mươi năm nay mới về đến quê hương ». Nói xong chàng ôm lấy con và hai cha con cùng khóc. Nhưng vì còn nhiều chuyện cần kíp phải bàn soạn nên hai cha con phải tạm gạt lệ. Ulysse nói: « Con ơi các thần sẽ giúp đỡ chúng ta. Con hãy làm theo những điều cha dặn. Sáng mai con hãy trở về nhà. Eumée sẽ dẫn cha về sau. Cha sẽ đổi thành một người hành khất. Nếu bọn khốn

có chửi hay đánh cha, con cũng cố nhịn mặc họ. Lúc nào bà Athéna muốn, cha sẽ ra hiện cho con. Con sẽ mang hết các khí giới ở các buồng giấu vào một nơi kín đáo. Nếu chúng đề ý mà hỏi, con sẽ trả lời là con không muốn đề gần khói lửa sợ nó hại ra. Con chỉ để lại trong phòng hai cái gương, hai ngọn giáo và hai cái mộc. Con cần phải cần thận đừng cho ai biết là cha đã về. Ngay đối với ông con và mẹ con, con cũng không nói sự thật với ». Suốt ngày hai cha con chuyện trò vì mãi đến chiều Eumée mới về. Trước khi ông say về, bà Athéna lấy dũa gỗ hóa Ulysse thành ông già ăn mày như cũ.

Sáng hôm sau, Télémaque báo Eumée: « Eumée, tôi đi về thăm mẹ tôi. Còn ông, lát nữa chờ cho ấm áp hơn, ông hãy dẫn ông già này vào Ithaque. Mỗi người sẽ làm phúc cho ông ta một chút. Một người nghèo ra tỉnh hành khất tốt hơn là ở nhà quê ». Nói xong Télémaque đi về phía lâu đài. Trông thấy con Pénélope mừng rỡ nói: « Con ơi, mẹ không ngờ còn được gặp con hôm nay. Con hãy nói mau

cho mẹ nghe kết quả cuộc du lịch của con ». Télémaque trả lời: « Thừa mẹ, mẹ đừng nên lo nghĩ vì bây giờ là lúc các thần đang sắp thi hành sự trừng phạt. Con đã đến Pylos gặp Nestor và đến Sparte gặp Hélène và Ménélas. Nhưng không ai biết tin tức gì về cha con cả. Chỉ có một nhà tiên tri nói với con rằng cha con đã về đến quê hương và đang sửa soạn cho bọn phản thần một sự chết kinh khủng. »

Trong khi hai mẹ con trò chuyện trong nội cung thì bọn khi ngạo nghề ngang nhiên tập rượt ném giáo và ném đĩa trong sân. Tập xong họ lại bắt dê, cừu lợn hay làm bò làm thịt ăn. Lúc đó, Eumée và Ulysse cùng nhau ra tỉnh. Ulysse đeo bị lên vai, chống một cái gậy sắt sùi và đi theo Eumée. Giữa đường họ gặp một tên chăn dê của Ulysse. Nó báo Eumée: « Hỡi tên chăn lợn khốn nạn kia, mi dẫn tên ăn mày ghê tởm này đi đâu đấy. Mi hãy để nó đây cho nó cọ rửa chuồng vật và đem lá cây cho dê ăn cho ta có hơn là đi ăn xin cơm thừa canh cặn không. Khốn nhưng lười biếng nó không muốn làm việc và chỉ

thích ăn mỳ để nhồi cho nó cái bụng không đá của nó thôi.» Nói xong nó đá một cái vào cạnh sườn Ulysse. Vị anh hùng chịu đựng tất cả một cách im lặng. Gần đến lâu đài, một mùi thịt nướng thơm xông lên và tiếng đàn hát vang lừng. Vào đến sân, Ulysse thấy con chó Argos mà chàng đã nuôi giẫy từ nhỏ, bây giờ già yếu bần thiêu nằm trên một đồng phân. Chàng cố cầm nước mắt hỏi: «Hỡi Eumée, tại sao con chó kia lại bị bỏ nằm một mình trên đồng phân lửa như vậy? Eumée trả lời: «Than ôi! Đây là con chó của một vị anh hùng bị chết ở phương xa. Nếu nó được săn sóc như hỡi Ulysse còn ở nhà thì ông sẽ ngạc nhiên về sức mạnh, kích thước và sự nhanh nhẹn của nó. Nó rất giỏi đuổi mỗi trong rừng sâu. Bây giờ nó bị bỏ rơi vì chủ nó đi xa, những thị tỳ của ông không săn sóc gì đến nó cả.» Argos chừng như đánh hơi nhận ra chủ vậy đuôi mừng, muốn đứng dậy chạy lại chỗ Ulysse, nhưng đuối sức quá nó nằm lăn ra chết. Eumée đi thẳng vào phòng, nơi các loạn thần đang yến tiệc. Sau lưng ông là ông già ăn mỳ. Ulysse đến ngồi xuống ngưỡng cửa, để bị và gây xuống đất và yên lặng chờ. Télémaque lấy bánh và thịt đưa cho Eumée mà bảo: «Ông hãy đem

các thức ăn này cho người nghèo khổ kia, và bảo ông ta đi đến từng bàn mà xin của bố thí». Khúm núm Ulysse nhận các thức và đem ăn. Ăn xong chàng đến chìa tay xin các khách ở bàn tiệc. Tất cả động lòng thương đều cho ít nhiều. Duy có một mình Antinoos là trợn mắt mắng Ulysse: «Đồ lười biếng khổ nạn, hãy tránh xa bàn của ta ra!» Hân nói rồi cầm cái ghế đầu ở dưới chân đánh vào vai Ulysse. Vị anh hùng không nói gì lại ra bậc cửa ngồi. Cuối bữa ăn, Eumée về trông nom đàn súc vật, còn bọn Antinoos no nê rủ nhau ca hát nhây múa. Trời đã về chiều khi một tên ăn mỳ rất quen mặt ở Ithaque vào lâu đài. Hân nài tiếng là ăn tục nói khoác nhưng lại rất rứt rứt. Thấy Ulysse, hân bèn đuổi: «Lão già rách rưới và tham ăn kia, muốn sống thì cút ngay khỏi nơi này đi. Mi là thằng nào mà dám đến đây cướp miếng ăn của ta. Đi ra ngay nếu không ta sẽ cho mi một trận đòn.»

Ulysse nhìn Iros một cách tức giận và nói: «Tên khổ nạn, ta làm gì mi hử? Ta có ganh tị gì với mi không, và các thức mọi người cho ta, cũng cần thiết cho ta như các thức mi nhận được vậy. Ta bảo

trước cho mi biết, mi đừng đe dọa ta, nếu không dù già yếu, ta cũng sẽ cho mi một bài học đậm máu vậy!» Bọn khách ngồi ăn thấy hai người cãi nhau liền phá lên cười. Antinoos chột reo lên: «A ha, hỡi các bạn, Trời cho chúng ta một cuộc vui vậy thay! Hai tên ăn mỳ này đang muốn đánh nhau, vậy chúng ta hãy cho chúng đánh nhau như ở một vũ đài và đưa nào thắng sẽ được độc quyền có mặt ở những bữa tiệc của chúng ta.» Tất cả bọn đều tán thành những lời đó. Ulysse sẵn tay áo lên một cách cương quyết còn Iros trái lại run sợ đến nỗi người ta phải bắt buộc hân mới chịu ra giữa phòng. Hai địch thủ đứng trước mặt nhau và cả bọn kia quây tròn chung quanh họ. Iros đánh trước song Ulysse không đau đớn gì, trái lại khi nắm tay sắt của chàng đánh vào cổ hân thì xương của hân bị gãy ra. Răng cũng bị gãy, máu mồm trào ra, hân ngã khụy xuống và nằm thẳng cẳng trên mặt đất. Ulysse nắm lấy chân hân, lôi ra khỏi phòng đem ra sân dựng hân vào tường, rồi đè chiếc gậy vào tay hân, chàng bảo: «Mi hãy đứng đây xua lợn và chó, và đừng chửi

những người ăn mỳ nữa.»

Bọn khách lại tiếp tục đàn hát. Tổ đến, bọn thị tỳ thay phiên nhau đốt lửa. Ulysse đến gần chúng và bảo: «Hỡi các nữ tỳ của Ulysse, các người hãy về chỗ hoàng hậu mà quay tơ dệt vải, ta sẽ một mình ở đây trông cho lửa cháy.» Nghe nói bọn thị tỳ nhìn nhau cười. Mélantho xinh đẹp nói: «Hỡi người khách lạ khổ nạn kia, mi thật điên rồ. Hoi-men hay sự thắng tên hành khất Iros đã làm cho mi chênh choáng say sưa chăng? Mi hãy cầm điếu gậy không một cánh tay mạnh hơn tay tên ăn mỳ sẽ đánh vào đầu mi và khiến cho mi đâm máu mà nằm vào một số đó.» Ulysse trả lời: «Chính mi im đi mới phải, hỡi quân cầu trệ khổ nạn kia. Ta lập tức nhắc lại những lời của mi cho Télémaque nghe.» Lời đe dọa này làm cho bọn thị tỳ sợ hãi giải tán ngay. Lúc bọn loạn thần chia nhau đi ngủ cả rồi, Ulysse bảo con: «Télémaque con ơi, đã đến lúc con cắt các khí giới đi rồi đó.» Télémaque vâng theo rồi đi ngủ. Còn Ulysse chàng lại ra buồng tiệc. Chàng vừa ngồi xuống một góc nhà thì Pénélope

trời. Các thị tỳ vội vàng kẻ đem ghế cho bà ngồi, người cho cùi vào lò rất là tấp nập. Lúc trông thấy Ulysse, Mélantho lại một lần nữa mắng :

« Cút ra ngay tên khốn nạn kia. Ai cho phép mi rình mò việc làm ban đêm của chúng ta ? Ra ngay không ta lấy thanh củi cháy đánh cho bây giờ. » Nhưng Pénélope nghe thấy bên mắng hân : « Đồ khốn nạn, mi không biết rằng chính ta đang muốn hỏi chuyện người khách lạ sao ? » Nói xong nàng sai đem một cái ghế lại, lấy da cừu rải lên và bảo Ulysse ngồi lên mà hỏi : « Hỡi ông khách lạ, hãy nói cho ta biết ông là ai, ở đâu đến và cha mẹ ông tên là gì ? » Ulysse trả lời : « Thừa hoàng hậu, xin người đừng hỏi tôi những điều đó vì bà sẽ nhắc cho tôi những điều đau lòng và ngồi ở một nhà lạ, ta không nên thở dài khóc lóc. » Pénélope lại nói : « Than ôi, chồng tôi đi Ilion. Từ đó tôi buồn khổ vô cùng. Nhà tôi đầy những tên phản thần. Nhưng chẳng hay trong những cuộc du lịch ông có từng nghe nói đến Ulysse bao giờ không ? » Chàng trả lời : « Tôi sinh ở Crète và đã được tiếp đón

Ulysse ở đó. Chàng đến Troie bị bão đánh rớt vào bờ xứ Crète nên tôi có dịp được gần chàng mười hai ngày. Nghe nói Pénélope nức nở khóc khiến Ulysse phải cố gắng lắm mới cầm được giọt lệ. Chàng lại nói tiếp : « Xin bà đừng thương khóc nữa. Có lẽ Ulysse sẽ về được quê hương. Thật vậy, ở xứ Thesprotes, tôi đã thấy nói chàng còn sống và đã đến rừng Dodone nghe lời thần giãi xem sau hai mươi năm vắng mặt có nên về công khai hay bí mật ». Pénélope nói : « Cẩn Trời cho ông nói đúng. Nhưng Ulysse không bao giờ về nữa. Ý tưởng đó làm tôi buồn thảm vô cùng. Còn ông, than ôi ! không bao giờ trong nhà của Ulysse ông lại được đón tiếp như xưa chàng có nhà. » Nói xong, nàng bảo các thị tỳ sắp nước cho ông rửa tay và dọn giường cho ông ngủ. Ulysse trả lời chàng không cần dọn giường ấm, chàng chỉ xin đi tắm và cho một bà già rửa chân cho chàng. Pénélope bèn gọi Euryclée, vú nuôi của Ulysse mà bảo : « Hỡi Euryclée, bà hãy rửa cho ông khách. Ông ta hình như cũng tuổi với Ulysse, và có lẽ chàng bây giờ cũng nghèo khổ già yếu

như ông. » Ulysse không muốn cho vú nuôi nhận ra mặt nên quay lưng vào lò lửa. Nhưng lúc Euryclée rửa đến đầu gối chân thì nhận được cái sẹo do một vết thương chàng bị con lợn lòi gây ra ngày xưa. Bà ngạc nhiên bỏ rơi cái chậu xuống, nổi nước nóng đỏ lênh láng. Bà đang há mồm định kêu lên thì Ulysse vội cúi xuống lấy tay bịt mồm bà mà nói vào tai bà rằng : « Bà muốn hại tôi hay sao ? Bà đã nhận ra tôi thì hãy để bụng chờ bao giờ tôi trở thù xong đã. » Euryclée nghe thế liền đứng giậy sắp nổi nước khác. Xong xuôi Ulysse ra ngồi gần lửa. Pénélope nói : « Hỡi ông khách, bây giờ đến giờ đi ngủ. Còn tôi, cứ đem đến thì hàng ngàn ý nghĩ làm tôi không thể ngủ được. Tôi đang tự hỏi có nên ở vậy hay số phận tôi là phải lấy một người trong bọn kia. Nhưng trước khi đi ngủ ông có thể giãi cho tôi giấc mộng này chăng ? Tôi mộng thấy hai mươi con ngỗng ăn lúa mì trong nhà tôi. Tôi đang nhìn chúng thì một con

chim ưng sà xuống và giết chết đàn ngỗng. Tôi nghĩ tiếc những con ngỗng thì từ trên mái nhà con chim ưng nói với một giọng người : « Bà hãy yên tâm, đây không phải là một cái điềm, mà là sự thật chắc chắn. Đàn ngỗng là bọn người cầu hôn. Con chim ưng là Ulysse. Chàng về và giết chết bọn kia đó. » Ulysse nghe xong nói : « Thừa hoàng hậu, chính con chim ưng đã nói cho bà biết ý nghĩa của giấc mộng. Bà không nên nghi ngờ nữa, việc đó thế nào cũng xảy ra. » Pénélope lại nói : « Hỡi ông khách lạ, những mộng thật là hão huyền. Tôi định ngày mai sẽ cho họ thi bắn. Tôi sẽ xếp mười hai cái riu, cái nỏ sau cái kia thành một hàng thẳng. Nếu người nào dương nổi cái cung của Ulysse và bắn một phát qua cả mười hai lỗ của những cái riu, tôi sẽ lấy người đó. » Ulysse nói : « Bà nên cho mở cuộc thi đó ngay đi vì Ulysse sẽ về trước khi đó. » Đến đó, hoàng hậu từ biệt ông già và lên buồng nghỉ. ● ●



hiện
hữu



Khi nổi buồn cất xuống
Tôi một loài cỏ khô
Vóc sừng mùa đã rụng
Hơi thở đầy bụi mù

Dăm bông vàng tuổi dại
Theo điệu ru người tình
Mũi xanh miền đầy ải
Đau khổ đó quê mình

Tóc thừa dần thơ ấu
Hạnh phúc nào nâng niu
Xin mến thương yêu dấu
Tôi vốn loài bọt rêu

Thôi nửa đời con gái
Bóng tối đè nghiêng vai
Qua một lần vụng dại
Hồn sừng mù búa vấy

• HOÀNG THỊ THỦY-TIÊN

TÌM LẠI LINH HỒN
DÂN TỘC

CHIÊM THÀNH

qua
thơ

CHẾ
LAN
VIÊN

• TRẦN-TUÂN-KIỆT

ĐÔI xưa có một chàng thi sĩ—Lý Bạch, muốn ngâm
thơ mà sợ kinh động tiên trên cao — coi mình
như kẻ bị dày nơi trần gian gió bụi này... tâm
hồn cô đơn như ngọn kinh đình san.

Nơi quê hương nước Việt có một thi nhân hòa với cái
tiêu diệt của cả một dân tộc mà chẳng kém cô đơn như
thế, lại rất gần gũi với chúng ta hôm nay. Lý Bạch thì :

Đề đầu tư cố hương

Cúi đầu đề vọng tưởng về một thế giới ảo huyền nào
đó của thi sĩ Lý Bạch trong đêm sâu thiên cổ... dưới
vầng nguyệt lâu-lâu kia trong một cõi mộng mị dị thường
mà tâm hồn riêng hiểu được lẽ huyền vi của đất trời biến
đổi, cái lẽ phù du của kiếp người nào đã chưa xót hơn
sự cảm thông của tác giả *Điêu tàn* với một nơi giống
diệt vong, muôn vàn sắc hương của Chiêm Thành cùng
tan nát cả.

Định mệnh thâm thê thần chết ám,

Phấn son đánh gởi máu tro tàn.

(B. Giảng dịch)

Định mệnh nào để cả một dân tộc phải chịu vùi than dưới lớp tro than, để cả một thời phồn hoa thịnh trị chỉ còn vang bóng trong giòng sử lịch thời gian bay múa đó. Và với tâm hồn trao gởi trọn vẹn của Chế Lan Viên, chúng ta nên đặt trở lại vấn đề lịch sử của nhân gian mà xưa nay chỉ dựng trên nền móng của một xã hội, một giống nòi thì quá ư... bất công cho kẻ yếu thế và những anh hùng dân tộc là gì, đối với tấm tình nhân loại chung sống cùng nhau. Loài người có được dùng pháp lý—lý lẽ nào đem mạnh lấn yếu—tiêu diệt một đất nước hiền lành và nhỏ bé hơn không? Và kẻ ác gây nên tội đó, đã trả với một nhân quả thế nào trong đạo trời biển dịch... Chế Lan Viên đã diễn trong cái cảnh Nietzsche diễn cuồng vì dân tộc Đức muốn được quyền thống trị nhân loại. Thiên tài đã điên vì mọi nỗi đời chưa chát vì những mũi nhọn vút nanh đâm thẳng vào lương tri cao quý của mình và trước cảnh hoang tàn tiêu diệt đó, trước cảnh thâm thê của non nước Chiêm Thành, mọi nghĩa lý, mọi niềm tin về thiêng liêng nào có nghĩa chi... vì *Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi số cẩu* — Lão Tử — (*Trời Đất không có lòng nhân, coi vạn vật như chó rơm*). Ta hãy trích một đoạn trong bài Tựa của nhà thơ với giọng chênh choáng lạ thường của Người như một vị Đại Thánh—

...« Nếu, khi đọc xong mà cái buồn, cái chán, cái Hài Hùng cùng ủa nhau đến bốc lấy hồn anh, làm cho anh phải cười, phải gào, phải khóc thì anh chớ hẹp hòi mà cười cho mệnh mang gào cho vỡ cổ, khóc cho hả hê, rồi gởi cái cười cái gào cái khóc ấy cho không trung. Tôi nằm ngủ ở trong sao, nghe được, tung mây ngời dậy, vỗ lấy cái qua quít bầu ấy rồi say sưa, rồi ngáy ngất, rồi điên cuồng vỗ

lên đầu sao Khuê, sao Đẩu, lên cả Nguyệt Cầu mà bảo chúng nó rằng :

— Ha ha ! bay ôi ! Loài người thành thi sĩ như ta cả rồi, và vênh vang, kêu ngạo ta lấy mây làm bút, lấy trăng làm mực để lên nền trời xanh :

« Trong thơ ta dân Chấm luôn sống mãi
Trong thơ ta xương máu khóc không thối ».

Viết ở tháp Đồ Bàn một đêm thu
đầy trăng
Chế-Lan-Viên

Đấy, nhà thơ ta khi mới mười lăm mười bảy mà đã thốt ra những tiếng nói thâm u mãnh liệt nhất của thời đại hôm nay. Giọng nói của người sẽ còn vang vọng mãi đến nghìn đời... vì loài người trước sau vẫn là một loài... như mọi sinh vật khác, thế thôi ! (xin mở ngoặc—nói theo điệu Tam lặc) có tiến bộ văn minh gì hơn đâu, trên lãnh vực tinh thần...

Sống trong một thế giới đầy rẫy sợ dè ma quái, ngủ trong mộng cảnh mây nước trường sinh — nghe những điệu gầm thét đau thương của lịch sử Đồ Bàn, uống những giọng đàn mê ly, kỳ ảo, và say đắm và ghi siết và điên cuồng há hê trong tiếng gọi của hư vô của Uông tử thành, của sa mạc vô biên của tâm thức nào loạn lạ thường kia.

Và, từ đấy tiếng gọi của thi nhân trở thành một mãnh lực thiêng liêng vang vọng mãi không dứt... tiếng gọi nhắc chừng, tiếng gọi thê lương của những vong hồn uông tử, Tiếng rợn rùng lạnh lẽo của tha ma đời, của xương da của huyết thống của tấm tình nhân loại... và cuối cùng trở thành một thứ tiếng nguyên rủa ghê gớm cho kẻ cướp nước người, kẻ tiêu diệt dân tộc yếu thế... đang chờ đợi ở cõi âm u để trả thù một món nợ máu... truyền kiếp thâm thê.

Mi nhớ đến những cảnh pháp trường ghê rợn
Sợ muốn người lần lượt đuổi nhau rơi ?
Hay mi nhớ những đêm mờ rừng rợn
Hồn mi bay trong đám lửa ma trời ?

(cái sợ người)

Nhưng khổ thay ! là dân tộc Việt.. Người lặng
lẽ nghe tiếng gọi kinh khiếp của hư vô... trước cái cảnh
binh yên, vô tư lự của bọn người trưởng giả cao sang, bọn
người trị vì quyền quí trên mảnh đất đầy sợ dè rơi rụng
u uất đó.

Tạo hóa hỡi ! Hãy trả lời về chiêm quốc !
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian !
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chường mắt !
Muôn vui tươi nhắc mãi về điều tàn !

Những ưu phiền khắc khoải, những đau khổ tuần quai
những buồn lo nặng nề... và những thương hồ nhớ bảo của
thi nhân.. mà người đời thực tế !!!!! thường hay chê
trách..., thường hay mỉm cười rằng cuộc đời tranh đấu là
như thế nọ thế kia... mi không tranh đấu.. mà cũng không
giả vờ kêu khổ, kêu đau... ôi ! Cõi đời ! cái cõi đời chỉ có
cái bề mặt nhợt nhạt của lũ hát tuồng i-uông, còn ở tận
đáy đời sâu còn bao nhiêu uẩn khuất nghìn đời nào ai rõ
thấu... nào ai chịu để tâm cho... nào ai có lòng linh cảm
đến tận trong cõi thâm u, trong căn đề của cái chân...
cái lý... chân lý nào hiện rõ ra ngoài thực tế như đồ vật
thường dùng trong đời sống phê phỏn của anh chị em
và tôi... nó ở về phía... phía lẽ chết — la vérité est du côté
de la mort — S.Weil... Không có đôi cánh thiên thần để
bay vượt uẩn-hóa này, không có tấm hồn thiêng cô đơn
vô-vô đó... làm sao... làm thế nào để nhận thấy mọi lẽ phải
trái... hư thật... trong cái vô minh này ? Tiếng thơ đã từ một
đỉnh hồn gió bão vọng lại, gió bão tề diên trong sa mạc
mù khơi... Tiếng thơ phát hiện thành đôi đóm-đóm

trong đèn thiêng tịch mịch... Tiếng thơ vẽ lại hình bóng
sử xanh, vang dội lại nỗi đau thương nghìn kiếp... và thành
trụ một thế giới ngoài thực tại tù hãm... một cõi mộng
huy hoàng... và mọi người thơ đều lấy ảo làm chân... là
sự thật đấy... họ đều trông thấy rõ lắm, cái cảnh:

Trên trời cao giòng Ngân kia lặng chảy
Thấy cùn chằng tha thướt bóng xiêm qua ?

bằng lòng đi vào cõi chết ! vàng ! chỉ có cõi chết mới
quên được những :

— Nhạc trần gian khôn vui hồn quạnh quẽ
Rượu trần gian gây nhớ vết thương xưa

Rồi một lúc nào đó vùng tiên giới mở rộng, cõi mộng
ảo hé phôi ra, cánh cửa thiên đàng được vì tiên Say mở
cổng, Nhà thơ đi lạc cõi trần thực đấy ! đi lạc về năm
ngủ trong sao :

Đâu gối lên hàng thất tinh vừa mọc
Hồn giạt trôi về đến nước non Chiêm

Nhưng dù nơi nào... nàng thơ diễm kiều vẫn hiện
vóc dáng tha thướt trong mộng lòng thi sĩ :

Ta gặp Nàng trên một vì sao nhỏ
Ta hôn Nàng trong bóng núi mây cao
Ta ôm Nàng trong những nguồn trăng cỏ
Ta ghi Nàng trong những suối trắng xoà
Phút hồn độn qua rồi. Trời ! đau khổ !
Bóng Chiêm nương dần khuất dưới sương sa.

Tan biến mộng vô cùng... rồi lý trí nhỏ bé hiện ra để
nhìn thấy lại cái kiếp phù du, cái quyền năng bé tí của
mình trước hư vô thăm thẳm :

Ta lắng nghe những thế giới bao la
Tụ hợp lại trong lòng muôn hạt cát.

Cái đại vũ trụ thu lại thành tiểu vũ trụ... để nghe
đồng vọng đến :

Ai kêu ta trong cùng thâm hư vô ?
Ai réo gọi trong muôn sao chới vơi ?
— Nàng, nàng, nàng, thói chính nàng đang mong
đợi

(Ngủ trong sao)

Trong hư vô Nàng... kêu gọi. Chiêm Nương gọi thì
nhân trở về với thời gian xa xưa để mà cảm thông với
mỗi uất hận thiêng liêng của dân tộc Chàm... để thi nhân
cảm thông với những linh hồn không nơi trú ẩn, những
thi thể rời rã trong ngày tháng vô tình cay nghiệt... những
xương máu đời đời uẩn khúc chẳng tan. Giòng sông
Thiên ân hiện dưới vầng trăng thiên cổ luy, tình mộng
nghìn năm nào để phai... rớt lại cái mộng đẹp...

Thuyền ai dẫn trước sông Ngân ấy
Mà đề sao sa xuống cõi Trần

Cả cái nổi hoang phế điêu linh :

Ai đời đầu lâu trong nắm mộ
Tiếng khua vang rạn khớp đầu ta
Có ai rên rỉ ngoài thôn lạnh
Như tiếng xương người rên rỉ khô ?

Rồi tắt cả mộng... hay thực... chan hòa... giữa thực lại
mơ... thấy mơ thành sự thật để thốt lời kinh dị cái hư vô...

Mơ rồi ! Mơ rồi ! ta mơ rồi !
Xác xáo chỉ có lá vàng rơi
Quanh mình bóng tối mệnh mang cả
Thấp thoáng đôi hồi lửa đóm soi.

Thơ Chế Lan Viên là một niềm cảm thông... chung cuộc
với cái lạnh teo của cô đơn thiên tài, sống với cái điều
liêng của dân tộc mất nước, chịu đựng với những tiếng vọng
ác liệt của định mệnh đợi chờ và quyết liệt hùng vĩ với
ngất trời tinh dầu của một tinh thần siêu nhân... Còn mộng

— Cuống họg bị đâm nát
bấy, máu vấy khắp nhà..

Gã thuật tới đây, người bạn
ốm yếu của gã cũng giờ tay
như muốn giữ chặt lồng ngực.
Và, tất cả những người hiện diện
trong chiếc thang máy như cũng
bị truyền cảm bởi một luồng điện
mãnh liệt chạy trong cơ thể. Sự
rùng rợn trong câu chuyện nghe
lóm đã làm cho mấy người đàn bà
yếu bóng vía run lên vì sợ hãi, nét
tái mét hiện hẳn trên gương mặt.

Gã vẫn tăng lời như vô tình, kể :

— Tôi sờ người nàng thì thấy
thi thể lạnh từ hồi nào... Quên cả sự
vô ý có thể buộc tội mình là hung
thủ, tôi cầm con dao sát nhân lên
xem và chạy lại bàn đặt máy điện
thoại gọi về sở Cảnh-sát.. trong
khi hai tay tôi vấy đầy máu kẻ
bạc phước.

Câu chuyện kể tới đây thì chiếc
thang máy đã dừng lại, mọi người
lần lượt bước ra, về phòng riêng.
Gã đàn ông to lớn cùng người
bạn bước mau về cuối dãy phòng
bên trái.

Chưa ngồi gọn gàng trên ghế
bành, người gầy gò đã nói với bạn :

— « Cậu có thấy cái mũ già sồn

sồn đứng phía bên trái cậu làm gì
không ? Mũ ta run như cây sậy,
nhưng vẫn cố lắng tai nghe...
Kịch sĩ diễn khá đấy. »

Gã đàn ông to lớn nhưu mắt :

— « Thế là gan lắm đấy. Không
ngất xỉu là may cho mũ ta »

Rồi cả hai người bạn cùng phá
lên cười nắc nẻ.

Người đàn ông to lớn ấy là ai ?
Câu chuyện gã vừa nói có thật đã
xảy ra không ?

Chúng tôi, xin đáp ngay : Đó
là Alfred Hitchcock, một đạo diễn
phim ảnh độc đáo và tài ba. Ông
ta đã từng làm cho những người
chung quanh hồi hộp, run sợ vì
những cốt chuyện kinh dị do ông
bịa đặt, tưởng tượng.

Và dĩ nhiên câu chuyện vừa kể
trên cũng chỉ là một sản phẩm do
ông đặt ra để làm cho số thính giả
trong « chuyến thang máy » không
quá mười người, toát mồ hôi
lạnh chột.

Sự thành công tội bực của
Alfred Hitchcock về loại chuyện
này, hẳn không ai có thể chối cãi
qua những phim đã từng chiếu
trên màn bạc Âu Mỹ như « Rébec-

ca», «L'inconnu du Nord Express» «Les Oiseaux»

Một trong những phim của Alfred Hitchcock tả cảnh một thanh niên đi ngang nhiều đường phố Luân Đôn giữa ngày lễ kỷ niệm Ngũ thập chu niên của Nữ hoàng Anh. Thanh niên này chen lẫn giữa những đám đông dân chúng tề tựu chúc mừng nữ hoàng của họ, tay ôm một quả bom nổ chậm mà không hay, và cứ định ninh mình đang ôm một gói đồ thường dùng.

Dĩ nhiên tất cả khán giả đều nín thở theo dõi từng bước đi của chàng thanh niên nọ (dù chỉ là trên màn ảnh). Thình thoảng ông lại thêm một «xen» gay cấn, làm như quả bom sắp nổ trong giây phút để làm tăng thêm sự hồi hộp của khán giả..., đang ước đoán một đoạn kết đầy chết chóc kinh khủng.

Nhưng, cũng như tất cả các cốt chuyện khác của ông, Alfred Hitchcock không làm cho khán giả hài lòng, nghĩa là giữa lúc giây thần kinh của mọi người đang ở trong tình trạng căng thẳng nhất, đến nỗi có kẻ quên rằng mình đang xem chớp bóng, là

lớn, như muốn thức tỉnh, báo động cho những kẻ sắp ngộ nạn: «Quả bom nổ này»..., thì cuốn phim ngưng, hết.

Đó là dụng ý, và cũng là mánh khoé duy nhất của Alfred muốn làm cho khán giả của ông không thể dễ dàng quên ngay những giây phút kinh hoàng trong một thời gian ngắn.

Mà thật thế, tất cả sẽ bị ám ảnh khá lâu vì cuốn phim vừa dự khán.

Đời sống của Alfred Hitchcock cũng giống như một cuốn phim đầy đầy sự «bất thường».

Không có cuốn sách nào đọc xong mà ông không thể chế biến thành một vài «xen» trên màn bạc.

Trong những buổi tụ họp chuyện trò với bạn bè, cũng chính ông là người dẫn dắt câu chuyện như làm đạo diễn một cuốn phim, chẳng khác chi hai kẻ đánh cờ, mà ông là người luôn luôn dồn địch thủ vào thế bí.

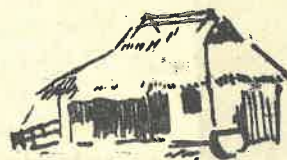
Ngay như sự đùa nghịch—nếu không muốn gọi là đầu trí—giữa ông và một người bạn là nhà đạo diễn kiêm tài tử Peter Loore, người hằng muốn cạnh tranh với

tưởng như sao... mỗi vì sao là một thế giới kỳ ảo...
ngất trời đầy sao ta nói làm sao hết, ta vẽ làm sao được ta
cảm làm sao thông với cõi riêng Một... Đất Trời...
Chiêm ấy!



(Ngày thương nhớ Trần triều Miên)
con ta

Saigon, chiều Chúa Nhật, mưa gió
30 — tháng giêng — 1966



CÚP ĐIỆN HAY ĐÈN DẦU HU

Từ ít lâu nay Sài Gòn bị nạn cúp điện liên miên, và đèn cây cũng thừa cơ tăng giá khiến cho các gia đình dù muốn dù không cũng phải mua sắm một hai cây đèn dầu hỏa.

Có một người ở tỉnh lên nhà bà con ở trung tâm Đô thành chơi. Rủi rờ hôm ấy lại nhằm khu vực đó bị cúp điện. Người nọ hỏi:

— Ủa, hôm nay điện hư hả? Ở đây mà cũng xài đèn dầu sao?

Người chủ nhà thần nhiên đáp:

— Ở Sài Gòn vẫn xài đèn dầu đấy chứ. Chỉ xài điện khi nào đèn dầu hư mà thôi.



TRƯỜNG HỢP NAO

Alfred Hitchcock

TRỞ NÊN CHA ĐẾ
CỦA LOẠI PHIM KINH DỊ ?

■ PHẠM-DANH-QUANG

CHIẾC thang máy từ tầng dưới cùng của một buyn đình nọ sắp chạy lên tầng lầu chót, thì một gã đàn ông to lớn cùng một người bạn nữa bước vào. Trông hai người

bạn này, dù ai câu kinh đến đâu cũng phải khẽ cười thầm, vì hình như người đi trước đã lấy hết thịt của người đi sau đắp vào thân thể mình.

Sự chen lấn của hai người này đã làm cho những người đi chung «chuyến thang máy» bữa ấy lộ hẳn nét bức bối trên gương mặt.

Nhưng, chưa ai kịp lên tiếng can nhắc gắt gỏng, thì gã to lớn đã bô-bô nói lớn với người bạn gầy gò của y :

— Tớ kè nốt câu chuyện dở dang lúc nãy nhế... Ồ, khi tớ bước vào thì căn phòng tối mò mò.

Dù muốn dù không, tất cả những người đồng hành của đôi bạn này cũng phải nghe câu chuyện của họ, gã đàn ông to lớn nói tiếp :

— Tớ phải sờ soạng, kiểm

công tắc đèn... Trời ! Nàng..., Phải, đúng nàng với mái tóc hung hung gương mặt trái soan, đôi mày lá liễu... đang nằm giữa, sóng soài trên đi vắng..

Gã ngừng giây lát, tay giữ chặt lồng ngực như sợ trái tim phẩy mạnh ra ngoài, tiếp :

SAY

• THUY DƯƠNG TỬ

(cho khách giang hồ
chịu chơi)



Có mấy người say ? — Mình đã say
liên đêm men cháy tuổi năm ngay
bạn bè dăm đứa cười nghiêng ngửa
tàn cuộc ai người say — tỉnh — say

mấy cốc đầy vơi lên tỉnh nhỏ
men cười quán trọ chẳng thêm lo
uống say cho đã thân hồ hởi
góp tụ hào hoa — mấy kẻ tài ?

cốc rượu bây giờ say những ai ?
đèn kia sáng một hóa thành hai
tỉnh nhân bỗng chốc thành ly rượu
đỏ mắt cuồng điên — ai gọi ai ?

đỏ mắt cuồng điên ai gọi ai ?
ngậm cười men cháy khóc đời trai
ừ thôi ! quán khách say đi nhĩ
nâng chén cho quên giấc mộng đời.

(Saigon, những ngày say Xuân)



VÔ NGHĨA

TRUYỆN
NGÂN

* KIM
LIÊN

CÓ tiếng chân dừng trước cửa phòng. Kim úp vội quyển sách lên ngực, nhắm chặt mắt nằm im lặng. Mãi đến khi Ngọc cầm nhẹ tay Kim khẽ nâng niu từng ngón. Kim mới sẽ mở mắt ra nhìn.

Trông dáng Ngọc ngồi phía dưới, tự nhiên Kim thấy buồn buồn. Nàng ngồi tựa lưng vào

thành giường nhìn ra khung cửa nói như nói với một người rất xa xôi :

— Mời anh ngồi dậy.

Ngọc xếp sách nhìn Kim với nét van lơn :

— Xin mời Kim đi chơi với anh một vòng phố chứ Kim cứ ở nhà để buồn thì anh làm sao chịu được ?

ALFRED HITCHCOCK

trí tưởng tượng của Alfred, ông cũng đã bỏ xa địch thủ Peter.

Một bữa kia, Peter than phiền với Alfred rằng những quần áo thủ vai «đám» của ông ta trong một cuốn phim đang quay đã bị hư hỏng hết. Biết bạn suýt gạt, cũng như biểu Peter đang sửa soạn xuống tàu sang Mỹ đóng phim, Hitchcock bèn gửi Loore một bộ đồ thủy thủ ngăn ngủi.

Đề trả dũa Alfred, Peter mua 96 con chim khuyên gửi tặng Hitchcock đoạn xuống ngay tàu Queen Mary, vượt đại dương.

Hitchcock rất bực mình vì tiếng hót quấy rối của bầy chim, ông bèn «chơi lại» Loore.

Suốt hai tiếng đồng hồ liền, Alfred, gọi điện thoại cho Peter, lúc này đang lênh đênh giữa biển cả, đề báo tin về tình trạng sức khỏe của những con chim khuyên mà Loore vừa tặng cho ông ta.

Peter Loore rất phiền toái không ít, vì không được đến hai phút đồng hồ để nghỉ ngơi, cứ vừa đặt ống máy xuống đã lại phải cầm lên vì tiếng chuông reo âm ỹ. Đại khái những câu Alfred gọi cho Peter là : « Con chim này vừa chết, con kia tự nhiên thôi

hót, con nọ ốm, con thứ tư không chịu ăn, con thứ năm bị mèo cắn v.v... »

Cứ thế, suốt cuộc hành trình từ Anh sang Mỹ, Peter Loore cố gắng gượng cho đến khi mệt mỏi, không thể chịu đựng được nữa, phải nhận thua thì Alfred Hitchcock mới buông tha cho, chấm dứt cuộc đấu trí.

Alfred Hitchcock đặt chân vào nghề điện ảnh từ 1920, lúc nghệ thuật thứ bảy còn ở trong thời kỳ phối thai với những cuốn phim không âm thanh (phim câm). Thoạt tiên, là một họa sĩ có chân tài, ông vào làm cho hãng Paramount với tính cách một người viết phụ đề.

Ông chịu khó đọc tất cả những tác phẩm đã được quay thành phim để lãnh hội và thông suốt tất cả những ý tưởng và hành động của nhân vật để viết lời phụ đề cho thật chính xác.

Ban giám đốc hãng Paramount nhìn nhận thấy đa số khán giả ưa thích lời phụ đề của Alfred, bèn làm giấy giao kèo mượn ông làm người viết chương trình quảng cáo cho hãng.

Và cũng từ đây, Hitchcock chính thức sống trong làng điện ảnh.

Nhưng tại sao Alfred Hitchcock lại chỉ thích làm khán giả nín thở dựng tóc gáy, toát mồ hôi lạnh vì những sản phẩm của ông ta?

Chính tại vì, ông ta đã hơn một lần, trong thuở thiếu thời đã bị cảm giác kinh hoàng đè nén con tim đến nghẹt thở.

Nguyên, hồi lên sáu tuổi, một bữa cha Alfred bảo ông mang một bức thư đến cho một người bạn làm quận trưởng cảnh sát. Ông cầm mi này, sau khi đọc thư, sai ngay lính nhốt cậu bé Alfred vào trong xà - lim, và nói: «Ba cháu bảo bác chỉ cho cháu xem cái nơi bác dùng để giam những cậu bé lêu lổng và không biết vâng lời cha mẹ». Chừng năm phút sau, ông cầm mi mới thả Alfred ra. Hitchcock với ba chân bốn cẳng chạy về nhà, nét mặt xanh xám mãi tới hai tiếng đồng hồ sau, và sự run sợ phải tới 24 giờ mới bớt.

Cho đến ngày nay, dù đã lên tới nấc chót của bậc thang danh vọng, Alfred Hitchcock vẫn còn run sợ mỗi khi thấy bóng dáng của một người cảnh binh vận sắc

phục.

Chính, bởi ảnh hưởng cái năm phút đồng hồ bị nhốt trong xà-lim kia, mà «ông vua để ra loại phim kinh dị» chỉ thích khán giả bụm mặt, nín thở, nhiều kẻ đến ngất xỉu, vì những sản phẩm «toát mồ hôi lạnh» của mình.

Có người hỏi Hitchcock: «Có phải đó là phương tiện độc đáo mà ông chủ ý dùng để trả thù xã hội không?», thì ông vui cười niềm nở đáp:

— Mục đích của tôi, làm cho một cá nhân gan dạ nhất (trong phim ảnh) cũng phải vắt giò lên cổ để chạy trốn một chiếc xe hơi đang lút ga đuổi theo sau, hoặc làm cho một nhân vật phải cố bấu víu lấy một sườn núi cheo leo hiểm hóc để giành sự sống vì... Nếu không có những giờ phút lo âu sợ hãi xen lẫn vào cuộc đời thì kiếp người nào có gì đáng thích thú, nào có gì đáng ham sống, khi mà con người không cảm biết sức hấp dẫn của luật tranh đấu để sống còn...



★ DANH NGÔN

Tôi mới tìm ra cái gì đã làm con người khác hẳn con vật. Đó là những chuyện bực bội về tiền bạc.

(Jules Renard)

mặc Ngọc hoặc đi sau cố gắng theo nhanh, hoặc đi trước chịu khó dừng chân đợi. Dọc đường Kim rùng mình khi bắt gặp những cái nhìn theo đuôi. Thỉnh thoảng mấy người ngoại kiều say rượu trần tráo nhìn theo các cô gái qua đường cười nhăm nhở.

Ngoại cảnh làm Kim thấy mình bơ vơ đến có thể òa lên khóc. Tự nhiên Kim dừng lại bước song đôi với Ngọc. Những ý hờn giận ban sáng chợt biến đi. Nhọc như đọc được sự ưu tư ở mắt nàng:

— Khiếp! Thấy mấy thằng ở phố nhìn em mà phát ghét.

Kim cúi đầu đến những chiếc lá rơi:

— Em cũng thấy như anh. Sao cái nhìn của họ có cái gì không trong sạch phải không anh? Cái nhìn của họ không làm cho người được nhìn sung sướng mà thấy như bị hoen ố và nghe ghê tởm họ thôi.

— Còn mấy thằng ngoại kiều...

Kim đưa tay trừu mền gỡ chiếc lá bay vương trên áo Ngọc:

— Ngoại kiều nhìn thì khỏi phê bình, bản đã lâu rồi...

Không khí ngột ngạt đã trở lại

với hai người. Ngọc tự nhiên buột miệng:

— Vì vậy anh không muốn em đi làm. Chen lộn với đời em sẽ còn thấy kinh tởm đến đâu.

Mãi đến lúc này Kim mới chịu nhìn nhận là Ngọc thành thật khi không thích Kim đi làm. Giá như những hôm trước. Nghe Ngọc nói Kim đã im lặng nghĩ: «Chắc Ngọc thích được chế ngự mình!»

— Kim ơi!

Tiếng gọi của Ngọc nhỏ, âu yếm, và nhẹ như hơi thở làm Kim sợ hãi. Kim sợ rằng trong những phút giây thân mật chỉ có mình Kim với Ngọc, Ngọc sẽ gọi chuyện đã qua để lại xin lỗi Kim thêm. Với Kim dĩ vãng đã qua xin cứ để yên.

— Kim này! Nếu ra phố bị nhìn như thế, Kim có biết phải đối xử thế nào không?

Kim e dè lắc đầu.

Ngọc mỉm cười khép kín tà áo Kim bay trong gió:

— Thì Kim cứ thản nhiên mà bước, và làm ra vẻ ngây thơ vô tội, tự nhiên các anh chàng đâm ra ngưỡng với chính mình.

Bấy giờ Kim mới mỉm cười :

— Em cũng đã nghĩ như anh nhưng em không muốn mình làm người chép sử.

Sự thật thì Kim không dám nói. Nàng lo sợ sự thông minh tốt độ sẽ làm giảm mất hạnh phúc tình yêu. Với tình yêu Kim có hai tội đã vô ý vướng nhăm, một — là sự giàu tưởng tượng, còn sự thông minh Kim đã gìn giữ kịp.

— Và khi bắt gặp những cái nhìn ngưỡng mộ thành thật thì Kim sẽ đối xử ra sao ?

— Anh chỉ cho em thử ?

— Thôi, anh biết Kim làm bộ. Bây giờ anh có điều cuối cùng muốn nói với em.

Tự nhiên Kim biết là không thể tránh, nàng đành im lặng nhận chịu.

— Điều đầu tiên anh muốn hỏi là Kim có còn yêu anh như xưa không ?

— Yêu như xưa ? Thì bây giờ em đã thuộc về anh, em không yêu anh còn biết yêu ai nữa ?! Số mệnh đã ghép em lại với anh. Với em ; anh là chồng ; và với anh : em là vợ. Em phải yêu anh như Thượng đế đã an bày với tất cả mọi người. Em xin trả lời

là em vẫn yêu anh như những người vợ yêu chồng từ ngàn xưa và cho đến ngàn sau !

— Khổ cho anh, em vẫn còn hờn giận anh đến thế hay sao ?

— Hình như anh còn điều gì đáng nói với em hơn !

— Vâng. Nhưng câu chuyện thứ hai lại liên quan đến câu thứ nhất. Dù em đã trả lời như thế anh cũng xin em lần cuối. Là từ nay mong em đừng kể cho Văn nghe chuyện về Lài, vì Văn đang yêu, dù lời nói của em không ác ý cũng vẫn làm Văn đau đớn.

Câu Ngọc nói làm Kim sững sốt đến lặng người. Kim cắn chặt môi sẽ thử dài :

— Nếu vậy em là người có tội biết làm sao bôi xóa. Nếu em biết Văn yêu Lài thì đời nào em lại kể. Em chỉ kể như một người bạn kể cho một người bạn để vui bớt bức tức. Nhưng có lẽ tại em diễn tả vụng về khiến Văn có thể hiểu lầm em muốn mật sát Lài. Lẽ ra em phải nói với anh nhưng em sợ sự ân hận làm anh bị vô xé, làm anh khổ sở thì em sẽ còn thấy bị vô xé, bị khổ sở đến đâu !...

— Tại tính em thế chứ đâu phải tại ai đâu.

— Anh đã xin lỗi Kim rồi. Đành là lỗi tại anh gây ra nhưng sao Kim không chịu nghĩ rằng nhiều khi chính người đàn bà làm ra trước. Nếu trên đời này chỉ toàn những người như Kim : khả ái và cao quý thì anh đã không lầm lỗi. Nhưng lỗi to nhất của anh là trong một phút không gìn giữ đã kể hết cho Kim.

Kim thở dài, những lời của Ngọc làm Kim thoáng rùng mình.

— Cảm ơn anh đã dành cho em những ý nghĩ tốt đẹp nhất, nhưng ngay buổi sáng nay em đã đánh mất sự khả ái và cao quý ấy rồi...

«Hình dáng Văn, bạn Ngọc bỗng hiện ra trước mắt. Chính Kim cũng không hiểu tại sao mỗi khi thấy Văn thì một sự bức bối không đâu bắt Kim lại nghĩ về Người-con-gái-xa-lạ ấy. Có lẽ vì tại Văn vẫn thường đùa :

— Của tôi và anh Ngọc chia nhau đấy.

Lập tức Kim nói ngay không cho Văn kịp nói gì thêm ; điều trái với bản tính của Kim :

— Tôi biết đã lâu rồi. Từ khi

hai người mới đưa nhau đi sở thú lần đầu. Tôi còn biết chàng và nàng chụp ảnh bằng máy ảnh hiệu gì. Nhất là một tấm ảnh chàng đứng thẳng người cười, còn nàng nép một bên vai nũng nịu kia. Tôi sẽ đề dành đến ngày cưới của nàng để làm quà tặng tân lang.

Văn như ngồi chồm lên một chút :

— Có thật không, chị không nên « đặt » chuyện. Giữa tôi và anh Ngọc không dấu nhau điều gì cả.

Tiếng « đặt » của Văn làm Kim thấy như bị xúc phạm, nhưng câu sau cùng của anh đã làm Kim kịp nghĩ : « Có lẽ Văn không ngờ là Ngọc lại kể hết với mình. »

Những lời của Thuận nói hôm nào như còn văng lại bên Kim :

— Em còn nhớ rõ cô nàng đen đen đấy chị, hôm anh Ngọc hẹn đến căn nhà thuê riêng cho tụi em, anh có giới thiệu, cô nàng có mời cả em đi chụp ảnh nhưng em không thích.

Kồi Thuận còn kể rõ :

— Cô nàng mặc robe, tốt

buông dài.

Thì rất đúng với tấm ảnh Ngọc dẫu thật kỹ vào quyền sách mà vô tình Kim tìm thấy. Kim xem việc Ngọc đi chơi với bạn gái là một điều thường. Nhưng Kim chỉ ghét có mỗi chuyện sao Ngọc không đưa thằng Lài về nhà giới thiệu với Kim rồi xin phép đưa Lài đi chơi để phải hẹn hò bắt chẵn.

— Tại anh không biết việc anh Ngọc hẹn với cô ta đến căn phố thuê riêng cho mấy người em ở, tại anh chưa rõ việc anh Ngọc còn đưa cô ta đến.

— Giữa đàn bà với nhau chị nên thương hại họ. Chị... nên đặt vấn đề là lỗi có phải tại người đàn ông không. Hay nếu không có những hạng đàn bà như thế thì làm gì người đàn ông làm lỗi (?).

Kim xua tay :

— Cám ơn anh, tôi không thích anh gọi chung như thế. Tôi không ghét họ đâu chỉ hơi ghê ghê một chút vì tôi nghĩ rằng giữa người con gái vì tiền...

— Vì tiền thì...

— Khoan, tôi chưa nói rõ. Giữa người con gái vì tiền và người con gái vì chút hư danh cũng chẳng khác gì nhau.

Cho nên dù hiển dăng họ cũng không kè gì mất mát.

Đến đây thì Văn uống vội ly rượu ngọt đứng lên xin phép ra về. Lúc ra đến cửa Kim còn nghe thoáng Văn lầm bầm một câu ngoại ngữ...

— Kim nghĩ gì mà cười một mình vậy ?

— Cám ơn anh đã đề ý đến từng hành động của em, em đang nghĩ đến chuyện sáng mai này.

Mắt Ngọc buồn buồn trông chàng thật tội nghiệp. Nhưng Kim cảm thấy như có điều gì kém tinh khiết ở chàng làm Kim không thể thân hơn được.

Kim cố tưởng tượng đến những kỷ niệm thật cảm động giữa hai người, để có thể bị sự xúc động làm Kim cảm thấy yêu Ngọc lại như xưa. Nhưng sự tưởng tượng chỉ làm trí óc Kim thêm mệt mỏi. Nặng nề lắc đầu ứa nước mắt để mặc cho những ý nghĩ kỳ lạ kia theo đuổi.

Con đường từ Bưu - điện về nhà chiều nay sao bỗng nhộn nhịp lạ thường. Kim chọn lối đi vắng nhất bước một mình, để

cuối ngày

* TRẦN-MINH-PHÚ

Ngồi đây không biết ngóng trông ai
Phố nhỏ âm-u trời cuối ngày
Tiếng hát lên non còn vọng đó
Xa vời trông loáng-thoáng mưa bay

Ái quay chiều gió rừng cây nghiêng
Nước thấm không gian lạnh mấy miền
Trở bước lòng xao giờ bẽn lẽn
Nửa hoài đô-tại, nửa cao-nguyên

Từ mang thân thể vào lao-lý
Vinh nhục cảm như một ván bài
Sống chết cho người danh-nghĩa hảo
Đêm nằm không dám nhắc tương-lai

Và tình yêu đó cũng mây giăng
Chút nghĩa còn đây mấy võ-vàng
Gọi nét cười ai xa biên-biệt
Ngửa bàn tay đón giọt mưa băng

Rồi một mai đời cứ đời thay
Tôi làm sao níu được chim bay
Nửa đời thôi có làm chi đó
Ngày một ngày hai ngày tiếp ngày

Từng phen bèo-bọt thân trai mất
Sương muối chum lên mộng-trước giờ
Biết gọi tên ai mà tưởng nhớ
Gọi tên mình, thương mình cho-ơ

Gió rú nhau về nơi đây khóc
Còn chi thành phố nhỏ bơ-thờ
Đâu linh hồn nào về heo-mù
Nào lạ đường quen lại... mưa...





khi
người yêu
trở lại

★ HOÀNG-THĂNG

Rồi một sáng trời Xuân về rực rỡ,
Nắng hanh vàng dịu dịu dưới vòm cây,
Bướm lượn tung tăng trên thảm cỏ đầy,
Ông hút nhụy từng bông hồng nhúng thắm.
Trên húp lá xanh, lú lo say đắm,
Chim chóc chuyện càn, âu yếm đó đây.
Lơ lửng chuyện mình từng chiếc thuyền mây,
Đua theo gió, phiêu lưu phương trời lạ.
Tôi nhận cánh thư, lòng xôn xao quá,
Nhìn mực màu xanh vờn nét đàn bà,
Ôi nét chữ của muôn nghìn kỷ niệm,
Giận hờn nhau nên xa như trời biển,
Nay bỗng gần qua nét mực màu xanh.
Vẫn lời xưa ngọt xót tiếng Em, Anh,
Ôi quá khứ, ngày nào xưa trở lại
Êm mát như nhung lời người em gái :
« Xin đừng quên, con chim nhỏ của anh yêu,
Em vẫn thương, vẫn nhớ tới anh nhiều.
Em gửi tới tặng anh hình « con nhỏ ».
Đề anh nhìn và xin đừng quên « nó » !... »

★

Mây như ngừng trôi, gió bỗng soay chiều,
Cánh bướm ngừng bay, chim ngân giọng hát,
Trong tim tôi, máu bỗng sôi như đốt,
Em hối ! Tình Nương, nhưng nhớ thêm nhiều.

VÔ NGHĨA

Ngọc muốn nắm lấy tay Kim
đưa lên môi hôn nhẹ :

— Anh không ngờ có điểm
phúc được em yêu đến thế ! Anh
ân hận đã làm em khổ sở vì một
phút đùa không ý thức.

Kim vội đưa tay che miệng
Ngọc :

— Anh càng nói em lại càng
thấy em có lỗi với anh. Anh có
biết tại sao em lại nói với Văn
trước mặt anh và em có ý nghĩ
rời bỏ anh không ?

Ngọc hiền lành lắc đầu.

Kim e dè hỏi :

— Có bao giờ anh đối xử khá
ái tuyệt đối với một người nào
khác ngoài em ra không ?

— Đối xử khá ái tuyệt đối là
thế nào em ? Từ xưa đến nay
chưa bao giờ anh yêu chịu ai
như đã yêu chịu em. Tại họ tìm
đến với anh, trong khi em cuốn
hút tâm hồn anh ngay từ khi vừa
mới gặp.

Kim tần ngần dừng lại nhìn
Ngọc bằng cái nhìn buồn :

— Em hỏi điều này lẽ ra thì
không nên hỏi, nếu không bằng
lòng xin anh tha lỗi cho em ?

Ngọc khẽ gật :

— Em cứ hỏi, không bao giờ
anh nở giận em đâu ?

Kim ngần ngại :

— Có bao giờ anh đã có em
rồi, lại còn say mê theo đuổi một
người đàn bà khác mà họ dừng
dừng rồi khuyên bảo anh trở lại
không...

Ngọc nóng nảy ngắt lời :

— Bào say mê thì hơi quá
đáng, nên nói là đùa có lẽ đúng
hơn Kim ạ !

Kim như không để ý đến câu
Ngọc đáp, say mê nói tiếp câu
nói còn bỏ dở :

— Với em, sự bị thương hại
là một điều sỉ nhục. Một là em
thẳng. Hai là em đề anh được tự
do lựa chọn. Chứ không thể để
bị ai tội nghiệp khuyên nhủ anh
trở lại.

Ngọc tự này giờ vẫn im lặng,
chăm chú nghe Kim nói bỗng kêu
lên thảng thốt :

— Nếu thế thì xin lỗi Kim.
Anh bắt buộc phải dùng ngôn
ngữ thông thường, nếu thế thì
không phải Kim ghen vì yêu anh
đâu mà Kim tự ái đến dễ sợ.

Giá anh không nói chuyện về Văn thì... Thế Kim không yêu các con sao ?

Câu Ngọc hỏi làm Kim chợt nhớ đến điều ao ước của chị Hương.. Chị Hương đã từng kể với Kim cứ vào đêm 30 Tết mẹ thường hỏi mấy chị em vào đúng gao thừa :

— Sang năm mới các con có điều gì ao ước ?

Lập tức mấy chị em đồng nói :

— Chúng con chỉ muốn được gọi một tiếng «ba» đầy triu mến mà thôi.

Rồi mấy mẹ con ôm nhau rụng rụng nước mắt...

Ngọc nhìn Kim im lặng, băn khoăn :

— Sao Kim lại nghĩ ngợi gì sưa thế ?

Kim lắc đầu bối rối :

— Không, em đang nghĩ đến tiếng con tập nói lần đầu tiên.

● MẸ CON

— Con lại đánh lộn với thằng Lý nữa. Rồi đây má lại phải mua cho con bộ quần áo mới nữa, thấy chưa ?

— Má đừng lo! Con chắc là má thằng Lý rồi đây phải mua một thằng Lý mới lộn.

Buổi chiều tháng giêng bỗng dưng mưa. Từng làn gió buốt lạnh như còn mang thời tiết mùa đông thổi tạt về làm Kim thấy rét. Ngọc cởi áo ngoài mặc cho Kim âu yếm :

— Anh xin được suốt đời ở mãi bên em để thương yêu che chở. Từ nay em có hứa với anh là không còn ý nghĩ xa lìa trẻ con ấy nhé, nghe em. Luôn luôn em là người duy nhất mà anh yêu quý. Còn những người con gái kia chỉ là những cành hoa dại ưa phô bày hương sắc, và các anh như những cánh bướm thích bay lượn nhón nhơ, chỉ chịu cúi đầu khuất phục trước những đóa hoa e ấp nở trong khu vườn cấm.

Kim nhìn những sợi tơ mưa giăng mắc sung sướng nép vào bên Ngọc. Tự nhiên buổi chiều như tỏa đầy ánh sáng và hương thơm ngát...



(theo Phê Thông Xuân số 165)

● NGUYỄN-V

T I M đến nguyên nhân chính của sự xuất hiện « Trường Thơ Bạch Nga », Tuấn đã nhận thấy như mọi người một thông lệ chung ở thời kỳ văn chương bắt đầu phát triển mạnh nhất ở Việt-nam, là bầu hết văn chương « An-Nam » hồi đó chịu ảnh-hưởng của văn chương Pháp. Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong là tiên phong của phong trào mới đó. Mới từ tinh thần đến thể thức. Mới từ tư tưởng đến cách diễn-tả tư-tưởng. Tất cả những gì rườm rà, luộm-thuộm, cồng-kính, theo ảnh hưởng văn-chương Trung Hoa đều bị gạt bỏ dần dần, và được thay thế bằng lối viết rõ-rệt, có quy-củ, có văn phạm của

văn-chương Pháp. Điều đó không ai phủ nhận được.

Cũng như về hình-thức bề ngoài, người « An-Nam » của thế-hệ mới đã cắt bỏ mớ tóc dài và cái búi tóc cổ-truyền để thay vào đó một cái đầu mới « cắt carré » hoặc chải tóc rẽ « troi, quarts », và bỏ chiếc áo dài thay thế bằng bộ y-phục Tây-phương, văn chương và tư-tưởng của lớp người mới cũng bắt đầu từ bỏ mớ tóc dài lê thê và chiếc áo dài luộm-thuộm. Đó đã trở thành một thông lệ mới, dĩ nhiên, của thời đại mới. Những câu văn xuôi rườm rà cồng-kính của các cụ Nhà-Nho và những bài thơ nặng nề, đầy cồng-kính Tàu, niêm luật khắt-khe, đều bị đào thải dần dần theo luật

tiến triển tự-nhiên của tư-tưởng và văn-ngệ.

Trong lúc Thơ Mới Việt-Nam ra đời, thoát được khuôn-khò cũ, nhưng vẫn còn mò-mẫm trong các cuộc thí nghiệm của mỗi nhà-thơ, thì thơ Bạch-Nga xuất hiện với mục đích rõ rệt là tạo cho thơ mới một nguyên tắc cụ thể về hình thức: dùng cú-pháp của văn Tây qui-chế của thơ Tây và dung hòa với tinh thần dân tộc, để diễn-đạt ý-tưởng mới. Khác với André Chénier trong thơ Pháp đầu thế kỷ XIX, thơ Bạch Nga chủ chương:

« Sur des penses nouveaux,
faisons des vers nouveaux »

Bài « Gởi một thi-sĩ của Nước tôi », đăng trong một tuần báo văn-ngệ Hà-nội năm 1936, làm sáng tỏ chủ-trương cải cách ấy. Trương-Tử quen lối dùng chữ táo-bạo, đã gọi Bạch-ngà là « trường Thơ Cách-mạng », có nghĩa là cách-mạng-hóa thơ cổ-diễn Việt-nam.

Nói một cách cụ-thể hơn, đứng trước ba thể thơ cổ-diễn Việt-Nam ảnh-hưởng trực-tiếp và sâu-dậm của Thơ cổ-diễn Trung-quốc: Đường-luật (bất cú,

ngũ ngôn, tứ tuyệt), Song-thất-lục-bát, và Ca-trù, (không kể lục-bát được coi như là thuần-túy dân-tộc), Thơ-Mới ra đời từ 1932 chỉ mới là một thí-nghiệm sơ-khởi chưa có hình-thức xác-định rõ-ràng.

Công-chúng đã công-nhận Thơ Mới, nhưng muốn tìm hiểu luật Thơ-Mới như thế nào, thì các nhà thơ không trả lời được. Những người quen làm Thơ Đường, hoặc song-thất-lục-bát, lục-bát, muốn chuyển hướng qua « Thơ-Mới » không biết làm cách nào. Lớp bạn trẻ yêu Thơ, ái-ngại và chán-nản trước niêm-luật ràng buộc của thơ cổ-diễn, thích làm « Thơ-Mới », nhưng còn thắc-mắc, do-dự, vì không biết theo tiêu-chuẩn nào. Một độc-giả yêu thơ có viết thư hỏi Lưu-trọng-Lư: « Tôi muốn làm một bài Thơ Mới, nhưng không biết làm cách nào, theo luật nào, xin ông chỉ rõ giùm... », Lưu-trọng-Lư trả lời: « Cứ làm bữa đi, rồi thành ra thơ gì cũng được. Đừng giống như thơ cũ, bỏ niêm luật thơ cũ, tức là thơ mới ».

Một Thi-sĩ mới ra đời, ký bút hiệu Thao Thao, (không biết tên thật là gì), có xuất bản một tập

thơ, nhan đề là « Trên bờ suối », toàn là thơ 8 chữ, với một bài tựa quả quyết rằng Thơ Mới là thơ 8 chữ, và tương lai của Thi ca Việt-nam sẽ ở trong loại thơ 8 chữ. Thao Thao là một nhà thơ có tài, nhưng rất tiếc làng thơ Hà nội không ai để ý đến, và tập Thơ của Thao Thao bị chìm trong yên lặng và quên lãng.

« Trường thơ Bạch-ngà » xuất hiện năm 1934 trong « Tập thơ đầu » muốn « cách mạng » (1) Thơ cổ-diễn Việt-Nam bằng một chủ-trương Thơ Mới có quy luật rõ-ràng, nhưng rất khoáng-đạt, rộng rãi, chứ không gò bó chật hẹp.

Mộng-Sơn, một nữ thi sĩ 18 tuổi, là người đầu tiên hăng hái đón nhận thơ Bạch-ngà, và Trương-Tử, nhà phê bình văn học, là người khám - phá nguyên - tắc và quy-luật của Thơ Bạch-ngà. Một số nhà Thơ nhất là Phạm-huy-Thông, trong các Thi-tập xuất-bản trong thời kỳ đó, đã áp-dụng nguyên-tắc của thể-thức Bạch-ngà, và mấy năm kế tiếp, Xuân-Điệu, Chế-lan-Viên, Lưu-trọng-Lư cũng áp-dụng nguyên-tắc Bạch-ngà trong các thi-phẩm của họ. Nhưng Thế-Lữ, nhà thơ nổi danh đương thời của

báo *Phong-Hóa*, bắt đầu công-kích thơ Bạch-ngà kịch liệt, và khai mào một nguồn dư luận công kích thơ Bạch Nga.

Trương-Tử diễn thuyết về « Thơ Bạch-ngà » tại Hội-quán Khai-Trí-Tiến-Đức năm 1936, để trả lời Thế-Lữ và dư-luận của những người đả-kích.

Nhưng trên thực-tế, nguyên-tắc do Trường Thơ Bạch-ngà đề-xướng, vẫn được số đông Thi-sĩ áp-dụng như một sự kiện dĩ-nhiên, một biến-chuyển lịch-sử không tránh được. Thơ Bạch-ngà đã thành một phong-trào đương-nhiên, mặc dầu những kẻ làm theo các thể thơ Bạch-ngà không công-khai tuyên-bố, và những kẻ ngoan - cố tiếp - tục công-kích Bạch-ngà vẫn không nói được những lý - do vì sao công kích. Một lý do duy nhất mà họ thường nêu ra, là Thơ Bạch-ngà « táo bạo quá », « theo thơ Tây quá », nhưng trong tất cả các văn thơ Việt-nam của thế hệ 1932 — 1940, có văn thơ nào là không theo hình thức của thơ Tây phương? Và, « Thơ Tự do » bỏ vần, bỏ điệu, xuất hiện từ 1945, lại còn táo bạo và « theo

(1) Danh từ của Trương-Tử

TUẦN, CHÀNG TRAI

thơ Tây phương » gấp trăm nghìn lần thơ Bạch nga nữa.

Tuần theo dõi sát tình hình tiến triển của Văn Thơ Việt Nam từ 1932, có một điều thắc mắc mà chàng không hiểu được. Là chính những kẻ khởi xướng dư luận công kích thơ Bạch nga, vẫn không phủ nhận vai trò của Bạch nga trong lịch sử văn học Việt Nam của Cận kim thời đại, và vẫn công nhận những bài thơ hay nhất của trường thơ Bạch nga, loại 2 chữ, 7 chữ, và 8 chữ.

Nói tổng quát, Thi văn Việt Nam từ 1932 đến 1940 được phát triển mạnh mẽ và dưới một hình thức lãng mạn giống như thế kỷ XIX của Pháp ở nhiều phương diện. Các báo văn nghệ thường mở những mục dịch thơ Pháp, đặc biệt những bài thơ của các thi sĩ lãng mạn thế kỷ XIX. Bài *Le Lac* của Lamartine được các giới văn nghệ đua nhau dịch ra thành thơ lục bát, tứ tuyệt liên-ngâm, thơ mới, v.v... và đăng khắp các báo Hà Nội, Huế, Saigon.

Một vài thi-sĩ, như Xuân-Diệu, lấy nguyên cả những câu thơ lãng mạn Pháp, dịch ra Việt ngữ làm thành thơ của mình. Đoàn-Phú-Tứ dịch hẳn những bản kịch của

Jules Renard, Sacha Guitry, Courteline... thành những bản kịch hoàn toàn của ông, xuất-bản nhan đề « *Những bức thư tình* », không đề xuất-xứ, không nói phiên dịch của ai cả.

Nhà văn Roland Dorgelès, ở Paris sang du-lịch « An-Nam », có viết một tác-phẩm nhan đề « *Sur la route mandarine* » (trên đường cái quan). Các giới trí-thức Việt-nam thời bấy giờ đều có đọc quyển ấy, mà văn chương rất lãng mạn, bóng bẩy, hấp dẫn và cùng. Nơi trang đầu, tác giả ghi một câu vòn vẹn 5 chữ :

« *Partir, c'est mourir un peu* »
(Đi, là chết trong lòng một ít)

Nhà Thơ Xuân-Diệu chụp ngay câu đó, đổi chữ « Đi », ra chữ « Yêu », làm thành câu thơ của mình, không có một chút nhậy lấy dấu ngoặc góí-ghém ý-nghĩ đẹp kia trả về cho tác-giả của nó. (1).

(còn nữa)
N.V.

(1) Đáng lẽ, theo lương-tâm văn-nghệ, Xuân-Diệu phải chép câu thơ với dấu ngoặc như sau đây :

Yêu, « *là chết trong lòng một ít* » để chứng tỏ rằng « *c'est mourir un peu* » không phải là của ông.

HÒI CHUÔNG SÂM HỎI

● DA-THỦY
Nguyễn-văn-Kính

M ẮI đến hôm nay,
con mới nghĩ đến mẹ,
người đã mang tình
biên bao la cho cát nguồn dâng

PHỔ THÔNG — 167

nước mắt. Nát cả tuổi trẻ vàng
son trong vùng hoang dại. Cồn
hoang chữ thôi mùa mới. Gió lạnh
nhiều gói kiếp khổ đau. Tình yêu
cuồng nhiệt trong tuổi đời thác
loạn. Chứng tích tim đơn giờ
thôi lờ-lởi, con mới có dịp để
suy tư quay về phương từ-mẫu.

Kiếp lang du trẻ hân con tàu.
Trên đường về sa-mạc có gì là
kỷ-niệm trắng trong ?

Và nhịp cầu quá khứ : con
tìm lần về neo cũ đường đời.

Dấu xưa còn đó, những tượng
thần giả-tạo của con. Suốt giòng
đời tội lỗi, mang thể xác hoang
gây chấp cánh thiêu thân bay tìm
vùng lửa yêu đương, để hoài bão
tiêu tan trong sương gió. Con
đam mê trong nhiều đêm mơ mộng.
Nào hình ảnh của Mai, Tuyết,
Phấn, Lan, để được những gì
ngoài vết máu tim ! ! !

Mẹ ơi !

Lúc ấy con vẫn gọi tên chúng
trong tuyệt vọng đẩy lên, nguồn

HỒI CHUÔNG

thương cảm trào dâng gác lạnh. Nghe đau nhiều trong gió quạnh hiu. Chớ có bao giờ, Mẹ ơi! Chớ có bao giờ con thăm thì tiếng «Mẹ» của con! Dù chỉ một tiếng thăm thì thoáng qua hơi thở!

Cho đến hơn một chiều hoang vắng. Nẻo tâm linh lắng dần trong hồi chuông chiều mộ của đoàn tăng lữ chùa làng. Con lặng lẽ đến nghĩa trang mong tìm vết tích một hình ảnh thân yêu của đấng thân sanh. Trời ơi! Đâu bóng mẹ hiền thuở ấy của con? Ba thước đất đỏ, một lớp cỏ xanh sắp úa tàn, và chiếc mộ bia đều hiu phơ bày ly biệt!...

Chiều đông phủ xuống. Gió lạnh dấy lên. Từng cánh hoa bông giấy tím màu tả tơi rơi rụng cài lên mặt đất cô liêu, từng nắm mồ hoang lạnh.

Con biết trễ quá rồi. Mẹ ơi! Đã hơn 12 năm hình ảnh Mẹ đã chôn vào quên lãng.

Đau thương đồ dài mái tóc. Bất chợt, hai giong lệ nóng chảy dài xuống đôi má hóp khô gầy.

Con ôm đầu gục xuống chiếc mộ bia tẻ tái. Lệ mặn nức nở thấm vào sương gió.

Ký ức mẹ hiền bỗng hiện lên trong tiềm thức với đường nét đau thương trên giường bệnh. Phải! Bụi thời gian làm sao vùi lấp hình bóng mẹ cố dùng sức mọn hơi tàn van xin thần chết, lúc đó con nhìn mẹ bằng cặp mắt của loài dã thú rồi lạnh lùng khoác áo ra đi. Đêm ấy con say vui bên cạnh rượu ngon gái đẹp, và mẹ âm thầm từ bỏ trần gian mà con chỉ kịp nhìn người lần cuối.

Trời ơi! Sao gương mặt mẹ hiền từ đến thế! Con làm sao quên được cặp mắt thâm đen nhìn con triu mến trong tha thứ dịu dàng! Mẹ ơi! Sao mẹ không hồn giận đưa con bắt hiểu?

Trong niềm hối hận ngập tràn, con nức nở gào to: «Mẹ bắt diệt của con! Mẹ thiêng liêng của con!... cho tiếng lòng nghiêng nát không gian âm đạm.

Nhưng than ơi! Chia ly là một thế kỷ bất tận, vạn cổ sầu trong mùa đông buốt giá. Giờ con mới hiểu ý nghĩa lạnh lùng của sự ly biệt nghìn năm.

Con đứng dậm thất thểu ra về. Bóng tối phủ màu đen lạnh dài xuyên thiết lộ. Con tàu lặng lẽ rời ga nhỏ ra đi, hàng dài bánh

HỒI CHUÔNG

xe nghiêng xuống đường sắt và nghiêng nát tim con.

Trong bước đi đơn độc trên mặt đường trơn sỏi đá trường đình, con vẫn thấy mẹ cận kề bên con. Có đơn giẻ không còn nữa. Con đập đổ những tượng thần giả tạo để kính cần lồng bóng mẹ hiền ngự giữa tâm linh.

Mẹ ơi! Giờ con đã tìm thấy

nẻo đường rời xa địa ngục, dưới nụ cười âu yếm nghìn năm của Mẹ.

Con sẽ tìm được ánh sáng rực rỡ của ngày mai. Đêm huyền diệu sẽ không còn đau khổ. Con lặng lẽ chấp tay khẩn vái Mẹ trong hồi chuông sám hối ngân lên trong gió dịu mùa Xuân...



KHI THỂ CHIẾN THỨ III BÙNG NỔ

Một ký giả tới phỏng vấn một nhà bác học danh tiếng, xin cho biết ý kiến về những khi giới sẽ được hai phe Cộng-sản và Dân-chủ xử dụng một khi thể chiến III bùng nổ.

Nhà bác học nọ điềm nhiên trả lời:

— Quả thật tôi không biết nổi điều đó, nhưng tôi có thể dự đoán thì họ sẽ dùng đá ném nhau trong trận thể chiến III

* DANH NGÔN

Muốn lấy vợ ta hãy lấy mấy cô xấu xí, vô duyên. Vì họ mới biết yêu. Người đẹp chỉ yêu ta khi được ta yêu thôi.
(Académie de l'Humour)



thành phố

Nằm im với phố thị này
Bàn tay quờ quạng bầu tương lại buồn

Nghe ru giấc ngủ thiên đàng
Tỉnh chưa cỗi mộng trăng giang phố dài ?

Đỉnh cao chót vót năm nào
Vui vầy trắng với trời sao sáng ngời
Tỉnh chưa em ngủ giấc dài ?
Thân sa cát bụi hình hài tro xương
Thôi về xuân đến phố phường
Cành thu trái rụng, sa trường bóng đêm

đến

Lắng nghe nhạc ngựa gần xa
Thành xưa đổ bóng giang hà chảy xuôi
Bước chân dấu rỏ muôn đời
Về đây vui với cảnh người năm xưa

Nguyễn-Vương

NHÀ CÁCH MẠNG
BỊ GIAM KÍN TRONG

TÒA ĐẠI-SỨ

(tiếp theo P.T. Luận 165)

● TÂN-PHONG

S UỐT đêm Tôn-Văn không ngủ được. Chàng sinh-viên cách-mạng Tàu bị giam kín trong phòng tòa Đại sứ Trung-Hoa ở Luân-Đôn chỉ nghĩ cách thoát ly ra khỏi ngục thất này. Nếu cần, chàng sẽ mua chuộc mấy người lính gác.

Sáng hôm ấy, người đầu tiên đến thăm chàng trong ngục, chính là một trong đám ba người đã bắt cóc chàng sáng hôm qua ngoài đường phố. Hắn tự xưng tên là Tang, và nói là làm thư ký văn phòng Đại-sứ. Hắn bảo :

— Ngộ đến nói chuyện với nị với tư cách là bạn. Tại sao nị không nhận thật rằng nị là Tôn-Văn ? Nị có chối cũng chẳng ích gì kia mà ! Dù sao, sớm hay muộn nị cũng sẽ được đưa về Trung-Quốc, nơi quê hương ai mà không biết tên biết mặt nị !

Chàng sinh-viên trả lời :

— Chừng nào về xứ sẽ hay, nhưng hiện giờ tôi vẫn đang ở trên đất Anh-quốc, nghĩa là ở một nước tự do. Cố nhiên các ông có thể thủ tiêu tôi ngay trong tòa Đại-sứ này, nhưng các ông

phải biết rằng các ông không thể ếm-nghem được một vụ giết người phi-pháp như thế. Trước sau rồi dư luận Anh-quốc cũng sẽ biết.

— À, nị ngây thơ quá ! Ngộ đã bảo cho nị biết rằng nay mai người ta sẽ đưa nị về Trung Quốc mà !

— Đưa tôi về Trung quốc với lý do gì ? Bị ghép vào « tội ác chính trị », tôi có quyền được hưởng sự che chở tị nạn của luật pháp nước Anh chứ !

Một nụ cười khinh-bĩ, mĩa mai, lộ trên miệng tên thư ký toà Đại sứ:

— Bộ nị tưởng rằng chúng tôi sẽ để cho nị xin tị nạn ở nước Anh ? Chúng tôi sẽ chích thuốc mê cho nị à, rồi chúng tôi sẽ chở nị đến Hải cảng Southampton, nơi đây sẽ có sẵn chiếc tàu buôn để chở nị đi à. Nhưng trước khi tàu về đến Hồng-kông, sẽ có một tuần-dương-hạm của Chính-phủ Trung Quốc chặn chiếc tàu kia ngoài biển để bắt nị, và đưa nị về Quảng đông. Nơi đây người ta sẽ xử án nị và sẽ chặt đầu nị à.

Chàng sinh viên Tôn Văn điềm nhiên trả lời:

— Chương trình hành động của các ông coi bộ hiền lành lắm

đấy nhé ! Ai bảo rằng tôi sẽ không tìm cách báo tin cho Cảnh sát nước Anh biết trước để họ chặn đứng hành vi dã man của các ông ?

Tên thư ký Tang của Tòa Đại sứ cười xòa. Hắn bảo cho Tôn Văn biết rằng chàng bị canh gác cẩn mật lắm, và chàng không có cách nào liên lạc được với bất cứ ai ở ngoài.

— Trên chiếc tàu chở tôi về Trung Quốc, bộ tôi không liên lạc được với thủy thủ sao ? Bộ không một người thủy thủ nào trông thấy tôi bị bắt giam phi pháp ở trên tàu ấy sao ?

— Ha ! Ha ! Chúng tôi đã sắp đặt kỹ lưỡng lắm à. Chủ chiếc tàu buôn đó là một người bạn thân của ông Halliday, cố vấn Tòa Đại sứ. Người ta chỉ lo buôn bán, bảo vệ quyền lợi của họ, ai hơi đâu xía vào việc chính trị của chúng tôi. Ha ! ha ! Tôn Văn ơi, sao chú mày làm cách mạng mà còn ngây thơ quá vậy a ? ?

Thật ra Tôn Văn đâu phải ngây thơ như hắn tưởng. Chàng nói chuyện như thế chính là để tìm hiểu số phận của chàng. Tên thư ký Tòa Đại sứ Trung-Hoa mới là ngây thơ, cho nên hắn mới vô

tình tiết lộ hết cho Tôn Văn biết chương trình hành động của Tòa Đại sứ đối với chàng sinh viên cách mạng.

Nhưng biết chương trình hành động của kẻ thù là một việc, còn tìm cách liên lạc với bên ngoài lại là một việc khác. Tôn Văn mua chuộc bọn lính gác không xong, bèn viết lời kêu cứu trên những mảnh giấy đề vớt ra song cửa sổ phía sau, nhưng không được kết quả. Gió thổi những mảnh giấy ấy rơi trên các mái nhà và các ống xối. Chàng viết trên mảnh giấy khác, quấn trong một cái đinh, đề vút xuống đường phố. Chàng làm ba lần như thế, lần thứ nhất giấy rớt trong đồng rác ở góc vườn hàng xóm, lần thứ nhì trên nóc một nhà khác, lần thứ ba đúng xuống đường nhưng lại ngay trước cổng sau của tòa Đại sứ, bị người gác cổng lượm được. Hôm sau mấy người làm công trong tòa Đại sứ đem ván lên đóng bít cửa sổ. Thế là bây giờ phòng giam của Tôn Văn trở nên tối mù tối mịt.

Tôn Văn là người theo đạo Thiên-Chúa. Ở trong phòng tối chàng không làm gì khác hơn là lầm bầm cầu nguyện Chúa,

cầu nguyện đức Mẹ Maria cứu chàng thoát khỏi ngục thất này. Bỗng chàng nảy ra một ý-nghĩ : chàng hãy thử nói chuyện với người công-nhân Anh, người này tên là Edward Cole, làm công cho tòa Đại-sứ Trung-Hoa, phụ-trách đem cơm nước cho chàng ngày hai buổi, và mỗi sáng đến quét dọn phòng giam của chàng. Cole làm công việc như một cái máy, không hề mở miệng nói với chàng một câu, không hỏi chàng một câu, và làm như không để ý đến sự có mặt của chàng trong phòng giam.

Một buổi sáng, chàng sinh-viên Trung-Hoa đánh liều hỏi Edward Cole:

— Thưa ông, ông có thể giúp tôi được không ?

Lần đầu tiên, người đầy tớ Anh được gọi bằng « ông », rất lấy làm ngạc nhiên. Vì, bấy giờ là năm 1896, cuối thế kỷ XIX, ở Anh-quốc không có ai gọi kẻ đầy tớ bằng « ông ». Vì tiếng xưng hô bất thường đó, người đầy tớ Anh đứng nhón chân-trần chàng thanh niên Trung-Hoa, rồi khẽ hỏi:

— Ông là ai ? Và ông muốn gì ?

Tôn Văn vội vàng đáp:

— Tôi là một kẻ tị nạn chính trị. Tôi đến nước Anh để xin

chính phủ Anh quốc che chở cho tôi. Tôi cũng là người có đạo Thiên Chúa như ông. Chính tại vì bị theo đạo Thiên Chúa nên hoàng đế Trung Quốc thù ghét tôi và muốn giết tôi. Tôi là người sáng lập ra một đảng chính trị mà mục đích là lật đổ triều đình Trung quốc hiện tại, để lập ra một quốc gia tự do như nước Anh. Tôi bị chính phủ Trung quốc truy nã, cho nên tôi trốn sang Luân-đôn để sống tự do. Tôi mới đến nước Anh mấy hôm nay, không hoạt động gì cả không làm hại ai cả. Tôi bị những gián điệp của Tòa Đại sứ này lập mưu bắt cóc tôi, và giam tôi trong phòng kín này từ mấy hôm nay. Ông là người Anh, công dân một nước tự do. Ông phải cứu tôi...

Người đầy tớ Anh Edward Cole vừa quét phòng vừa khẽ trả lời:

— Ông là người ngoại-quốc. Tôi không muốn biết gì về việc chính trị của người ngoại quốc. Tôi chỉ là kẻ đầy tớ, làm công cho Tòa đại sứ Trung-Hoa; tôi chẳng biết gì hơn.

Chàng sinh viên Tôn-Văn tha thiết khẩn cầu:

— Đây không còn là vấn đề

chính trị, mà là vấn đề nhân đạo. Thu ông, đây là vấn đề một sống một chết. Người ta sẽ dùng những thủ đoạn dã man để thủ tiêu tôi, nếu ông không cứu tôi. Ông cứu tôi bằng cách đến tố cáo với cảnh sát Anh sự tôi bị bắt giam phi pháp trong tòa Đại sứ này. Tôi tin chắc rằng ông không nỡ để tôi bị quân dã man tàn bạo thủ tiêu.

Edward Cole trả lời:

— Tôi là kẻ làm công trung thành với chủ. Tôi không muốn can thiệp vào việc làm của chủ tôi.

Tôn-Văn mỉm cười:

— Bồn phận một người có đạo Thiên Chúa như ông không quan trọng hơn lòng trung thành của ông đối với chủ ông hay sao?

Edward Cole vừa làm xong công việc dọn dẹp, liền đi ra, không trả lời. Y khóa chặt cửa phòng như mọi khi.

Đêm ấy, Tôn-Văn không ngủ được. Chàng suy nghĩ mãi: Những lời cầu khẩn thiết tha của chàng có làm động lòng người đầy tớ Anh không? Có thuyết phục được hắn không? Hay là hắn lại đi mép hết cho chủ hắn là Đại sứ Trung quốc nghe?

Trưa hôm sau, Edward Cole bưng mâm cơm vào đặt trên bàn của tù nhân như thường lệ. Nét mặt hắn phớt tỉnh như mọi lần. Tối, hắn đem vào một thùng than để lò sưởi, và cũng ngậm cầm như hén. Nhưng hắn đưa ngón tay chỉ thùng than, rồi đi ra, khóa chặt cửa phòng.

Từ nhân moi thùng than ra xem. Tận dưới đáy thùng chàng thấy một miếng giấy. Chàng lấy ra đọc:

« Tôi không muốn dính líu với Cảnh sát, Edward Cole viết. Nhưng tôi sẵn sàng mang giùm một bức thư của ông đến một người bạn của ông. Ông đừng ngồi bàn viết thư vì lính gác hay dòm vào lỗ khóa để rình xem ông làm gì. Ông nằm trên giường viết thì không ai trông thấy ».

Tôn-Văn nằm xuống giường, quay mặt vào tường viết thư. Với một khúc bút chì ông còn giữ được trong túi áo, và một tấm danh thiếp, ông viết chữ nhỏ li ti như sau đây:

« Kính gửi bác sĩ James Cantle, 46 Devonshire Street, London. Xin ông coi chừng giùm về số phận của anh cầm giấy này. Anh ấy nghèo lắm và có thể mất việc làm vì sự giúp đỡ tôi. Tôi bị bắt cóc

sáng chủ nhật. Hiện tôi bị giam trong phòng kín ở Tòa Đại sứ Trung quốc. Người ta sẽ lên đưa tôi xuống một chiếc tàu buôn, chở tôi về xứ để xử tử tôi. Tôi van xin ông cứu tôi ngay ».

Thông-diệp không được trao đến Bác-sĩ Cantle đúng nguyên văn như trên. Edward Cole là người rất thận trọng. Anh đợi chiều thứ bảy được nghỉ, về nhà viết lại bức thư khác, rồi bảo một kẻ thân tín đem đến Bác-sĩ James Cantle. Thư như sau đây:

« 17 tháng October, 1896.

Thưa ông,

Một người bạn thân của ông hiện bị giam trong tòa Đại-sứ Trung-Hoa từ chủ-nhật trước. Người ấy sẽ bị đưa lên về Trung-Hoa để xử tử. Số phận anh ta rất đáng thương nếu không cứu anh, anh sẽ bị đưa đi qua Tàu và mất tích. Tôi không dám ký thư này. Nhưng đây là sự thật. Ông nên tin lời tôi. Ông nên vận-dộng ngay từ bây giờ để cứu anh ta, nếu không, sẽ trễ. Tên người ấy là Tôn-Trung-Son. » (1)

(còn nữa)

(1) Tsoung Yen Sen, Tôn-Trung-Son, là biệt-hiệu của Tôn-Văn.

ĐƯA NGƯỜI

● TỐNG-MINH-PHỤNG

Tôi đưa người qua sông
Chữ nghe buốt trong lòng
Công viên nào mở ngõ
Công viên nào bi thương
Đàn chim én bay về xây tổ
Bàn tay nào chuyển hơi ấm bàn tay
Nẻo đường nào đi đến tương lai
Bây giờ, bây giờ là quá khứ
Tôi lặng nhìn kỷ-niệm chưa phai
Sóng triều dâng tôi còn đứng lại
Trông một lần và mãi mãi xa nhau
Ngày xưa em thường bảo
Trọn cuộc đời yêu tôi
Chúng mình ghi siết chặt
Trao nhau nụ hôn môi
Bây giờ tôi đưa người sang sông
Rừng rưng nước mắt lạnh linh hồn
Trả em tất cả nguồn hy vọng
Trả cả đời tôi em biết không?
Tôi van Thượng-đế
Hãy cho tôi giấc ngủ yên
Đừng bao giờ dậy cả
Đừng bao giờ nuôi tiếc chuỗi ngày thơ.

cay cực

● MẠC-TUÔNG

tặng Maria của
Le Malentendu

Nhân gian đã bỏ đi rồi
còn đây ngàn ấy nỗi đời khát khe
linh hồn nửa mảnh thất se
vòng oan nghiệt dựng bốn bề biệt phân
thời gian không đủ minh trần
thành tan hoang đổ xuống giòng trôi luôn
tìm già bỗng nhịp đau thương
lòng sông góm ghiết con đường mẹ theo
ngõ xưa triều sóng ghen ngào
chợt nhìn tội lỗi ngược chào kiêu căng
bề dẫu xô đẩy cơ trần
quỳ xin thương để một lần thương con.



buồn chiều

★ TUYẾT ĐÀO

(Qui-Nhon)

Chiều lên mỗi một dáng đầy
Hồn còn muốn ngủ buồn lây thời gian
Tình đầu như nắng dần tan
Khép đời tăm tối vào trang học trò.



Mình ơi

thuốc
phiện

là gì?

sao người ta
ghiền nó

?



• ★ DIỆU HUYỀN

3 giờ sáng, Bà Tú còn nghe bên nhà ông hàng-xóm có tiếng ro-ro... kéo đều-đều rồi im lặng. 10 phút sau lại vẫn tiếng ro-ro... ấy. Cứ như thế, cách khoảng 5 hay 10 phút, tiếng ro-ro... liên tục mãi cho đến sáng.

— Tiếng gì thế, bà Minh? Bà Tú khẽ hỏi ông Tú.

Ông Tú còn thức, ngồi làm thơ nơi bàn:

— Em chưa ngủ à?

— Em cứ nghe văng vẳng tiếng đó từ chập tối đến giờ, em sợ quá, ngủ không được. Phải tiếng ma, không Minh?

Chỉ có Bà Tú chưa bao giờ thấy người ta hút thuốc phiện, mới hỏi như thế. Và tính hay sợ ma, hễ nghe tiếng gì lạ lạ, là cứ tưởng tiếng ma.

Ông Tú tủm-tủm cười:

— Tiếng hát của nàng Tiên Nâu đấy. Bên nhà hàng xóm, có một à tên là Phù-Dung tiên nữ, đẹp kinh khủng em không biết sao?

— Em đâu có để ý đến chuyện hàng xóm. Tụi mình mới dọn về ở đây chưa đầy nửa tháng, em có ngó qua nhà họ bao giờ đâu. Sao Minh biết nhà người ta có con gái đẹp như Tiên?

Ông Tú cười xòa, bỏ bút xuống, chạy đến giường ôm bà Tú:

— Em tui ngây thơ quá! Anh đâu có nói nhà hàng xóm có cô con gái đẹp! Anh nói bên đó có Phù Dung Tiên Nữ...

— Phù Dung tiên nữ là ai?

— Người ta cũng gọi là Nàng Tiên Nâu.

— Nàng Tiên Nâu là ai? Sao Minh biết bên đó có nàng tiên mặc áo màu nâu? Minh cứ nói thật cho em nghe đi, Minh đừng có bí mật với em chứ.

— Bên hàng xóm, người ta giữ bí mật thì có, chứ việc gì anh phải bí mật! Chứ em không biết các sách báo thường gọi Thuốc-phiện là Phù-Dung Tiên-Nữ, hay là Nàng Tiên Nâu hay sao?

— Em có đọc, nhưng em đâu có để ý. Sao gọi là Nàng Tiên Nâu?

— Đó là dịch theo tiếng Pháp, « la Fée Brune », vì thuốc phiện có màu nâu. Còn Phù-Dung là theo chữ Tàu gọi cây thuốc phiện là phù-dung. (Le pavot). cái nhựa của nó gọi là Nha-phiện (Opium).

— Sao gọi cây Phù dung là nàng Tiên?

— Vì những người ghiền thuốc phiện quả quyết rằng hút thuốc phiện vào thì tâm thần khoan-khoái, thể xác nhẹ nhàng, giống như các vị « tiên ông » vậy. Hút thuốc phiện, họ thấy dễ mê như « đi mây về gió », và căn phòng vắng-vẽ, ánh sáng mờ mờ, mà họ nằm bên cạnh bàn đèn là một « động tiên » nơi đây đêm ngày quên hết sự đời, họ chỉ biết hú hí say sưa với Phù-Dung Tiên nữ.

— Mà có thật như vậy sao Minh ?! Mấy người ghiền thuốc phiện đều thành Tiên hết sao ?

— Trong đời anh chỉ có một lần anh hút thuốc phiện, đó là lần Lưu-Tong-Lư ép anh « hút thử một điếu cho biết mùi ». Vừa kéo xong một hơi, anh nằm lăn ra vón như muốn xỉu luôn, rồi vài ba phút sau anh nôn ra hết những gì đã ăn vào bụng. « Đi mây về gió » đầu anh không thấy, chỉ thấy mồ hôi chảy ướt đầm cả mình mẩy, đôi mắt này đom-đóm, đầu óc quay cuồng, và người ta phải đổ nước đường cho anh uống. Mai gần một giờ sau anh mới tỉnh dậy, và từ đó anh sợ luôn thuốc phiện cho tới bây giờ !

— Thế sao người ta lại ghiền nó ? Nó có gì quyến rũ mà một

số rất đông người say-mê nó dù vậy, đến đổi hết tiền hết của, bỏ bê vợ con, hao mòn sức khỏe, mất thân, vai gù, mặt mày tiêu tụy, thân hình còn da bọc xương ? Biết bao người đã mắc phải nó rồi, dù muốn dứt bỏ cũng hết sức khó-khăn, phần nhiều không bỏ được, là tại sao ? Cây nha-phiến nó như thế nào, mà có ma-lực vô cùng mãnh liệt nguy-hại cho thân thể con người đến như thế vậy ?

— Đúng ra thì phù dung là một loại cây có ích, và người ta đã biết dùng nó từ lâu đời trong việc chế ra các loại dầu làm bánh, làm xà-bông. 2000 năm trước Chúa Giê-su, người ở các xứ Cận Đông, Ấn-Độ, Tàu, Ai-Cập, Ý, Thụy-Sĩ, Pháp, đã trồng cây phù dung để lấy dầu và ăn trái. Cây nó mập, cao từ 1 thước đến 1 thước rưỡi, lá màu xanh lục, viền lá có khía, hoa bị màu trắng hoặc màu hồng. Trái của nó giống hình một cái bầu nhỏ, có một núm ở trên, và chứa toàn hạt, những hạt lí-tử như hạt mè. Mỗi trái chứa từ 25.000 đến 30.000 hạt. Khi trái chín, thì những hạt đó rơi ra do những lỗ nứt dưới cái núm. Chính những hạt đó được người thời xưa dùng

làm bánh, ăn thơm và béo. Ngày nay nhiều hiệu bánh lớn ở Tây-phương hãy còn dùng hạt trái. Phù-dung để cho gia vị vào các thứ bánh ngọt.

Hạt nó chứa từ 40 đến 60 phần trăm dầu. Người ta dùng máy ép lấy dầu này bằng hai cách. Nếu ép lạnh thì thành ra một loại dầu ăn rất thơm, màu trắng, người Tây-phương gọi là huile d'oeillette. Ép nóng thì thành loại dầu màu đỏ bầm, huile rousse, vị chát và mùi giống như huile de lin. Dầu này dùng chế các màu, làm vec-ni (dầu sơn), làm xà-bông. Xác dầu trộn với cám cho heo ăn rất bổ.

Đó là nói về công dụng hữu ích của trái Phù-dung.

Nhưng công-dụng có lợi-ích thì ít, và ít người biết đến, còn nguy-hại của nó thì quá nhiều, đến nỗi tạo thành một tai-nạn khủng-khếp cho hàng triệu triệu người trên quả Đất từ chực thế-kỷ. Đó là nha-phiến, gọi thông-thường là thuốc phiện.

— Thuốc phiện là lấy cái lá của nó nấu ra thành nhựa hay sao ?

— Không phải thế. Khi trái của nó chín, nó thành màu vàng

rồi khô, thì cây phù-dung có một thứ nhựa trắng đục như màu sữa. Người ta chỉ khẽ cào trên da cây là nhựa đó chảy ra. Tiếp-xúc với không-khí, nhựa đông lại và biến thành màu nâu. Một quyển sách Tàu, viết hồi Thế-kỷ XVI, không ghi tên tác-giả, có bày cách lấy nhựa phù-dung rất thận trọng như sau đây :

« Khi trái phù-dung đang khô, cái núm sắp nứt ra, thì lấy con dao khẽ cắt dưới cái núm đó. Một giọt nhựa rỉ ra, phải lấy ngón tay vớt nó, nhỏ vào một cái vỏ hến (ngao). Vài giờ sau nó lại rỉ ra một giọt nhựa nữa, và cứ như thế ta lấy nhựa mãi đến chừng nào nó cạn hẳn. Để một đêm nhựa cô-đọng lại, ta làm thành viên tròn. » Đó là cách lấy nhựa nha-phiến theo xưa, và đó là loại nha-phiến nguyên chất. Ngày nay sự chế-tạo nha-phiến đã thành ra một kỹ-nghệ, cố nhiên người ta khai-thác cây phù-dung đến triệt-đề, và dùng một vài chất hóa-học để sản xuất nha-phiến với số lượng kỹ-nghệ trong đó chỉ còn từ 60 đến 70% nguyên-chất mà thôi.

Thời kỳ Pháp-thuộc, người

Pháp bán thuốc phiện công-khai cho dân Việt-Nam. Họ có thiết lập một « công quán thuốc phiện » (Régie d' Opium, viết tắt : R.O.), và họ khuyến khích người Việt-Nam hút nha-phiện để tăng gia quỹ thuốc địa của họ. Các báo cách mạng chống Pháp luôn luôn công kích dữ dội chánh sách đầu độc dân-tộc Việt-Nam bằng rượu trắng (công quán rượu, Régie d' Alcool, R.A.) và thuốc phiện. Vài tờ báo Việt ở Saigon, viết bằng Pháp-ngữ, thường đem hai chữ R.A. và R.O. ra đề chế-riếu. R.A. họ đổi lại là *République Annamite* (Cộng-Hòa An-Nam), và R.O. là *République Ombragée* (Cộng-Hòa bị Bóng-cây-che-lấp).

— Nghĩa là sao, hà Minh ?

— Nghĩa là hai chữ R.A(rượu) và R.O. (thuốc phiện) là hai món thù của dân-tộc, cần phải được xóa bỏ để xây dựng một nước Cộng-Hòa An-Nam mặc dầu còn bị dưới bóng của Cộng-Hòa Pháp.

Người ta còn nhớ sau khi nhà thơ Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu qua đời, bà quả-phụ của thi-sĩ sống trong cảnh nghèo khổ, không được ai giúp đỡ. Nhà văn Nguyễn tiến-Lãng, em vợ của thi-sĩ, và một công-chức cao-cấp của Hành-chánh

thuộc-địa, có xin đặc ân cho bà được cấp với những điều kiện dễ dãi, một môn bài R.A và R.O., để làm phương tiện sinh hoạt.

— Minh ơi, họ đồn rằng các nhà văn nhà thơ đều ghiền thuốc phiện, có đúng không, Minh ?

— Đúng một phần nào thôi. Những Văn-sĩ Thi-sĩ nhập tịch vào « Làng Bẹp »...

— Làng Bẹp là làng gì ?

— Những người nghiện thuốc phiện cứ năm bẹp cả ngày bên bàn đèn, nên người ta gọi thế... Anh nói : những Văn-sĩ nhập tịch vào làng Bẹp thích nói khôi hài rằng họ nhờ có khói thuốc phiện mới tìm được « yên-sĩ-phi-lý-thuần ».

— Nghĩa là sao ?

— *Yên-sĩ-phi-lý-thuần* là chữ Tàu, phiên âm do chữ Anh *Inspiration*, nghĩa là *cảm hứng*.

— Có hút thuốc phiện mới có cảm hứng viết văn sao ?

— Đúng cho những người hút. Anh thì anh không tin như vậy.

— Minh ơi, té ra người Việt-Nam mới hút thuốc phiện từ hồi có Pháp cai trị sao ?

— Không. Người Pháp khuyến khích dân ta hút nha phiện. cho hút công khai. vì họ thấy đó là một nguồn lợi lớn. Trước khi người Pháp qua, người Việt-Nam cũng hút thuốc phiện do các nhà buôn Tàu cung-cấp, nhưng lên-lút, và chỉ số ít thôi. Nhà Vua không cấm thuốc phiện, nhưng luân-lý xã-hội « An-Nam » khinh-khi dân nghiện, coi nha-phiện là một trong tứ đồ-tướng, một tai-họa làm suy-sụp nhà cửa, mất phẩm giá con người.

— Họ biết như vậy sao họ còn hút, hà Minh ?

— Khốn nỗi, nha-phiện quyến-rũ người ta tại vì nó chứa nhiều chất y-dược hiệu-nghiem rất mạnh. Theo phân-tách, nó chứa đến 23 chất *alcaloides*, mà mạnh nhất là *morphine* làm êm dịu được các chứng đau trong thân thể. *codéine* làm cho bớt những cơn ho, *laudanine* trừ được nhiều chứng đau bụng. Thuốc phiện là một trong số những môn thuốc có hiệu nghiệm nhất của y khoa, cho nên đã có một câu châm-ngôn trừ danh bằng la-tinh về vai trò của nha-phiện trong Y-khoa : *nolem esse medicus*

sine opio ! Có điều nguy-hại, là những *alcaloides* của nha-phiện đều có tính-chất thuốc-độc, trong y-khoa gọi là *toxicomanogènes*. Dùng nó thường xuyên, hoặc quá một mức độ nào đó, nó sẽ truyền độc trong máu. nó làm tê-liệt các bộ phận của cơ-thể.

Trong Lịch-sử Á-Đông, thuốc phiện cũng đã gây ra một cuộc chiến-tranh dữ-dội giữa nước Tàu và nước Anh. Động-cơ của chiến-tranh này là Trung-Hoa cấm nhập-cảng nha-phiện (năm 1839) mà nước Anh thì đòi Trung-Hoa phải để cho họ được tự-do nhập cảng, và tự-do bán nha-phiện cho dân Trung-Hoa. Chiến-tranh bùng nổ, và năm 1848 người Anh thắng lợi, chiếm Hồng Kông, buộc Triều-đình Mãn Thanh phải ký hòa-ước nhường hẳn Hương Cảng cho họ. Thế là vì thuốc phiện, người Tàu mất Hương-Cảng, cách nay 113 năm ! Người Anh chiếm lấy chủ quyền Hương-Cảng rồi, nhưng « Chiến-tranh Nha-phiện » còn tái diễn năm 1856, kéo dài đến 1860, lần này có cả Pháp và Hoa kỳ tham-dự bên cạnh Anh. Dĩ-nhiên là Tàu bại trận, và thuốc phiện Tây phương sản xuất từ các

thuộc-địa Anh, Pháp, Mỹ, tha-hồ nhập cảng vào đất Tàu. Thuốc phiện Tàu bị cạnh tranh gắt gao, bị phá giá, và thuốc phiện Tây-phương tràn ngập thị trường Đế quốc của Con Trời, và hàng triệu con-trời bị Phù-Dung Tiên-nữ đầu độc toi bời. Nhưng, trước tai họa kinh khủng đó, năm 1925 « Hội Vạn-Quốc » — Société des Nations tức Liên Hiệp Quốc ngày nay— nhóm tại Genève, tổ chức các Hội nghị thuốc phiện, và thiết lập những Hiệp-định quốc tế có mục đích « kiểm soát » các loại độc-được như thuốc phiện. Hiện nay « Tổ chức Y-tế Thế giới » của Liên Hiệp Quốc được trao phó trách nhiệm « kiểm soát » ấy. Nhưng dĩ nhiên, kết quả là con số không ! Ngay như ở Lào, Cao Miên, Việt Nam, đã có nghị định của các chính phủ địa phương « cấm » dân chúng hút thuốc phiện, nhưng thuốc phiện vẫn bán khắp đầu đường xó chợ, và người hút thuốc phiện vẫn lố nhố khắp các ngõ hẻm, đường mòn, các bin đình, lâu đài, biệt thự.

Khởi hải nhất là chính phủ Ngô đình Diệm cấm hút thuốc phiện gắt gao hơn bao giờ hết mà người nghiện thuốc phiện

nặng hơn ai hết, nằm hút ung-dung trong Dinh Tổng-thống, lại chính là Ngô-dinh-Nhu.

— Người Pháp, họ đầu độc dân ta bằng thuốc phiện, vậy dân họ có bị đầu-độc không, hả Minh ?

— Cũng có, nhưng chỉ số rất ít hút lên lút thôi. Trong giới văn-ngệ sĩ của họ, những người có ở lâu bên Việt-Nam, Trung-Hoa, Nhật-Bồn, cũng bị nhiễm bệnh ghìen vậy, như Claude Farrère, Pierre Loti, Albert de Pourville, v.v...

Tiếng ro-ro bên hàng xóm vẫn tiếp tục giữa im lặng của đêm khuya. Bà Tú cười :

— Hèn chi đêm nào em cũng nghe tiếng đó mà em cứ tưởng là tiếng Ma, em không dám hỏi Minh... Em sợ quá, coi chừng, năm một mình, trộm mền kín mít...

— Thuốc-phiện cũng là một loại ma đấy. Nó nhập vào người nào, là phá cho người đó chết mới thôi.

Bà Tú ôm chặt lấy ông Tú, kéo mền trùm kín cả hai người.

— Thôi, Minh đừng nói chuyện đó nữa, em sợ lắm.

● ĐIỀU-HUYỀN

Huyền Trần Công chúa

và hai châu
Ô, Lý

(tiếp theo trang 9)

Văn hay Chế-Mân cắt côi đất của quốc gia để làm thỏa lòng tình ái, là một cử chỉ liều lĩnh, làm tổn thương danh dự Chiêm-thành, đáng để cho dân Chiêm thành ta oán. Nhưng Huyền Trần Công Chúa phải rời gót son cung cấm, phai màu nhan sắc ở nơi xứ lạ bơ-vơ, cái duyên tình ấy cũng làm cho dân chúng Thăng-Lông thất lạc bản tâm, tiếc thương vô kể. Người ta có dịp nhắc đến tình phụ tử (vua Cha già con lấy chồng xa) tình xứ sở, lòng kiêu hãnh về dòng giống của một quốc gia đang thời kỳ cường thịnh, và Công chúa chịu dần bước « quy Chiêm »,... tất cả những nhịp điệu ấy trở nên thành một lời thôn-thức, một hơi thở tiếc mền nàng Công chúa mà người ta chịu mền, dành cho nàng một chỗ, một góc trong trái tim bé nhỏ của người thời bấy giờ.

Ta hãy nghe câu ca dao truyền tụng :

« Tiếc thay cây quế giữa rừng
« Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo ».

Và sau này khi Công Chúa được Trần-khắc-Chung đón về, lệnh đèn mãi ngoài biển một thời gian quá lâu khiến người ta nghi ngờ và nhớ tiếc.

«Tiếc thay hội gạo tám sơn,
«Thời nổi đồng đều lợi chan canh cà»

hoặc

«Tiếc thay hội gạo trắng ngần,
«Đã vo nước đục lại vẫn lửa rơm».

Có câu chân thật ngộ nghê :

«Con Vua lấy thẳng bán than
«Nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo».

Có người tưởng nhớ đến lúc Công-Chúa than thở khi
tới đèo Hải-Vân, nghe thấy tiếng chim kêu gành đá mà buồn:

«Chiều chiều gió thổi Hải-Vân,
«Chim kêu gành đá gấm thân em buồn».

Trong tập «Việt Nam phong sử» có chép nhiều ca dao
tiên hệ đến câu chuyện Huyền Trần Công-Chúa trên đây.

Người đời sau, nhân cảm thông nỗi buồn vô hạn của
Công Chúa, mới đặt ra những điệu hát, câu hò để nhắc
nhở đến một trang sử ly-ký cho các thế hệ mai sau :

NƯỚC NON NGÀN DẶM

(Điệu Nam-Bình)

Nước non ngàn dặm ra đi,
Cái tình chi ?
Mượn màu sơn phấn,
Đền nợ Ô, Ly.
Xót thay vì,
Đương độ xuân thì,
Độ xuân thì,
Số lao đao hay là nợ duyên gì ?

Má hồng da tuyết,
Cũng liêu như hoa tàn, trắng khuyết,
Vàng lộn theo chì,
Khúc ly ca, sao còn mừng tượng nghe gì ?
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng,
Hương dương hoa quỳ,
Dặn một lời Mân-quân:
Như chuyện mà như nguyên,
Đặng vại phân,
Vì lợi cho dân,
Tinh đem lại mà cân,
Đặng cày muôn phần.

Và, một bài khác điệu Nam-Ai, mà rất nhiều người
bết sức tán thưởng :

HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHÚA

(Điệu Nam-Ai)

Ngoảnh lại cố quốc, ngấp ngừng gót ngọc,
Mây phủ kín trời thường, ngõ ngang băng khuâng.
Hoa đang độ thanh xuân, dập vùi, cứu nạn muôn dân.
Không sánh đặng Chiêu Quân, cho trọn đạo thần quân thần,
Vẻ chi một đoá yêu kiều diễm lệ,
Vàng thau, ôi lẫn lộn, xét phận hồ hang,
Gấm thân bê bàng, kiếp hồng nhan,
Duyên nợ dở dang, ôi phụ hoàng !
Vì nghĩa giao bang, hiểu trung đôi đành.
Thân ngọc vàng, đem vùi cát bụi
Cho rảnh nợ Ô, Ly, ngâm ngùi kẻ ở người đi,
Cơn nước lửa phò nguy, nát thân sá gì.

★ LÊ-TRĂNG-KIỀU

Đón xem kỳ sau : Gốc tích Thành-Lôi ở Huế.

THU
ĐẠ
LỮ HOÀI

Trong Phủ-Thông số 162, chúng tôi có đăng bài dịch «Thu dạ từ hoà» của Thái-Bạch. Đó là bài dịch mới nhất.

Nay đề rộng đường tham khảo, và thể theo ý kiến của một số độc giả, chúng tôi xin lục đăng thêm bản dịch cũ này, đã có từ ngót thể kỷ nay, nhưng chưa rõ ai là tác giả.

PHỔ-THÔNG

Đêm thu lặng, bóng trời thấp
 thoáng.
Cánh rền thưa chuốc chén kim
 bôi.
Thiên thời nhân sự tương thôi,
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi
 người ta ?
Người đối cảnh xem hoa trắng tỏ,
Cảnh trêu người ngọn gió rung
 cây.

Nỗi niềm ai biết chẳng ai ?
Cùng ai trăng gió đêm này với
 thu ?
Thơ nhà ái bốn câu buồn vắn,
Rượu ly bôi ba chén làm khuây.
Trước đèn trong chốn thư trai,
Chạnh lòng dặt khách nhớ người
 đời xưa.
Ngoài Hương-thủy tiếng ngư
 văng vẳng,

Thuyền từ đâu chèo thẳng bên
giang?

Lờ mờ đêm nguyệt trời sương,
Thuyền ai tưởng khách non Hàn
lại không.

Khúc giang thủy nhớ ông Đại-Đỗ
Buộc con thuyền làng cũ bơ vơ.
Hứng thu đề tám bài thơ,
Xui người đất khách gần ngôi
tỉnh làng.

Xưa ta đi, liễu đang xanh thắm,
Chim Hoàng-oanh mới kể ba câu
Bằng nay cúc đã hoa thâu.
Liễu kia ngất cũng âu sầu vì ve.
Xưa ta đi dạo khoe tiểu kiếm,
Ngọn đông phong mới điểm ba
hàng.

Bằng nay lan đã trời sương,
Đào non nghĩ cũng vô vàng vì
thụ.

Làm chi vậy buồn rầu đất khách?
Ngày quán đồng mượn thịch làm
khuây.

Có đêm nường bóng hời tây,
Tiếng sương khóc lã, hơi may
gọi trùng.

Làm chi vậy lạnh lòng quán lữ?
Năm sương yên hết nửa đi rồi.
Cố đem ngời nhẵn thư trai,
Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên
lương.

Nào có phải như chàng nếm bít.
Vì vua mà đồng mác cho cam?

Luống đem thân thể cát lăm,
Thấy, ngời hồ mặt nghe, nằm
thên tai!

Nào có phải như ai vâng hịch,
Vì thân mà xa cách cho xong
Bỗng không khách địa bình bằng,
Trông mây lại nhớ, xem bông lại
buồn.

Ngày nay đứng trông miền biển
rộng,

Một lá buồm thẳng dóng về cồn.
Lòng quê đâu đã cuộn cuộn,
Phút theo buồm vượt mấy ngàn
sống khời.

Ngày mai đứng trông nơi non
thẳm,

Một làn mây sớm ngấm trên
không.

Lòng quê đâu đã bồng bồng,
Phút theo mây kéo mấy trùng
non xa.

Trông tin nhận biết là đâu tá?
Tâm tình này ai tả cho nên?

Đêm chùa Diệu-Đế chuông rền,
Trống vang cửa biển, súng rền
thành vàng...

Sông quẩn quại ruột càng quẩn quại,

Cảnh đìu hiu, đêm lại đìu hiu.

Lữ du si chẳng tiêu điều ?

Tiếng chèo trong xóm, tiếng
chèo ngoài sông!

Than đất khách nào rừng tâm
sự,

Thương người quê tình tự bấy giờ.
 Đêm khuya con tỏ cơn mờ,
 Cảm tình che quạt, luống thừa bóng trắng.
 Năm canh những mơ màng trên gối.
 Mảnh tình này biết nói cùng ai?
 Thương thay, đem vắng không người,
 Nụ thời bướm báo, mộng thời gà kêu.
 Hoặc có lúc bóng chiều trong khỏan,
 Bớt xuống thêm lại bước lên lầu.
 Phút nghe con én kêu sầu,
 Lược râu tóc chải, gương râu mặt soi.
 Hoặc có lúc đưa thoi đêm tối,
 Gọi con tì vừa tới diềm đăng.
 Chợt nghe tiếng nhạn khơi chừng,
 Máy lơi chân đạp, thoi ngừng tay đưa.
 Thương thay có đêm chờ nửa gối
 Đêm gần qua chẳng thấy thư về
 Gác thoi ra đứng bên hè,
 Tai nghe tiếng rẻ rẻ rẻ khóc sương.
 Trông chẳng thấy chán chương than thở.
 Đoái phòng khuê muốn trở gót giây.
 Gà ai eo óc hồi tây?

Gấm tình dựa ghế liền tay khâu đèn.
 Thương thay có ngày nhìn sâu khả.
 Ngày gần tàn chẳng gặp thư sang.
 Xuống thêm ra đứng bên đăng,
 Mây sâu lá liễu hàng hàng khóc ve.
 Trông chẳng thấy lại về đóng đợi.
 Đoái cầm hiên toan gọi ngón đàn.
 Bướm đâu trâu cột bình lan,
 Buồn tình mang dáp ra vườn hái hoa.
 Ráy hân bảo trời đã mất mẻ,
 Lương nhân ta có lẽ gần về.
 Biết đâu đường thể nghiêu khê,
 Dặm ngàn hồ để đi về cho năng?
 Ráy hân nói mình chừng lâu ở,
 Ôm chần mền hoặc đã có người.
 Phong lưu tánh đã quen rồi,
 Phồn hoa lịch sự lại mùi Trạng an.
 Nếu chẳng thể bằng hoàng chi mai,
 Hết xuân rồi lại hạ sang thu?
 Lầu hồng cung cấm ấy ru?
 Anh hùng lại với trượng phu ai từ?
 Như thế ấy bây giờ ai biết?
 Trông yên ba khôn siết dạ sầu.
 Há còn tral trẻ chli đầu,

Phong lưu thói cũ, giang hồ lối xưa.
 Cảnh du lơ câu thơ thồn thức,
 Bóng hương quan trước mặt mơ màng.
 Non sông khách hỏi biết chẳng?
 Vẩn tình thì nhớ, nhưng đường thì khơi,
 Tuy rằng nói đã người tần tảo,
 Trên tôn đường trong đạo tề gia.
 Rau khe nước suối cũng là,
 Minh xa nào biết ở nhà làm sao?
 Duy biết trẻ dứa nào dứa nấy,
 Trong gia đình đều hãy yên vui.
 Lúc đi trẻ mới hay cười,
 Tóc răng nay đã ra người lớn khôn.
 Vả thẳng cháu trời thương cũng khá,
 Tuổi năm nay chừng đã trưởng thành.
 Phúc nhà mừng trộm cho anh,
 Năm nay biết đã học hành cùng ai?

Ban đèn sách một hai tri thức,
 Mùi chi lan sức nức một nhà.
 Từ phen cất chén quan hà,
 Vị thành lúc ấy rồi mà Dương quan.
 Sau chẳng biết ngoài miền Bắc động,
 Hai anh ta có chóng hồi hương?
 Than ôi đồng bệnh cùng thương,
 Một Tần lại một Tiêu tương một trời.
 Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện?
 Kề hương tình cho đến khách trung.
 Mà nay nào nguyệt nào phong,
 Nào thơ nào rượu biết cùng ai hay?
 Sầu ly biệt tuôn đầy hai mắt,
 Bóng hương quan xa khuất dặm ngàn.
 Rượu rồi ngồi dựa lan can,
 Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn về thu..



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KẸO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞNG AN-CUỘC

SÁCH BÁO MỚI

★ **Trăng sầu** tập truyện ngắn của *Lê-nguyên-Thủy*, do nhà xuất bản Tâm Hồn gửi tặng. Dày 130 trang, gồm 7 truyện, trình bày trang nhã, giá bán 45đ.

★ **Mùa lý loạn** thơ của *Xuân-Son*.

Do tác-giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 82 trang, 30 bài thơ. Giá 42đ.

★ **Triết lý cuộc cách mạng** của *Gamal Abdel Nasser*, do *Trần-Thủy* dịch. Sinh-viên tự-do xuất bản. Một cuốn sách rất có ích cho những ai muốn tìm hiểu nước Ai Cập hiện nay, và chủ trương của nhà lãnh đạo Nasser trong cuộc cách mạng cứu nước. Sách in đẹp. Giá bán 45đ.

★ **Đội nường** thơ của *Chiều-Thiên-Thương*.

Tác giả xuất bản và gửi tặng. In Ronéo. Không đề giá bán.

★ **Vài ý nghĩ của Giáo Mục** của ông *Vũ-Ngô-Mưu*.

★ **Tò te** của ông *Viên-Hàm*. Hai quyển sách này đều do nhóm Thiện Chí xuất bản. Giá 30đ, và 40đ.

★ **Thi tuyển vào Đệ thất**

★ **Thi trắc nghiệm như thế nào?** hai quyển này đều do ông *Bùi-văn-Bảo* biên-soạn, dành riêng cho học sinh lớp nhất và thí sinh thi vào Đệ thất. Sóng Mới phát hành và gửi tặng.

★ **Dân tộc Chăm lược sử** của hai ông *Dohamida* và *Dorohiem* biên khảo. Sách in trên giấy trắng. Nhiều tài liệu có giá trị, cần cho những nhà sưu khảo về dân tộc Chăm. Bản đặc biệt không đề giá.

★ **Tập san Sứ-Địa**.

Do một nhóm Giáo-sư và sinh-viên Đại-học sư-phạm Sài Gòn chủ-trương. Số 1 sẽ ra mắt vào hạ tuần tháng 2-1966.

Chủ-nhiệm: *Ô. Nguyễn-Nhã*. Tòa soạn 221 Cộng-Hòa — Sài Gòn. Xin thành thật chúc bạn đồng nghiệp thành công tốt đẹp.

★ **Động bóng chiều** thơ của *Quách-Tấn*. Bìa do họa sĩ *Vĩnh-An* trình bày và ấn-loát rất đẹp. Tác-giả xuất-bản. Bản đặc biệt không đề giá bán.

★ **An lạc**

Tập san Xuân của chùa Quán-thế-Âm ấn hành. Chủ-bút: *Đại-Đức Thích-Thông-Bửu*, 60, Nguyễn-Huệ, Phú-Nhuận. Nhiều bài có giá trị.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lăn-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-liên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm-ảo

MỘT KIẾP PHÙ DU

● TÍN-KHANH

- Một kiếp sống ngắn ngủi nhưng đời dào tình ái.
— Một bí mật của tạo hóa mà khoa-học chưa khám phá hết.

MỌI con vật trên thế gian đều sống cuộc đời thực tế. Chúng biết thỏa mãn mọi nhu cầu của thiên tính và cũng như người, mặc dù không ngờ đến, cũng tiến đến mục đích cuối cùng của mọi cuộc sống: Sự sinh sản.

Hai con mèo theo nhau, ngoao diếc tại cửa xóm, tiếng hát con họa mi không có cái gì là thơ mộng

như nhiều nhà văn giàu tưởng tượng đã nói ra. Con hồ con tập bắt mồi, không phải là một trò nghịch ngợm mà chính là đề đào luyện cho mình một nghề tương lai: giết những con khác để ăn thịt. Chim hót, ta tưởng đâu là bản nhạc đón bình minh hay giúp người qua khỏi cơn phiền muộn — nhưng không, phần đông bọn chúng dùng tiếng hót để « tuyên bố » cho kẻ khác biết phần « lãnh thổ » chúng hiện đang làm chủ.

MỘT KIẾP

Sanh ra để rồi chết

Trong đám ấy, kẻ đáng thương nhất là chàng Bướm. Một cuộc đời ngắn ngủi phù phàng ! Đa số không sống quá vài ba ngày... Và sống, nào có ăn uống gì cao lương mỹ vị cho cam, và lại chàng cũng không thiết ăn nữa. Ngày còn nằm trong kén, chàng bướm đã chuẩn bị sẵn một sức lực để khi phá kén ra chào đời, chàng có thể nhón như bay lượn dưới ánh dương hay dưới bóng trăng thanh, vui chơi với cảnh vật hữu tình mà không cần ăn. Trong khoảnh khắc sinh ra để rồi chết ấy, chàng chỉ cần nhắm đôi hột sương đọng trên lá hay chút mật trên nụ hoa. Như thế cũng không phải béo bổ gì cho thân thể nhưng để bù đắp lại số lượng nước trong người đã khô lặn trong thời gian chàng còn sống.

Thế rồi, trong chuyến du ngoạn cảnh vật nên thơ, chàng gặp được bạn lòng. Cuộc tình duyên kết thúc sau một lần ái ân nồng thắm — chỉ một lần thôi — để rồi chia ly; chàng ngã gục xuống thảm xanh, từ giã cuộc đời vì kiệt sức, nàng mang « bầu tâm sự » buồn tủi ra đi, tìm nơi vắng vẻ ký thác « bầy con » vô phước rồi

cùng chết theo chàng cho trọn nghĩa.

Yêu nhau đến thế là cùng

Nếu nói si tình, không ai si tình bằng chàng bướm :

Thương nhau ba bốn núi cũng trèo

Thập bát giang cũng lội, thập nhị đèo cũng qua.

Thương đến mức ấy quả thế gian hi hữu, và nếu có, thì họa chăng chỉ có bướm.

Có một giống bướm gọi « Phalène », có bộ phận « theo rồi người yêu » vô cùng tinh vi. Trên đầu Phalène có đôi vòi, cong và xù lông như lông chim đà điểu... Nhờ đôi « ăng-tên » ấy mà bướm ta biết được người yêu ở cách xa mình hàng mấy cây số. Nàng bướm tỏa ra một hương trình đặc biệt, và hương ấy có lẽ là ngào ngạt lắm, nên chàng ta bằng đồng, vượt núi đến cùng nàng. Không những thế, cơ quan khứu giác lại càng tinh tế hơn, giúp cho đôi ăng-tên có thể thu nhận hương vị bạn lòng từ đầu đến cuối một thành phố lớn, nghĩa là hàng chục cây số. Hương

vị ấy là thứ gì, nhiều nhà tự-nhiên-học đã điên đầu mà vẫn không tìm ra. Tại sao từ con bướm cái phát ra, nó có thể chuyển đi xuyên qua hàng mấy cây số khối không khí trong đó còn pha mùi của dầu mỡ, khói hơi của kỹ nghệ mà vẫn giữ được mùi vị dễ tác động vào chàng bướm đa tình? Và họ đã quả quyết cho đó là một mùi thơm. Để thí nghiệm, người ta nhốt bướm cái vào một lồng gương rất kín, hương vị ấy không tỏa đi được. Ngược lại nhốt trong lồng có lưới sắt thì trong giây lát, bướm đực từ đâu bay tới cả bầy, tranh nhau người đẹp, thậm chí có con đậu ngay trên vật gì mà trước đây một lát người đẹp đã từng ngồi, để được hưởng chút hương thừa.

Loài bướm cũng như đa số côn trùng khác, thuộc loại biến hình, và xuất thân từ con sâu (nhộng)... Qua mỗi giai đoạn, thân hình đổi khác, đối với ta không lạ. Nếu đi sâu vào, Bướm lại có đôi diềm khác. Trong cái vỏ ngoài kín đáo, con sâu tượng hình rồi lớn lên, và nhờ một thứ kích thích tố, thân con sâu hóa dần thành con bướm.

Cái vỏ ấy bằng giác tố (chitine) rất bền, không hư, thối, biến dần dần thành vỏ cứng của bướm. Có nhiều côn trùng ngày còn là thân con sâu thường nhả ra một thứ tơ bao quanh.

Một sự ngẫu nhiên

Sách vở xưa kể lại năm 2.697 trước Thiên chúa giáng sinh, Hoàng Hậu Siling-Shi ở Trung quốc một hôm ngự chơi vườn Thượng uyển, tình cờ gặp được một kén tằm. Thấy tơ vàng lóng lánh, đều đặn xinh đẹp lại bền, bà nghĩ cách quay ra tơ và dệt ra thành lụa... Bà đã khai sinh một phát minh vĩ đại cho nhân loại vậy.

Trong ba ngàn năm, người Trung-quốc khai thác kỹ nghệ mới này và nắm hẳn độc quyền sản xuất tơ lụa. « Hàng Tàu » xuất cảng đi khắp nơi trên thế giới, do từng đoàn thương khách đưa đi, nhất là ở Ấn-độ và tận đến Âu-Châu.

Các vị « con trời » thời ấy ban bố ra nhiều đạo luật gay gắt để bảo vệ độc quyền. Người nào cố ý hay vô tình đem ra ngoại quốc một con tằm, trứng tằm hay

vài con nhộng, sẽ bị xử tử ngay tại chỗ. Thậm chí đem một cây dâu đi cũng không tránh được bản án nặng nề ấy.

Mãi cho đến mấy ngàn năm sau, vào năm 555 sau Thiên - Chúa, có hai vị tu sĩ Ba Tư tìm cách đem ra được một ít trứng tằm giấu trong lòng cây gậy chống. Trứng tằm vượt biên giới Trung quốc về đến Constantinople, một đô thị rất lớn Thôn-nhĩ-kỳ thời ấy. Và bắt đầu từ đó kỹ nghệ tằm sang được phát triển. Nghề dệt ở vùng Cận-Đông vươn lên như điều gặp gió, lan tràn khắp Âu-Châu.

Trời sinh hoa cho Bướm hay Bướm cho Hoa?

Bướm uống bằng cái vòi. Vòi uốn theo hình khu ốc ở chót mõm. Tuy nhỏ nhưng hình thức khá khác lạ. Vòi chia làm hai phần gắn liền với nhau và chính đó là đôi môi của bướm — một đôi môi mà không con vật nào có. Trong lúc đó, tạo hóa lại khá cố, sinh ra một vài loại hoa, và dành riêng cho bướm trách nhiệm làm cho cây hoa ấy đơm hoa kết trái. Bướm hút nhụy của

hoa cùng loại và về trao lại cho nhụy hoa kia, nhờ đó mà cây sinh hoa nở nhụy. Vì công việc phức tạp như thế nên chỉ có một loại bướm làm được việc này nhờ hình thức đặc biệt của đôi vòi có thể dút sâu vào đáy hoa để phun nhụy.

Như một giống lan nọ ở đảo Madagascar, màu trắng như bạc, vì dài hoa rất dài nên nhụy hoa ở cách miệng hoa đến 30 phân. Với hình thức như thế, dù gió thổi mạnh, cánh lay nhiều cũng không sao đưa nhụy cái về với hoa được. Ông Tạo đã ra tay tế độ giao cho loài bướm « Xantopan » làm giúp việc này, nhờ đôi vòi dài gần nửa thước của nó.

Ngày nay khoa học nhận thấy loài bướm ngày càng ít dần. Nguyên do vì các loại cây hoang dại cung cấp món ăn cho bướm ngày còn là sâu khan hiếm lần hồi và không có đất để sinh sản nữa.

Mặc dù thế, loài bướm vẫn còn là một bí mật mà khoa học tìm hiểu chưa hết. Con người cộc cằn thô lỗ, chưa đủ tư cách để hiểu nổi cái tinh vi, tế nhị, huyền bí của loài bướm vậy!



ngôn ngữ chăm

□ JAYA PARANG

(tiếp theo P.T. 163)

IV— TIẾNG HÁN, HÁN-VIỆT TRONG TIẾNG CHĂM

LỊCH sử chứng minh trước kia Vương-quốc Chăm còn thịnh-vượng, giữa hai nước Trung-hoa và Chiêm-thành có nhiều mối bang-giao trong suốt mấy thế-kỷ. Đã hơn một lần, người Chăm đã bị người Tàu cai-trị.

Theo « Khâm-dịnh Việt-sử » : Năm Nhâm-dân (102) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán, ở phía Nam, quận Nhật-nam (Việt-nam bây giờ, có huyện Tượng-lâm (sau gọi Lâm-ấp, rồi đổi quốc hiệu là Chiêm-thành, tức Chăm bây giờ), người huyện ấy cứ sang

cướp phá ở quận Nhật-nam, bởi vậy vua nhà Hán mới đặt quan cai-trị ở huyện ấy để phòng giữ sự rối loạn (1).

Có lẽ đó là giai đoạn đầu tiên dân tộc Chăm bị Tàu đô-hộ.

Trong sử cũng có nói đến nhiều việc giữa Tàu và Chăm từng giữ các sứ thần qua lại và có trao đổi tặng phẩm cho nhau trên địa-hạt ngoại-giao quốc-tế.

Người Chăm gọi người Tàu là *Lou* (đọc : Lo), có lẽ họ nói đến

(1) Trần-trọng-Kim — « Việt-Nam Sử-Lược », trang 55.

NGÔN NGỮ CHĂM

nước Lỗ bên Trung-hoa chẳng ? Có một vài tên thảo mộc như « quế trắng » người Chăm gọi « *Eh lov* », quế hay ế của Tàu ; « *kapah lov* », bông vải Tàu ; « *ratak lov* », đậu Tàu (đậu-phụng, đậu lạc) ; « *hala mur-ngăy lo* », lá cây tầm-ngay Tàu, v.v...

Rất tiếc, chúng tôi không biết Hán-tự và không nói được tiếng Tàu, nhưng lại muốn dẫn

chúng có là trong ngôn-ngữ Chăm cũng có cả tiếng Tàu, nên chỉ có cách là dựa theo một số từ ngữ trong Tự-diễn Chăm-Pháp và Hán-Việt Tự-diễn, có âm và nghĩa giống tiếng Chăm. Chúng tôi chưa dám nhận xét người Chăm mượn tiếng Tàu thẳng với Trung-hoa hay qua sự trung gian của Việt-nam, vì tương-đối Tàu và Việt giao dịch với nhau mật thiết hơn :

● Hán, Hán-Việt Chăm

40	av (ao)	— chiếc áo mặc.
41	urn	— yên thắng ngựa.
chung	chong, cheng	— cái chiêng (nhạc-khí).
giam	jam	— nhốt, giam cầm, giam giữ.
lâu (đầu lâu)	haluv (halâu)	— đầu sọ ; nguồn gốc, chóp cao.
lâu (lâu đài)	luv (lâu)	— nhà có tầng cao.
li	li	— một xấp thứ lá thuộc loại cây leo (li trâu, còn gọi liêng trâu).
liu	liv (liu)	— một thứ tơ sợi chưa xe thành chỉ.
hoang	hvang (hoang)	— đi đây đi đó ; của vô chủ, vô thừa nhận.
oan ưc	avan ưk (oan ưk)	— uất-ức, không được xét xử ngay thẳng, công-bình.
phao, pháo	phav (phao)	— pháo, súng (khí-giới).
sai	thai	— sai phái, sai bảo.
sai (sứ)	thai dưt	— gửi sứ thần ra nước ngoài.
sắc	sak, thak	— sắc chỉ, phong sắc.
số (số mệnh)	thô (thô vak)	— số phận, số mệnh, số kiếp.

sồ	thô	— sồ sách-
sớ	thô	— văn - kiện điều trần dâng lên vua.
sch'a wan	chavan	— trà uyên, chung nhỏ dùng để uống nước trà.
thân (thân thể)	than	— thân-thể, hình-dáng.
thật tiết	that tyak	— đối đãi với lòng chân-thành.
thê	thek	— bình dáng, bóng dáng.
thoát	thvak (thoak)	— lia ra, rời ra, rút ra, tuột ra.
v.v...		

V.— TIẾNG CAM-BỐT TRONG TIẾNG CHĂM.

Cam-bốt (Khmer) là một quốc-gia kề cận biên-giới phía nam Vương-quốc Chăm. Sử đã chép : ngoài việc bang-giao thân hữu, giữa hai nước trước kia cũng đã nhiều phen gây xung-dột, giặc-giã, cướp phá lẫn nhau không ít. Hơn nữa, Cam-bốt cũng như Chăm là những dân tộc từ g chịu ảnh-hưởng nền văn-minh Ấn-độ rất sâu đậm. Cứ xem các bảo vật mỹ-thuật đồ đá hiện trưng bày tại Bảo-tàng viện Sài-gòn đủ biết rõ điều ấy.

Vì các lẽ trên, nếu trong ngôn-ngữ Chăm có tiếng giống tiếng Cam-bốt, hoặc ngược lại, thiết tưởng cũng không phải là việc đáng ngạc nhiên. Tuy các nhà ngôn ngữ học đã phân biệt giữa hai cội rễ ngôn-ngữ của hai dân tộc khác nhau : Chăm thuộc ngữ-tộc malayopolynésien và Cam-bốt thuộc ngữ tộc mon-khmer :

Cam-Bốt	Chăm	
anet	anit	— thương-yêu, mến-chuộng.
ampil	amil	— cây trái me.
au	av (ao)	— chiếc áo tặc.
car	char	— vẽ mặt (hóa trang mặt), vẽ
hop	hốp	— cái hộp.
kak	kak	— buộc, cột.

kacoh	kachoh	— bấm văm, chặt nhỏ ra
kacor	kajor	— thúng lớn đan bằng mây.
kat	kat	— làm dấu, đánh dấu, ghi diềm
katang	katang	— thúng nhỏ
kantrai	katrây	— cây kéo.
lai	lai	— pha trộn, xáo trộn với nhau.
lan	lan	— sân lúa, nơi làm lúa hột.
liu	liv (liu)	— độc thân (chưa vợ chồng).
mun	mưn	— thời trước, thời kỳ, giai đoạn.
nang	nyan	— con tằm (tằm tơ).
pralup	palup (sup-)	— trời tối thui, đêm tối trời.
praliu	paliv (paliv)	— thiếu (cắt bỏ bộ-phận sinh-dục)
prus	pruh	— phun ra (phun nước, phun trâu).
thuun	thvon, dhvon,	— vườn tược, nơi trồng bông hoa và cây ăn trái.
	bon	— giếng nước, ao nước sâu.
trapang	tabang	— mui vông, mui cang.
umor	amur	— vãi, gieo rắc.
rai	rai	— có chất độc.
rakam	rakam	— ngọt béo, ngon ngọt, ngon bở.
rangom	rangum	

IV.— TIẾNG CÁC DÂN-TỘC KHÁC (ngoài Mã-Lai) Ở RAI RÁC TRÊN QUẦN-ĐẢO ẤN-ÚC (Mã-Lai, Indonésie và Úc-châu)

Như trên kia đã đề cập, ngôn-ngữ Chăm cùng một nguồn-gốc với tiếng Mã-lai, song người ta còn tìm thấy trong ngôn-ngữ Chăm có cả tiếng của các giống người khác ở rai rác trên các quần đảo Ấn-Úc như :

Awiamie	Chăm	
tara	darah	— máu huyết.
tangia	tangi	— tai (hính-giác).

Battak	Chàm	
ampun	apui	— xin lỗi.
anak	anuk	— con, đứa con
api	apvây (apui)	— lửa
asu	athuv (athâu)	— con chó.
atas	atah	— xa, ở đằng xa ; dài.
jahat	jhak	— xấu, dữ, hèn.
nam	nam	— sáu, số sáu.
sa	tha	— một, số một.
urang	urang	— người ta, con người.

Bugi	Chàm	
ana	anuk	— con, đứa con
endi	adây	— em, đứa em.
asu	athuv (athâu)	— con chó.
ja	jhak	— xấu, dữ, hèn.
take	takai	— chân.
tova	atuv (atâu)	— thi hài, thê-xác.

Dayak	Chàm	
ampun	ampun	— xin lỗi
apui	apvây (apui)	— lửa.
johat	jhak	— xấu, dữ, hèn.
kajang	kajang	— nhà rạp.
sa	tha	— một, số một.
tujuh	tajuh, tijuh	— bảy, số bảy.

Java	Chàm	
adi	adây	— em, người em.
anak	anuk	— con, đứa con.
ampun	ampun	— xin lỗi.
api	apvây (apui)	— lửa.
atah	atah	— xa, ở đằng xa ; dài.

asu	athuv (athâu)	— con chó.
banga	bangu bingu	— bông hoa.
enam	nam	— sáu, số sáu
iket	ikak, akak	— buộc, cột.
jahat	jhak	— xấu, dữ, hèn.
kajang	ka jang	— nhà rạp.
liman	limun	— con voi.
hujung	hajung	— ngọn (trái với gốc).
avang	urang, orang	— người ta, con người.
vis	bih, abih	— hết, tận cùng, cuối cùng.

ngoài những sắc dân kê trên, còn có một số giống người khác cùng cư ngụ tại các quần đảo này, đều có ít nhiều tiếng nói trùng với tiếng Chàm, đó là giống người Benua, Bisaya, Kaseng, Kawi, Khmous, Lamet, Makassar, Marquisien, Misima, Murua, Nala, Sariba, Semang, Dunda, Tagal và Toba.

VII — SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA TIẾNG VIỆT (nôm) VÀ TIẾNG CHÀM

Đặc biệt nhất đối với Việt-Nam, một dân tộc có nhiều sử-kịch quan trọng tương quan với dân tộc Chàm hơn ai hết. Một khi người ta đem so sánh các khía cạnh lịch-sử giữa hai dân-tộc, thấy họ đã chịu ảnh hưởng lẫn nhau rất nhiều vấn đề, riêng về phương diện ngôn ngữ cũng đáng lưu ý lắm.

Thật vậy, chúng tôi đã có dịp làm bảng thống kê thử, thấy có nhiều từ ngữ Chàm Việt rất gần nhau cả âm lẫn nghĩa, từ tiếng đơn đến tiếng kép. Nhưng trong bài này, vì khuôn khổ nhỏ hẹp, chúng tôi chỉ lựa một số từ ngữ kép của Việt và tiếng đa âm của Chàm như sau đây :

Việt	Chàm	
Bây-vẽ	byai bye	— bàn tán, sinh thêm chuyện.
Bám-vắm	jabram	— chặt nhỏ cho nát ra.
Bây-bạ	bây ba	— làm hay nói bây-bạ.

NGÔN NGỮ CHĂM

cà rá	karah	— nhẵn đeo tay.
cam-linh, cam-ranh	kam lieng	— tên một cái vịnh gần Nha Trang, tên một loại danh mộc.
cồng-kênh	gông gang	— vương-viú vì to lớn (trá với gọn-gàn).
cù-lao	kulav (kulao)	— núi nhỏ nổi giữa biển.
cút lùn	kut balut	— bị ngăn hẳn.
dùng-dăng	dung dang	— đo dự, lường lự.
Đà-năng	Danak	— tên một thị-xã ở Quảng-nam.
Đà-răng	darang	— tên một con sông ở Phú-yên, loại cây nhàu.
Hàn	Hang	— tên một cửa sông ở Quảng-Nam. Tiếng Chăm còn có nghĩa là bờ sông, bờ biển, nơi mua bán, chợ.
háy-ho	hăy hov (hav ho)	— tốt, giỏi, khéo, đẹp.

(còn 1 bộ)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hòa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liên chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

CHÍNH KHÚC



● NGUYỄN-VĂN-HỒNG

Đã đành vậy khép mình ru nhẵn nhục
 Để uơn hèn tụ máu chảy quanh.
 Một trăm năm rồi cũng một lần
 Ta biết vậy nên mỉm cười ngồi đợi
 Chối sủng, đùa giỡm, mua thù, bán hận.
 Một từng ngày mà lỗ lã đến hằng đêm.
 Mẹ bao dung ngồi hong áo bên thềm
 Giọt giả-tưởng chờ con về ca ngợi
 Con đã chết ngoài cánh đồng biên giới
 Lời mẹ khuyên, khỏi sủng bạc hơi người
 Con của mẹ lỗi lầm nên hiểu sát
 Đạn nuôi thù hèn nhát lén vào tim
 Trăng hăm ba chữ chềch xế lưỡi liềm
 Chợt ngoảnh lại nhận ra mình tầm gởi

Vui buồn trong làng văn làng báo

NÀO THÌ GỌI ĐÍCH DANH!

★ CỬU-SỪNG

Trước hết, xin được đổi tên đổi họ cái đã.

Vào một ngày cuối năm, năm ngoái, năm Tỵ, Hiền-Vi có việc đi qua tòa soạn nhật báo Sống, bèn nghĩ câu "đồng khí tương cầu" và tạt vào thăm mấy thứ dữ Mô Báo, Bếp Nhỏ, Thương-Sinh và Thập Nguyên trong đó.

Vừa trông thấy mặt Hiền-Vi, Thương-Sinh đã chum miệng một cách hàm tiếu mà rằng :

— Nay, kẻ thù của mày đã nhận diện được mày rồi đó ! Chúng nó biết mày đã chúng nó rồi.

Hiền-Vi ngấm nghĩ một lát rồi mới hỏi lại, giọng lấp lửng :

— Mày nói thật hay nói đùa ? Chẳng lẽ tao chỉ dấm gió thế thôi mà chúng nó đã dặt mình rồi ?

Bếp Nhỏ gật gù triết lý vụn :

— Thì người khôn nói mảnh, người dại đánh đòn, chứ sao !

Mô-Báo chặc lưỡi :

VUI BUỒN

— Đúng ! Việc "dốt" gì phải đọc tên cúng cơm ra, mấy cái "xít-ta-xông" của mày cũng đủ rồi.

Hiền-Vi quai miệng ra một cách thú vị :

— Bơ-oi dzaaây !

Thập-Nguyên rít một hơi thuật lá, giọng xây dựng :

— Có điều cậu nên đổi tên đi. Hiền-Vi là cái chao gì ? Nghe hiền thấy mẹ !

Hiền-Vi từ từ đứng dậy, đột nhiên cái thẳng người của hắn cứ mờ dần rồi biến mất. Tàng hình ! Tàng hình ! Trong khi đó bốn tên Bếp Nhỏ, Thương-Sinh, Mô báo, Thập-Nguyên vẫn mồm mím ngồi chờ. Hồi lâu, ngay chỗ chân không vừa rồi, lại rõ dần, rõ dần một phản ảnh, và phát ra giọng nói dộp dộp không chịu được :

— Như ta đây tên gọi CỬU-SỪNG !

Báo VĂN rất nhiều độc giả

Và vào một ngày đầu năm, năm nay, năm Ngọ, ở tòa báo Phò Thông, Cửu-Sùng, tức hậu thân của Hiền-Vi, đang ngồi viết lia-lịa cái gì không biết, chỉ thấy lâu lâu hắn lại mím cười nửa miệng ; ngay lúc đó thì nhà veo Lan-Đình bước vào :

— Nay, số tân niên ra chưa ?

— Chưa. Hồi làm gì ?

— Đề lấy nhuận bút.

— Ngồi chơi chờ Nguyễn-Thu-Minh. Trong khi ngồi chờ thì góp ý kiến hộ cái này !

Cửu-Sùng quăng tờ VĂN số 51 ra. Lật trang đầu, Lan-Đình thử liếc vào cái bài dẫn trước :

Trong dịp tết Nguyên-đán vừa qua. Tòa soạn VĂN đã nhận được rất nhiều thư, thiệp và điện tín chúc mừng của bạn đọc bốn phương...

Cửu-Sùng tiếp .

— Bài áp chót cơ mà. Tôi đang viết thư cho anh Nguyễn-Vỹ để biết anh ấy có muốn trả lời không.

— Anh ấy đi đâu ?

— Ăn tết ngoài Huế, chưa về...

Lan-Đình lại thử liếc vào bài áp chót. Rồi hần vút trả tờ VĂN cho Cửu-Sùng :

— Theo tôi, Anh Nguyễn-Vỹ sẽ không trả lời. Bởi vì chính báo VĂN đã trả lời thay anh ấy rồi. Bằng chứng, báo VĂN cho rằng anh Nguyễn-Vỹ đã bị sa-sút ở ba điểm chính :

- 1) Chửi bâng quơ thì không lôi kéo được người nghe.
- 2) Những bài trong mục « Minh ơi » không thấy chua xuất xứ.
- 3) Phở-Thông chỉ còn ba ngàn độc-giã thôi.

Và một điểm phụ : Báo Dân Ta đã bị chính quyền đóng cửa cho sạch sẽ làng báo.

Vậy thử hỏi lại :

1) Chửi bâng quơ không lôi kéo được người nghe, thế sao lại có báo VĂN bị tức mình ?

2) Những bài trong mục « Minh ơi » không thấy chua xuất xứ ? Thì đó là trường hợp « Tout s'oublie, seule la culture reste ». Nhưng nếu ai hỏi tôi lấy câu đó ở đâu, thì xin thú thật tôi đã quên hẳn. Và chẳng, tôi tưởng ông Nguyễn-dinh-Vượng, chủ-nhiệm một tờ « Bán nguyệt san Văn-chương Tư-tưởng Nghệ-thuật, tức là một thức giả, thì ông đã có thừa « Văn-chương Tư-tưởng Nghệ-thuật » để hiểu rằng xuất xứ của một bài báo đôi khi còn đòi hỏi ở người đọc phải có một vốn liếng hiểu biết nào đó. Chẳng hạn, khi tôi đọc cái câu « Trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng », chẳng lẽ còn có người hỏi... xuất xứ !

Cửu Sùng ngắt lời Lan Đình :

— Ông Nguyễn-dinh-Vượng là một thức-giả ?

— Chứ sao ! Anh Nguyễn-Vỹ chỉ dám nêu chiêu bài « góp phần xây dựng văn hóa Việt Nam, phổ biến văn-hóa đông tây kim cổ ». Vậy cả hai công việc « góp phần » và « phổ biến » đều chỉ có tính

cách trung-gian, chuyên chở, kếm xa chiêu bài của ông Nguyễn-dinh-Vượng, rằng trong tờ VĂN, tự nó đã có sẵn văn chương tư tưởng nghệ thuật rồi !

Nói khác đi, ông Nguyễn-dinh-Vượng còn hiểu rõ những thứ Sartre, Camus, hoặc Somerset Maugham gặp bội anh Nguyễn-Vỹ.

Cửu-Sùng ngăn ra :

— Ừa nhĩ ! Thế còn ?..

— Điểm 3 : Phở-Thông chỉ còn ba ngàn độc-giã. Trời đất Dù sao còn số 3000 vẫn cụ thể hơn cách nói « rất nhiều » (?). Như rất nhiều thư, thiệp và điện tín chúc mừng của bạn đọc bốn phương..

— Và điểm phụ ?

— Riêng điểm này quả thật VĂN đã chặn họng PHỒ-THÔNG rồi. Hai chữ « chính quyền » làm tôi liên tưởng đến một thứ lý luận kiểu «Tôi là nhà văn chống Cộng, vậy ai chê tác phẩm của tôi, thì người đó là Việt-cộng».

— Hề hề !

Văn a-ca-đê-mích, một phê-nô-men

Vừa lúc Nguyễn-Thu-Minh ra «băng» về. Lấy nhuận bút xong. Lan-Đình, trước khi bỏ đi, cộp quay báo Cửu-Sùng :

— Trong một trận đánh nhau bằng chân tay, kẻ biết điểm huyết sẽ thủ thắng. Cũng như trong cuộc bút chiến, bên nào lập luận vững, đủ bằng chứng đề viện lẽ cho chắc, chắc như «ông Nguyễn-dinh-Vượng học giỏi, viết hay hơn anh Nguyễn-Vỹ», thì bên ấy có chính nghĩa.

Ngồi lại, Cửu-Sùng nói trong bụng, theo nhà phê bình Đảng-vân-Hầu thì Lan-Đình dôn hậu (văn hàn lâm), nhưng theo nhà văn Nguyễn-mạnh-Côn, thì Lan-Đình là một hiện-tượng. Hèn chi, hần ít nói, không ưa gây lộn, nhưng... thế mà dữ dáo đề ! Hần chi hiền với bút thôi !

Vâng Lan-Đình hiền lắm. Cả mấy năm nay, đi đâu hần cũng nghe người ta (trong số đó có Song-Linh, Hoàng-Khanh, Duyên-Anh) nói lại lời ông Nguyễn-dinh-Vượng, rằng « LĐ xin đăng bài, mà tôi thấy dở quá, không đăng, nó tức lắm (!) ». thế mà hần vẫn điềm nhiên, mỉm cười. Cho đến bây giờ...

LỬA TÌNH

★ Trần-Quán-Kiệt

(tiếp theo PT 165)

TRIỆU dậm ra bối rối :
— Anh.. anh không... nhưng mà em à... chúng ta bắt chấp đư luận.

Nga nói :

— Đư luận thì em không sợ gì, nhưng em rất sợ một điều.

Ngắt lời nhanh, Triệu nói :

— Phải em sợ anh đã có gia đình.

Nga im lặng. Triệu thấy lòng chua xót quá, bỗng nhiên mắt Triệu long lên sòng sọc :

— Chúng ta bắt chấp cả, em thì cứ sống.

Nga dùa trong đau khổ :

— Anh nói nghe hay nhỉ! Chúng ta cứ yêu và cứ sống, còn bao nhiêu cái ràng buộc đó thì sao ?

— Ràng buộc gì ?

— Về em về anh !

Triệu cầm tay Nga hỏi :

— Em nói gì, anh không thể hiểu được ?

— Dường như anh độ rầy nóng tính lắm, khác hơn sự hiền từ ngày trước ?

Nga nói đến đây, ngược mắt lên nhìn Triệu, môi nàng lay động như sắp khóc.

— Này Nga ! em không thể dứt được nơi em làm ư ? Đi thì cứ đi, có sợ gì bọn hút máu người đó.

Nga lắc đầu :

— Không được.

Triệu nắm mạnh tay xuống giường :

— Vì sao ? Anh không đủ sức bảo vệ em ư ?

— Chúng nó nguy hiểm lắm. Rồi anh biết, chúng nó sẽ trả thù anh.

— Ra sao thì ra. Anh không sợ, và nhất quyết không để em vào tay chúng nó một lần nữa. Em không có cam đảm, em không có được ý chí để vượt khỏi cái chỗ hắc ám, cái nơi giam kín, cái nơi tàn phá cuộc đời xuân sắc đó ư ?

— Nhưng anh ơi ! đó cũng là một nơi khai lộ cho em vào cuộc đời này, đó cũng là nơi giúp em còn giữ được đời sống.

— Để sống những ngày tháng đầy dọ ư... để sống ô trọc như thế này ư ?

Và chưa đã nư, mắt đỏ bừng long lên dữ tợn, Triệu đứng dậy đá tung chiếc bàn cạnh đó văng bầy vào vách.

Nga kêu lên một tiếng đau nhói tim gan. Những lời của Triệu, những lời như kim châm chọc nát lòng đau khổ từ bao lâu của nàng. Tấm lòng không được chút tiện, tấm lòng như tấm gương soi, bấy lâu còn dấu kín trong tấm thân được nhiều như nhuộm đó.

Nàng không thể chịu đựng nổi em mặt khóc òa lên. Bấy lâu

nay, đau khổ dồn nén, giờ đây không ngăn chỉ nữa. Nàng ôm chầm lấy Triệu. Chàng thanh niên chiến sĩ ngày trở về, nào ngờ gặp cảnh khó nghĩ, đau đớn quá như vậy... Triệu thét lên :

— Rồi bao nhiêu cái đẹp, bao nhiêu sự trong sạch, bao nhiêu sự cao cả... bị vùi dập hết, còn gì đâu.

Nga khóc đã, khóc mùi mầu, khóc mê diên, rồi gục đầu xuống gối, nước mắt dầm dĩa. Triệu vuốt ve lên mái tóc bông bành đen mượt đó, làn sống tóc chờn vờn như nổi lên cơn sóng tình lay động tâm hồn chàng.

— Nga ơi ! nín đi em !

Nga không đáp. Triệu xoay nàng lại. Nàng nhất định úp mặt khóc vùi. Triệu ngo-ngàn ngo; im nghe nàng khóc, và lúc đó, con người mềm yếu từ xưa bỗng sống lại. Chàng cảm thấy như mình sắp khóc theo người yêu.

— Thôi em, chúng ta đi ăn... không lý nào chúng ta ngồi đây khóc lóc mãi.

Nhưng lạ quá, Nga không ngồi lên. Triệu vừa chớm biết tình ý nọ nói đùa :

— Nga ơi dậy em ạ, đừng làm nũng nữa em. Nga vẫn nín thinh, Triệu lùa hai tay vào hai cánh tay mềm mại đó xoay người lại. Thật là một nàng vệ nữ thần, gương mặt sâu muện, tấm thân nuột nà óng ả trong làn áo thơm ướp nước hoa nồng đó. Triệu áp mặt mình lên ngực người yêu, vành tai chàng nóng lên khi nghe nhịp tim nàng lay động.

Nga ấp úng :

— Em muốn chết. Vì sao anh tàn nhẫn với em quá đời.

Triệu đưa ngón tay chặn môi nàng lại :

— Nói gì đấy.

Nga nói :

— Anh vừa mắng em.

— Không... vì anh ức bợn còn đồ ấy !

Nga ôm chầm lấy đầu Triệu ghì sát hơn vào ngực mình. Như kẻ say chệnh choáng vì tình, Triệu ngất ngư trong cảm khoái.

— Anh yêu em lắm.

— Em cũng vậy, khổ quá anh ơi !

— Đừng sợ em ạ, anh sẽ bảo bọc đời em.

— Em thấy như đứng ở một thế chênh vênh lắm. Nhưng em lấy lại được tin tưởng hơn, từ bao lâu, em đã mất niềm tin ấy.

— Hãy cố gắng hơn rồi sẽ được sống chung với nhau.

Nga bỗng hoảng hốt khi nghe nói đến sống chung với nhau :

— Nhưng, dù cho hai ta có yêu nhau vô cùng, hơn tất cả mọi người, chúng ta vẫn bị chia cách nhau anh ạ. Em vẫn thấy xa cách anh nhiều hơn nữa.

— Em nói những điều nghe thật lạ.

Nga im lặng. Có điều gì thâm kín chưa chất dâng lên trong lòng nàng.

Triệu không nói gì, nhìn Nga đang thồn thức. Chàng thường hay có những ý nghĩ về định mệnh. Nhất là những ngày xông ra ngoài trận mạc. Định mệnh tàn khốc thường xảy tới không biết đầu mà lường được.

Nga ngửa mặt nhìn Triệu đang suy nghĩ điều gì. Nàng không đoán ra được.

Nàng hỏi :

— Anh nghĩ gì về em ?

— Không. Anh chỉ tin tưởng rằng ngày mai mọi sự yên ổn, chúng ta vẫn gần nhau.

Nga mỉm cười :

— Gần nhau thế nào được, vợ con anh ?

— Anh sẽ giải quyết ổn thỏa em tin anh. Nga bỗng nhiên cười lên. Tiếng cười tóe ra thật lớn.

Triệu thấy khó chịu :

— Em định mĩa mai ư ?

— Nào có gì. Em bỗng thấy đời em đậm ấm vô cùng. Ngày nào được kề anh, nghe anh, hít hơi thở và giọng nói ngọt ngào đầy tin tưởng đó là đủ.

Triệu cảm thấy hạnh phúc dâng lên mắt, trào ra tự đáy lòng. Chàng ôm chặt tấm thân kiều-mỹ đó vào lòng. Đặt lên má nàng một nụ hôn yêu đương.

Hầu như bao nhiêu gian nan

trải qua trên bước đường đời đã tan mất, Nga vui vẻ trong lòng người yêu như tự thuở còn son sắc ngây thơ.

Bỗng Nga nhồm dậy. Bỗng nàng in vào gương rực rỡ. Nàng thấy mình đẹp thật. Nhưng vẻ đẹp đã nhuốm nét phong trần. Triệu cũng thấy lòng nao-nao ý nghĩ đó. Một sự phản bội nào của lòng đời, sự phản bội vì tham lam và tàn ác đối với tình yêu thương đồng loại, đã làm phai nhạt màu thanh xuân tươi thắm của người chàng yêu quý. Nghĩ phân vân, Triệu nghe lòng buồn rượi. Rồi ngày mai, cuộc đời nào đã xếp đặt được cho mình một hướng vọng gì thỏa đáng đâu. Triệu bất ngờ lay mạnh vào vai Nga, khiến nàng kêu lên đau đớn :

— Gì thế anh ?

(Còn nữa)

Chia buồn

Hay tin chậm bác Đoàn-vinh-Thịnh đã từ trần tại Đà-nẵng. Thành kính chia buồn cùng gia đình bạn Đoàn-minh-Hải.
NGUYỄN-VẠN-HỒNG



* Cửa Ông Nguyễn-Ngu-Í. Kí giả, Saigon

...Trong số Phở Thông Noel 1965, tôi thấy một bạn đùa tôi và i cụt (kí giả Ngu-Í với cô Thầm-Thúi-Hằng...) và hai chỗ sơ sót nhỏ của anh. Xin thân ái góp đôi chỗ tôi biết với anh.

Một là anh cho cô Nguyễn thị Mạnh-Mạnh diễn thuyết cổ động thơ mới mà không làm một bài thơ nào. Thật ra, cô Kiên có làm vài bài « thơ mới », và đăng ở *Phụ nữ Tân Văn*; tôi xin chép lại một bài đầy đủ và 2 đoạn trong 2 bài.

Hai là tờ báo của Phan-Khôi ở Huế là tờ *Sông Hương*, ra năm 1936; anh ghi *Hương Giang* cũng cùng 1 nghĩa, song đúng có 50%!

Tôi cũng muốn viết đề minh oan cho anh chàng Ngu-Í *sai cái lái* (say tuý lúy), theo điệu mầu chuyện vui như mầu đã đùa tôi (vì sự thật, tôi chỉ thấy bằng i khi chúng đọc như nhau, chứ chẳng động đến vần ay, uy khác với vần ai, ui, mà có bằng chứng). Nhưng chẳng rõ Phở Thông có vui lòng đăng không? Anh cho biết ý kiến nhé!

Thân ái.

Ngu-Í

Đây, vài bài Thơ của cô Mạnh Mạnh

● Viếng phòng vắng (Một lối thơ mới)

Gió lọt phòng không
Tạt hơi đông
Lạnh như đồng
Ngồi mơ tưởng
Ngày xưa phát phưởng

Dấy động tơ lòng

Trái đã mấy trắng
Hơi nhện giăng
Vội rêu lan
Tắm vách cũ
Từ khi người chủ
Một giấc lặng trang?

ĐU BẠN ĐOC

Ten nát vóc xưa
Dưới mỡ mưa
Sương phủ dập...
Đến hồn nàng
Thôi cũng bật ðàng
Biết sao được gặp..

Hồ hẹn kiếp sau
Lại tìm nhau.
Có đặng nào?
Dầu có tôi
Nàng sẽ tái sinh
Ở vũ trụ nào?

Thôi duyên có bấy
Nhiều ngần ấy!
Hoa đề tàn
Trong trương sách
Hỏi lây lách
Như thắm từng hàng;

Nàng tựa đóa hoa
Mà người ta
Là quyền sách

Lạt nửa chừng,
Từ mỗi tờ, bùng
Hương lên bay tách...

Gió lọt phòng không
Tạt hơi đông
Lạnh như đồng
Ngồi tơ tưởng
Tình xưa phát phưởng
Ấm dịu cõi lòng.

(Phụ nữ Tân Văn, số mùa
Xuân, ngày 19-1-1933)

● Hai cô thiếu nữ

Hai cô thiếu nữ đi ra đồng...
(Một cô ở chợ, một cô ở
đồng)
Hai cô thiếu nữ đi ra đồng;
Một mảnh lụa hồng, một vóc
vải đen.

(PNTV số 204, 15-6-1933)

ĐÓN ĐỌC.

THÁNG
NĂM
SÀU

thơ
PHƯƠNG
DUYÊN

TÌM ĐỌC

AN LẠC

Chùa Quán Thế Âm, 68 Nguyễn Huệ xuất bản
Đại-dức THÔNG-BỬU biên soạn

QUÍ BẠN YÊU THƠ. TÌM ĐỌC

TIẾNG VONG

của TRẦN-TUẤN-KIỆT
TỔNG-MINH-PHỤNG
PHAN-MINH-HỒNG

Có bán tại tòa soạn Phê-Thông, giá 45đ.

Nhà xuất-bản Tư-Duy
Hộp thư 1467 Saigon
MỚI PHÁT HÀNH

Lịch-sử

VĂN-HOC CÔNG-GIAO VIỆT-NAM

của VÕ-LONG-TÊ

Dày 372 trang, 32 phụ-bản, giá bán 90đ.

Cần Đến kinh kỳ, Bàn hân đã dượt, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống :
Lời Công Hoàn « ÔNG TIỀN ». Hỏi các iệm huốc Hoa-Việt
Saigon 228! Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** [Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63]

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỀN »**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ
ĐÀN BÀ ĐƯỜNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉC-OT, CHÂN MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯỞU AU-ĐƯỢC

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu. Kiết lỵ.
dùng **Kim Xiển-Đơn** hiệu **« Con Ve »** mau hết.

● AI BỊ BỆNH HO :

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống
thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm
bồ phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-
văn-Duyệt Saigon; các tiệm thuốc bắc có bán.



KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dịa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản

SAIGON

K.D. 322 ngày 18-2-1966

Ấy phép số 292 CDVITT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN

231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon